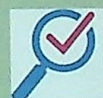


PHẠM THỊ THU HƯƠNG (Chủ biên)
TRỊNH THỊ MÀU - TRỊNH THỊ LAN - TRỊNH THỊ BÍCH THUY

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP

LỚP 11
TẬP MỘT



Phát triển năng lực ...



STK-007005



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHẠM THỊ THU HƯƠNG (Chủ biên)
TRỊNH THỊ MÀU – TRỊNH THỊ LAN – TRỊNH THỊ BÍCH THUY

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP LỚP 11 – TẬP MỘT

Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên)
Trịnh Thị Màu – Trịnh Thị Lan – Trịnh Thị Bích Thủy

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.
Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để hoàn thiện hơn. Mọi góp ý và thắc mắc liên hệ về đơn vị và địa chỉ bản quyền
xin vui lòng gửi về địa chỉ: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, số 157 Phố Huế, Hà Nội.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc P.08 TS. NGUYỄN BÁ CHƯNG

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập P.08 TS. ĐO VIỆT HÙNG

Biên tập nội dung:
TRẦN THỊ LÚ

Thiết kế bìa:
NGUYỄN HẰNG HÙNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TIỂU VĂN ANH

Mã số tích lũy chuẩn được là ISBN 978-604-24-3977-7
In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm, tại Công ty Cổ phần In Phúc Yên
Địa chỉ: Đường Tân Phú, phường Trưng Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1040-2017/CXB/H-03-28/ĐHSP
Quyết định xuất bản số: 11124/ĐB-HK/ĐHSP, ngày 18/10/2017
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2017

TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦM
THƯ VIỆN

STIC - 7005



UNIVERSITY OF EDUCATION PUBLISHING HOUSE
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.37547735 | Fax: 024.37547911
Email: hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG
QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP
LỚP 11 – TẬP MỘT**

Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên)
Trịnh Thị Màu – Trịnh Thị Lan – Trịnh Thị Bích Thuý

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền
xin vui lòng gửi về địa chỉ email: kehoach@nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PGS.TS. NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: GS.TS. ĐỖ VIỆT HÙNG

Biên tập nội dung:

TRẦN THỊ LỖ

Thiết kế sách:

NGUYỄN NĂNG HƯNG

Trình bày bìa:

TIÊU VĂN ANH

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: ISBN 978-604-54-3977-7

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty Cổ phần In Phúc Yên
Địa chỉ: Đường Trần Phú, phường Trưng Nhị, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1940-2017/CXBIPH/03-58/ĐHSP
Quyết định xuất bản số: 1115/QĐ-NXBĐHSP ngày 18/10/2017
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2017.

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	4
VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH (Trích <i>Thượng kinh ký sự</i>) – Lê Hữu Trác.....	5
TỰ TÌNH (Bài II) – Hồ Xuân Hương.....	8
CÂU CÁ MÙA THU (<i>Thu điếu</i>) – Nguyễn Khuyến	14
THƯƠNG VỢ – Trần Tế Xương.....	18
BÀI CA NGẮT NGƯỠNG – Nguyễn Công Trứ	22
BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT (<i>Sa hành đoản ca</i>) – Cao Bá Quát	27
LỄ GHÉT THƯƠNG (Trích <i>Truyện Lục Vân Tiên</i>) – Nguyễn Đình Chiểu	31
VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC – Nguyễn Đình Chiểu	35
CHIẾU CẦU HIỀN (<i>Cầu hiền chiếu</i>) – Ngô Thì Nhậm.....	40
HAI ĐỨA TRẺ – Thạch Lam	44
CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ – Nguyễn Tuân.....	50
HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA (Trích <i>Số đỏ</i>) – Vũ Trọng Phụng	57
CHÍ PHÈO – Nam Cao.....	61
VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI (Trích <i>Vũ Như Tô</i>) – Nguyễn Huy Tưởng.....	70
TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN (Trích <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i>) – U. Sếch-xpia	76
NGŨ LIỆU ĐỌC HIỂU	79
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG	88

LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo và các em học sinh thân mến!

Đọc là một trong những năng lực quan trọng nhất của con người. Chúng ta học để đọc, đọc để tiếp tục học hỏi, mở mang hiểu biết, khám phá thế giới và hiểu sâu sắc hơn về chính bản thân mình. Bởi vậy hướng đến quốc gia của những độc giả đã trở thành mục tiêu của nhiều nền giáo dục tiên tiến trên toàn cầu.

Trong thế giới phong phú, rộng lớn đang không ngừng mở rộng biên giới của đối tượng đọc, văn bản văn chương có một “lực hấp dẫn” đặc biệt, vừa gần gũi, vừa xa cách, vừa thú vị, vừa thách thức, vừa muôn đời vẫn vậy, vừa không ngừng mang phẩm chất của “lời tự lớn lên”, vừa lưu giữ, bảo tồn, bất tử hoá những khoảnh khắc mãi mãi đã đi qua, vừa mở về phía trước, “can dự” vào đời sống đương đại từ hoạt động tiếp nhận của độc giả.

Trong nhà trường phổ thông, mỗi học sinh là một bạn đọc sáng tạo. Học sinh cần được học cách đọc để có thể trở thành độc giả độc lập, có khả năng tự chiếm lĩnh văn bản nghệ thuật đáp ứng các mục tiêu khác nhau và phát triển toàn diện bản thân. Hệ thống phiếu học tập được xây dựng trong bộ sách này là một trong những cách thức hướng đến mục tiêu đó.

Các phiếu học tập giúp học sinh trực tiếp làm việc với văn bản, với thế giới của câu chữ, con người và đời sống được khám phá, tổ chức theo phương thức nghệ thuật riêng của mỗi tác giả. Hành trình thú vị, tự thử thách bản thân của hoạt động đọc văn được bắt đầu từ việc huy động những gì gần gũi, quen thuộc, có ý nghĩa mà học sinh đã trải nghiệm để bước vào cánh cửa văn chương; đọc lướt tác phẩm để định hướng ban đầu; đọc sâu vào từng khía cạnh của văn bản để hình dung, tưởng tượng, nhập thân vào thế giới nghệ thuật, trải nghiệm những chiều kích khác vô cùng phong phú của đời sống; đọc suy luận để cắt nghĩa, lí giải, làm đầy những khoảng trống im lặng của mỗi trang văn; đọc kết nối để thấy điều văn học thể hiện thật gần gũi với những gì đang hiện hữu ở “cuộc sống quanh ta”, tác phẩm văn học đang thực sự giúp ta lớn lên từng ngày trong hiểu biết, ứng xử, suy ngẫm như thế nào, mở rộng khung khổ quen thuộc của văn bản ra khỏi trang sách, thâm nhập vào đời sống, vào các “kênh” cảm nhận và thể hiện “đa phương thức” khác,... Đây cũng là cách các bộ sách giáo khoa của nhiều nền giáo dục phát triển trên thế giới dạy học sinh đọc văn, nuôi giữ ngọn lửa tình yêu với văn chương trong bối cảnh bị cạnh tranh khốc liệt với các phương tiện giải trí nghe nhìn và tâm lí tiếp nhận của một thế hệ bạn đọc mới có rất nhiều thay đổi so với truyền thống.

Hệ thống phiếu học tập cũng được thiết kế theo hướng tích cực hoá hoạt động của học sinh, khơi gợi hứng thú đọc, kích hoạt sự sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng tự học của học sinh. Đây là bộ công cụ hấp dẫn, hiệu quả, học sinh có thể sử dụng để soạn bài, học bài mới, ôn tập, làm việc cá nhân, làm việc nhóm, làm việc với cộng đồng. Đây cũng là phương tiện dạy học hỗ trợ đắc lực cho giáo viên, giúp người dạy tổ chức hoạt động trên lớp, kiểm tra đánh giá, gợi ý các hoạt động và hình thức tổ chức hoạt động mới mẻ, giúp các thầy cô thực sự trở thành những chuyên gia sáng tạo trong nghề nghiệp của mình.

Thấu hiểu và chia sẻ sâu sắc với những gì môn học Ngữ văn và nhà trường đang đối mặt, chúng tôi trân trọng gửi đến các thầy cô và các em học sinh bộ sách **“PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP”**. Nhân đây, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc đến các tác giả của những tư liệu mà chúng tôi đã sử dụng trong quá trình biên soạn bộ sách này. Chúng tôi mong muốn nhận được những phản hồi, đóng góp của bạn đọc để bổ sung, hoàn thiện tốt hơn.

CÁC TÁC GIẢ

VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH (Trích *Thượng kinh ký sự*)

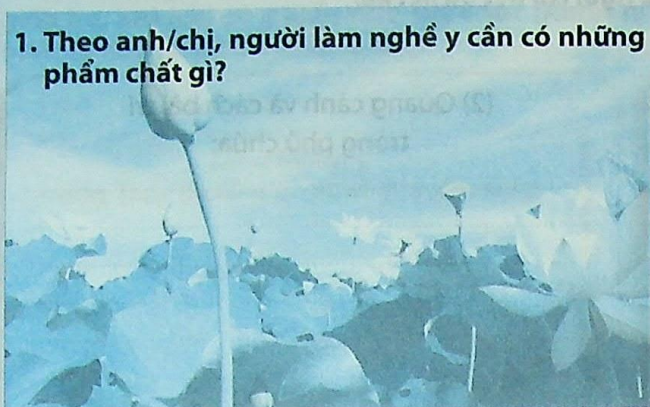
Lê Hữu Trác

Phiếu học tập số **1**



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Theo anh/chị, người làm nghề y cần có những phẩm chất gì?



Những phẩm chất cần có của người làm nghề y:

.....

.....

.....

.....

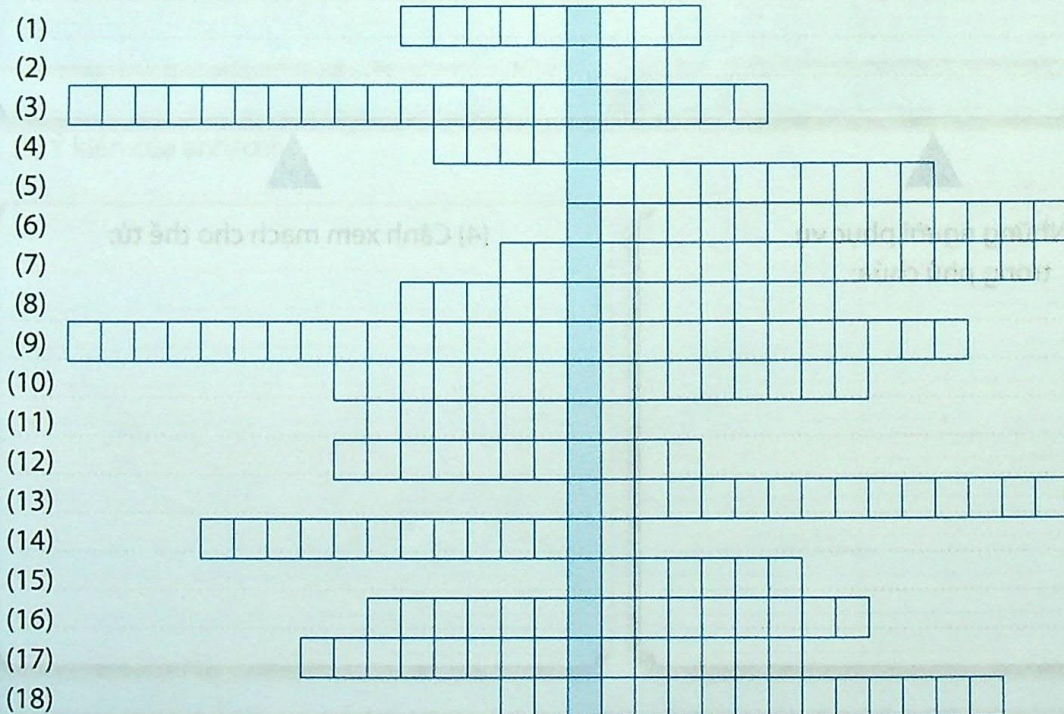
.....

.....

2. Đọc phần *Tiểu dẫn* và *Văn bản* trong SGK, sau đó hoàn thành ô chữ theo gợi ý dưới đây:

- (1) Đây là tên của tác giả văn bản *Vào phủ chúa Trịnh*.
- (2) *Thượng kinh ký sự* được viết bằng chữ ...
- (3) Công trình nghiên cứu gồm 66 quyển của tác giả là ...
- (4) Tác giả được đánh giá là một vị ...
- (5) Quê hương của tác giả ngày nay là ...
- (6) Đây là tên hiệu của tác giả.
- (7) Tên cái điểm được nhắc đến trong văn bản.
- (8) *Thượng kinh ký sự* đã miêu tả ... trong phủ chúa Trịnh.
- (9) Tác giả được vời vào kinh để chữa bệnh cho ...
- (10) *Thượng kinh ký sự* thể hiện thái độ ... của tác giả.

- (11) Mệnh lệnh của chúa Trịnh Sâm được gọi là ...
- (12) Tên một địa điểm bên trong phủ chúa, nơi tác giả đi qua.
- (13) Thời gian tác giả vào phủ chúa là ...
- (14) Câu khen thế tử dành cho tác giả là ...
- (15) Tác giả đã nghĩ đến phương thuốc này nhưng rồi không chọn.
- (16) Điều tác giả sợ nếu như chữa bệnh có kết quả ngay.
- (17) Chữa bệnh cho thế tử, tác giả cho rằng phải dùng thuốc thật bổ để cốt giữ cái ...
- (18) Tác giả không tán thành cách điều trị này vì nó làm hao mòn nguyên khí.



VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH (Trích *Thượng kinh ký sự*)

Lê Hữu Trác

Hãy tưởng tượng một cuộc đối thoại của các nhân vật dưới đây về y đức của người thầy thuốc. Nhập vai để ghi lại văn tắt ý kiến của từng nhân vật vào ô tương ứng. Lắng nghe cuộc trò chuyện giữa họ, anh/chị có ý kiến như thế nào? (Anh/Chị có thể bắt đầu nhập vai theo gợi ý trong ô số 1 hoặc tự chọn cách diễn đạt khác.)

(2) Vị lương y
trong *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*:

(3) Các bác sĩ trong văn bản 1, 2, 3
(Ngữ liệu đọc hiểu tr. 79 – 80):

(1) Lê Hữu Trác
trong *Vào phủ chúa Trịnh*:

Thưa các vị, với tôi, y đức là

(4) Một vị bác sĩ trong "văn bản" 4
(Ngữ liệu đọc hiểu tr. 80):

(5) Ý kiến của anh/chị:

TỰ TÌNH (Bài II)

Hồ Xuân Hương



TRƯỚC KHI ĐỌC

Đọc Tiểu dẫn trong SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân, hãy ghi lại điều anh/chị biết và ấn tượng về tác giả bài thơ *Tự tình* (Mục 1); về duyên phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến (Mục 2).



1. Điều tôi biết và ấn tượng về tác giả:

2. Điều tôi biết về duyên phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến:

3. Bài thơ thuộc thể loại nào?

Anh/ Chị đã được học/ đọc những tác phẩm nào có cùng thể loại với bài *Tự tình*?



ĐỌC LƯỚI VĂN BẢN

TỰ TÌNH

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con!

4. Ai là người đang “tự tình” trong bài thơ?

Người đó “tự tình” về điều gì?

Nêu cảm nhận chung ban đầu của anh/chị khi đọc bài thơ.

1. Ghi chú bên lề theo gợi ý (nghĩa của từ ngữ trong văn cảnh, hình ảnh gợi ra, cảm xúc, liên tưởng,...) cho phần văn bản được đánh dấu (in đậm) sau:

Ví dụ về việc ghi chú cho chữ
"đêm khuya": Thời gian khuya
khoắt, không gian tĩnh vắng, để
gợi cảm giác cô đơn, lẻ bóng...

Đêm khuya vắng vắng trống canh đồn,
Tro/ cái hồng nhan/ với nước non.

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

2. Từ những ghi chú trên đây, kết hợp với hình dung, tưởng tượng, anh/chị hãy vẽ lại bằng ngôn từ hình tượng cái tôi tác giả (Hiện ra trong không gian, thời gian nào? Cảm nhận bước đi của thời gian ra sao? Tự thấy duyên phận của mình thế nào? Những biện pháp nghệ thuật gì đã giúp nhà thơ vẽ nên khoảnh khắc tự tình đó?...). Hãy bắt đầu bằng gợi ý dưới đây hoặc tự lựa chọn cách diễn đạt của anh/chị.

Những câu thơ đã mở ra trước mắt tôi một không gian

TỰ TÌNH (Bài II)

Hồ Xuân Hương

Tìm hiểu hai câu luận trong bài thơ theo gợi dẫn:

1. Bức tranh thiên nhiên

– Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì trong hai câu thơ?

.....

.....

.....

.....

.....

– Anh/Chị có ấn tượng như thế nào về bức tranh thiên nhiên hiện ra ở đây?

.....

.....

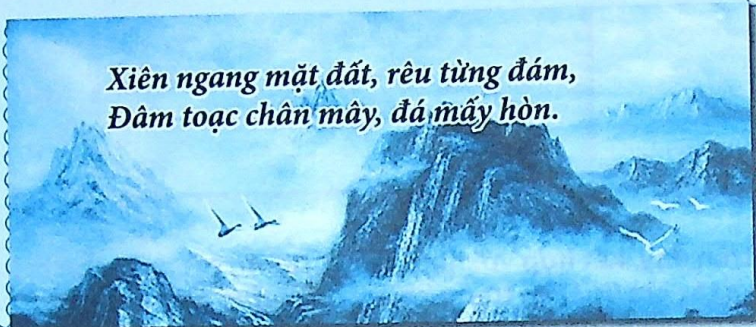
.....

.....

.....

.....

*Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*



2. Bức tranh tâm trạng

– Anh/Chị đọc được tâm trạng, thái độ gì của *cái tôi* trữ tình qua bức tranh thiên nhiên?

.....

.....

.....

.....

.....

– Có người cho rằng đây là hai câu thơ “rất Xuân Hương”. Anh/Chị có tán thành không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

TỰ TÌNH (Bài II)

Hồ Xuân Hương

Tìm hiểu hai câu kết trong bài thơ theo gợi dẫn từ mục 1 đến mục 4:

4. Hai câu kết gợi cho anh/chị nhớ đến những câu thơ nào của Hồ Xuân Hương và các nhà thơ khác? Hãy ghi lại những câu thơ đó.

3. Tâm trạng đó gợi cho anh/chị liên tưởng như thế nào đến cuộc đời thực của nhà thơ?

2. Hai câu kết cho thấy tâm sự gì của tác giả? Vì sao *cái tôi* trữ tình lại có tâm trạng đó?

1. Các từ ngữ sau có nghĩa như thế nào trong câu thơ?

Ngán:

Lại₁:

Lại₂:

Xuân₁:

Xuân₂:

Mảnh tình:

San sẻ:

Tí con con:

Ngán nỗi
xuân đi
xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con!

TỰ TÌNH (Bài II)

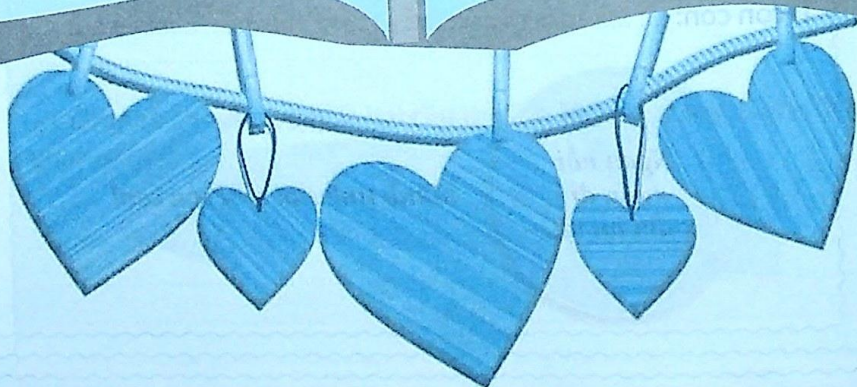
Hồ Xuân Hương

Hãy viết tiếp bức thư ngỏ mà cái tôi Hồ Xuân Hương trong bài *Tự tình* gửi đến cho anh/chị để hiểu về bi kịch duyên phận và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ trong bài thơ.

Bạn đọc thân mến của tôi!

Mỗi dòng "tự tình" là một nỗi niềm tâm trạng cho bi kịch duyên phận mà tôi và bao người phụ nữ xưa đã nếm trải. Đây là một tiếng thơ buồn tôi chia sẻ cùng bạn...

Nhưng, ở tận cùng của nỗi buồn bã, chán ngán, trái tim người phụ nữ trong tôi vẫn không nguôi khát vọng mãnh liệt về hạnh phúc. Tôi muốn nói với bạn...



TỰ TÌNH (Bài II)

Hồ Xuân Hương

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Và nếu chỉ nói về tài dùng chữ, có lẽ ở nhiều trường hợp, Nguyễn Du cũng phải nhường bước Xuân Hương. Chữ của Xuân Hương chọn tài tình đến nỗi chẳng còn thấy công phu gò gẫm gì cả; chọn trên cơ sở phổ cập; Xuân Hương không trau chuốt chữ, Xuân Hương thích dùng những vật liệu thông thường, nhưng do vì đặt đúng chỗ nên ngắt nên hoá ra rất chọn lọc:

Mỏng dày chừng ấy chành ba góc

Rộng hẹp đường nào cắm một cây

Lòng Xuân Hương là lửa, tay Xuân Hương có điện, nên các chữ đều sống cả lên, nó có thể bò lổm ngổm, có thể mấp máy, có thể bay, có thể đuổi, có thể khom khom, ngửa ngửa, nó có thể chũm choẹ, hi ha, cốc, om, khua, vỗ; nó có thể um, xoe, xoa, loét, rì; nó có thể nối nhau thành chuỗi vẫn vang động: *bom, chòm, om, mòm, tom*, hoặc *op ep, heo, leo, kheo, teo, lèo*; chúng ta có thể đồ ai tìm được trong thơ Xuân Hương những chữ nào mà âm thanh bẹp dí, những chữ chết nào đứng trơ không cựa quậy ở trong câu. Đây không phải là kĩ thuật đâu! Đây là tâm hồn truyền sức sống cho ngôn ngữ.

Cái bí quyết của thơ Xuân Hương là thế. Là lửa sống. Một trong những đặc tính của văn học là nghệ thuật ngôn ngữ. Mà ngôn ngữ là được điều khiển bởi tâm hồn.

(Xuân Diệu – *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam: Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, tr.83)

. Hãy đặt nhan đề cho văn bản trên.

. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

. Thao tác lập luận chính được sử dụng trong văn bản trên là thao tác gì? Giải thích lí do cho câu trả lời của anh/chị.

“Lòng Xuân Hương là lửa, tay Xuân Hương có điện, nên các chữ đều sống cả lên...”. Nhận xét này liệu có đúng với bài thơ *Tự tình*? Anh/Chị hãy trả lời trong khoảng từ 7 đến 10 dòng.



- (1) Nhan đề *Thu điếu* có nghĩa là ...
- (2) Nhà thơ Nguyễn Khuyến lớn lên và sống chủ yếu ở ...
- (3) Hoàn cảnh xuất thân của Nguyễn Khuyến.
- (4) Nguyễn Khuyến còn được gọi là ...
- (5) Đây là một trong những đặc điểm của con người Nguyễn Khuyến.
- (6) Nguyễn Khuyến là người có tấm lòng ...
- (7) Đây là thái độ của tác giả Nguyễn Khuyến với chính quyền thực dân Pháp.
- (8) Đây là từ chỉ màu trời trong cả ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến ...
- (9) *Thu điếu* được viết theo thể thơ ...
- (10) Đây là từ ngữ miêu tả hình ảnh chiếc thuyền trong bài *Thu điếu*.
- (11) Đây là tư thế suy tư của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

(1) _____

(2) _____

(3) _____

(4) _____

(5) _____

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

(10) _____

(11) _____

- 14

CÂU CÁ MÙA THU (Thu điếu)

Nguyễn Khuyến

Phiếu học tập số
2

Tìm hiểu điểm nhìn trong bài thơ bằng cách quan sát sơ đồ và trả lời các câu hỏi theo thứ tự.

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt

3. Sự di chuyển của ánh mắt người quan sát, cảm nhận mùa thu trong bức tranh có gì khác với hai bài thơ *Thu vịnh* và *Thu ẩm*? Sự di chuyển đó hé mở với chúng ta điều gì về tâm trạng của cái tôi trữ tình?

Á vàng trước gió khẽ đưa vèo

2. Hãy hình dung ánh mắt của người quan sát, cảm nhận bức tranh mùa thu và miêu tả lại theo gợi dẫn: *Cảnh trong bài thơ được quan sát từ vị trí nào? Ánh nhìn của người quan sát di chuyển ra sao? Theo cái nhìn đó, những hình ảnh thiên nhiên hiện ra như thế nào?*

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo

1. Đọc bài thơ, quan sát sơ đồ và xác định người cảm nhận cảnh mùa thu và bộc lộ tâm trạng trong bài thơ là ai?

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí



Tựa gối buông cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

CÂU CÁ MÙA THU (Thu điếu)

Nguyễn Khuyến

Cảm nhận bức tranh thiên nhiên trong bài thơ theo gợi dẫn sau:

CÂU CÁ MÙA THU (Thu điếu)

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

1a. Thi đề:

1b. Cảm nhận của tôi:

2a. Hiệp vần:

2b. Cảm nhận của tôi:

3a. Bút pháp:

3b. Cảm nhận của tôi:

4a. Các từ láy:

4b. Cảm nhận của tôi:

5a. Các hình ảnh:

5b. Cảm nhận của tôi:

6a. Các đường nét
được tạo hình:

6b. Cảm nhận của tôi:

Từ phần tìm hiểu ở trên, anh/chị hãy phát biểu bằng lời ý kiến của mình về lời bình của Xuân Diệu dành cho bài thơ này: "Thu điếu là điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ)"

Cảm nhận bức tranh tâm trạng trong bài thơ theo gợi dẫn sau:

CÂU CÁ MÙA THU (Thu điếu)

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối buông cần lâu chẳng được,
Cá dâuớp động dưới chân bèo.

1. Nêu cảm nhận chung của anh/chị về tâm trạng của *cái tôi* trữ tình trong bài thơ.

2. Những từ ngữ, hình ảnh sau có thể gợi ra tâm trạng gì của tác giả?

+ (Lá vàng khẽ đưa) *vèo*:

+ (Tầng mây) *lơ lửng*:

+ (Ngõ trúc quanh co) *vắng teo*:

4. Hãy vẽ lại bằng ngôn từ hình dung của anh/chị về nhân vật trữ tình trong hai câu kết (gợi ý: *tư thế, mong muốn, thủ pháp lấy động tả tĩnh, nỗi niềm u hoài, chìm đắm trong suy tư...*).

3. Có thể giải nghĩa (diễn xuôi) hai câu thơ "Tựa gối buông cần lâu chẳng được – Cá dâuớp động dưới chân bèo" theo các phương án nào? Hãy lựa chọn phương án mà anh/chị cho là hợp lí và giải thích.

Tư liệu tham khảo

Cái màu xanh ngắt của nền trời trong cả ba bài thơ thu của ông đã trở thành màu bất diệt của khao khát tâm cao. Màu ngẩn ngẩn thình không, có thể trông chờ giải toả nỗi buồn đau hiu hắt, cái màu trên ghẹo ấy làm ông rơi lệ và cũng màu xanh ngắt ấy đang phiêu bồng để còn lại cái cô đơn cho ông. Ta nhìn lại màu xanh ấy trong những bài thơ một lần nữa để nhận ra nỗi mất mát của lòng ông: "Trời thu **xanh ngắt** mấy tầng cao – Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu" (*Thu vịnh*); "Đa trời ai nhuộm mà **xanh ngắt** – Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe" (*Thu ẩm*); "Tầng mây lơ lửng trời **xanh ngắt** – Ngõ trúc quanh co khách vắng teo" (*Thu điếu*).

Có thể nói sáng tạo bậc nhất trong thi pháp thu của Nguyễn Khuyến là màu xanh da trời này. Nó là yếu tố vững bền trong kết cấu chùm thơ thu. Và người đọc cảm nhận được gì qua kí hiệu thẩm mỹ nổi bật này trong cả chùm thơ để thấy con người thi nhân đã hoá thân vào đấy?

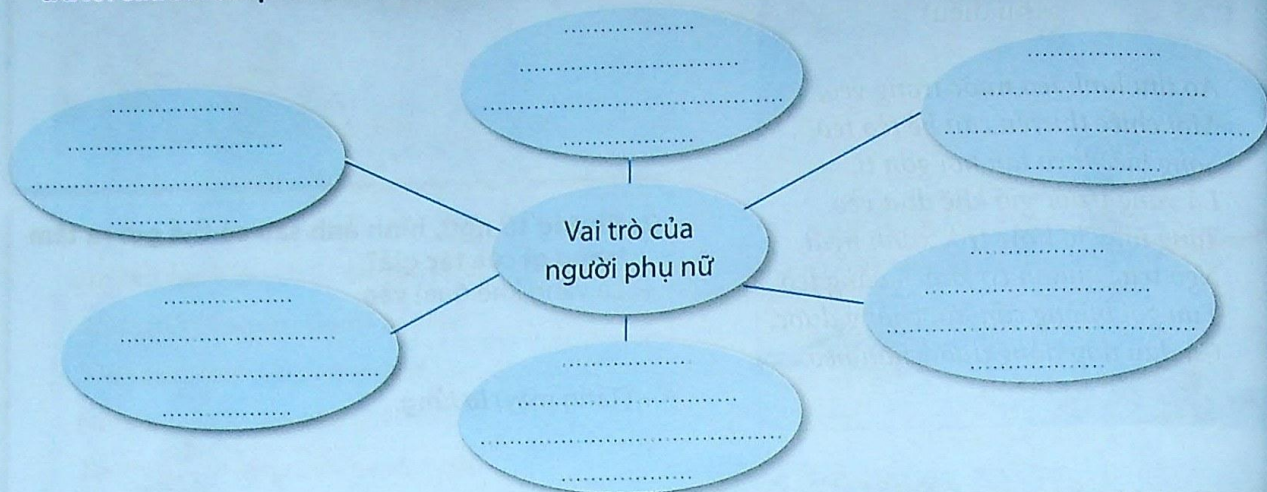
Màu xanh ngắt nói về cái đã qua, sự tổn thất, nhà thơ kiếm tìm và muốn được nhận lại. Đó là màu xác định thuộc cảm giác không bình yên, gợi nhớ khát vọng trong lạnh giá cô đơn. Màu xanh trong thơ thu Nguyễn Khuyến đã hoà trộn được sự hấp dẫn của năng lượng cuối đời ông thông qua sự trống không trong sạch. Đoá hoa xanh ấy trong thơ ông rung rinh hi vọng không biết đến bao giờ và biểu tượng cho một nỗi đau bí ẩn. Màu xanh trong thơ thu là tiếng vọng của đời ông còn lại. Nó như dừng lắng trong hạnh phúc dờ dang và khát vọng chưa thực hiện được. Đó là màu xanh của cái đẹp không nói nên lời.

(Nguyễn Thanh Hùng – *Hiểu văn dạy văn*, NXB Giáo dục, tr.165 – 166)



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ: Người phụ nữ có vai trò như thế nào trong gia đình và xã hội? Hãy ghi các từ khoá cho câu trả lời của anh/chị vào sơ đồ dưới đây và phát biểu ý kiến.



Anh/Chị nghĩ nửa thế giới còn lại có thể làm gì để giúp người phụ nữ thực hiện tốt vai trò của họ? Hãy phát biểu bằng lời để chia sẻ về những suy nghĩ ấy.

2. Đọc phần Tiểu dẫn, đọc lướt bài thơ để thực hiện các yêu cầu sau:

2a. Hãy giới thiệu những nét chính về tác giả của bài thơ Thương vợ.



ĐỌC LƯỚI VĂN BẢN

THƯƠNG VỢ

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như không.



2b. Tìm hiểu khái quát về bài thơ:

– Đề tài của bài thơ là:

– Nhận xét về đề tài này trong văn học trung đại:

– Ai là người bày tỏ tình cảm, cảm xúc trong bài thơ và bày tỏ về ai?

– Tác phẩm được viết theo thể thơ nào?

– Anh/Chị chọn phân tích bài thơ theo cách nào? Vì sao?

3. Đọc diễn cảm bài thơ và phát biểu bằng lời ấn tượng chung ban đầu của anh/chị về tác phẩm.

1. Đánh dấu và ghi chú bên lề theo gợi dẫn để tìm hiểu về hình ảnh bà Tú trong bài thơ.

Quanh năm: Gợi thời gian làm việc như thế nào của bà Tú?

Mom sông: Là địa điểm như thế nào? Gợi ra cảm giác gì cho người đọc?

Buôn bán: Tìm hiểu xem công việc cụ thể của bà Tú là gì, công việc đó có vất vả không.

Năm con với một chồng:

– Tại sao tác giả lại tách riêng con số “năm con” và “một chồng” mà không tính gộp thành một số đếm chung cho cả chồng và con mà bà Tú phải nuôi?

– Nếu hình dung trên vai bà Tú là gánh nặng gia đình thì con số “năm con” và “một chồng” tương ứng như thế nào trên mảnh vai gầy?

– Nếu hình dung cả “đội quân” “năm con với một chồng” xếp hàng chờ được “nuôi đủ” thì “năm con” đứng ở vị trí nào, “một chồng” đứng ở vị trí nào?

– Đọc câu thơ, anh/chị có thoáng thấy nụ cười tự trào của tác giả không? Vì sao?

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Câu 3 – 4:

– Chỉ ra biện pháp nghệ thuật đảo ngữ, phép đối, hình ảnh ẩn dụ và từ tượng thanh trong hai câu thơ:

– Những biện pháp đó tạo ra hiệu quả nghệ thuật gì?

– Ghi lại ít nhất 02 câu ca dao có hình ảnh con cò:

Câu 5 – 6:

– Gạch chân các thành ngữ và chỉ ra hiệu quả biểu đạt của chúng.

– Hai câu này gợi ra phẩm chất tốt đẹp gì của nhân vật bà Tú?

– Hình ảnh bà Tú trong bài thơ có thể gợi cho anh/chị nghĩ đến ai?

2. Hãy nhìn lại phần đã ghi chú và phát biểu bằng lời cảm nhận của anh/chị về nhân vật bà Tú trong bài thơ. (Anh/Chị hình dung ra nhân vật hiện lên như thế nào, trong không gian nào, làm công việc gì, hết lòng hết sức vì ai...? Nhờ đâu mà anh/chị cảm nhận được như vậy?)

Tìm hiểu tình cảm của nhà thơ dành cho vợ theo gợi ý dẫn sau:

THƯƠNG VỢ

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Cố chồng hờ hững cũng như không.

1. Sáu câu thơ đầu cho thấy ông Tú đã “thương vợ” như thế nào?

2. Hai câu kết

2a. Lời “chửi” là của ai?

“Thối đời” là gì?

“Thối đời” đó “ăn ở bạc” như thế nào với người phụ nữ?

2c. Anh/ Chị đọc thấy tình cảm “thương vợ” của Tú Xương được bộc lộ như thế nào trong hai câu kết?

2b. Nhà thơ có tự trách mình chưa làm tròn trách nhiệm với gia đình không?

2d. Liên hệ bài thơ với cuộc đời Tú Xương, anh/chị đọc thấy tâm sự tự thương mình được bộc lộ như thế nào?

Anh/ Chị nghĩ người phụ nữ trong xã hội hiện đại của chúng ta ngày nay có gì giống và khác với hình ảnh bà Tú trong bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương? Hãy tìm kiếm câu trả lời theo gợi ý dẫn sau:

Bà Tú – Người phụ nữ
truyền thống

Người phụ nữ của
muôn đời!

Người phụ nữ
hiện đại

BÀI CA NGẮT NGƯỜNG

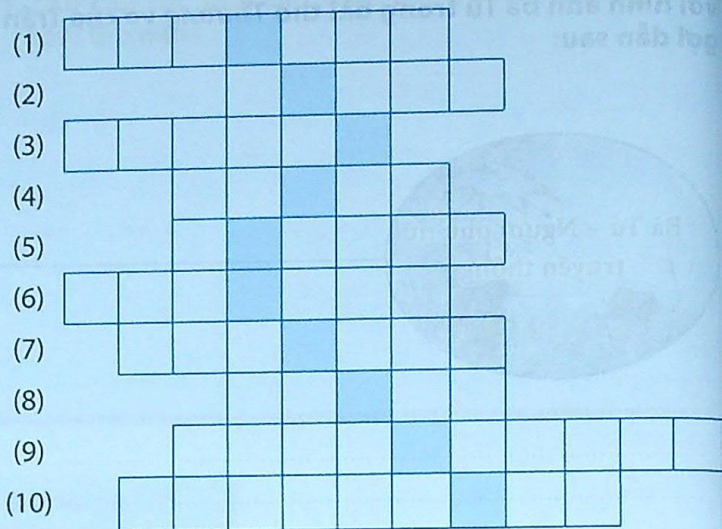
Nguyễn Công Trứ



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK kết hợp với hiểu biết của anh/chị, hoàn thành ô chữ sau:

- (1) Tên hiệu của Nguyễn Công Trứ là ...
- (2) Nguyễn Công Trứ rất say mê loại hình diễn xướng ...
- (3) Nguyễn Công Trứ là ông hoàng của thể loại thơ ...
- (4) Nguyễn Công Trứ đã xưng danh là ... trong *Bài ca ngắn ngường*.
- (5) Quê hương ... đã sinh ra người con ưu tú Nguyễn Công Trứ.
- (6) Sáng kiến đắp đê lấp biển của Nguyễn Công Trứ đã giúp ông khai sinh ra huyện ... ở Thái Bình.
- (7) Chức vụ cao nhất mà Nguyễn Công Trứ được bổ nhiệm là ...
- (8) Nguyễn Công Trứ đã từng mong ước tái sinh làm cây ... trong chính những vần thơ của ông.
- (9) Ông thi đỗ ... năm 41 tuổi.
- (10) Nguyễn Công Trứ từng bị giáng chức làm lính thú ở ...



2. Các ô chữ vừa tìm được đã tạo cho anh/chị những ấn tượng đặc biệt gì về tác giả Nguyễn Công Trứ? Hãy ghi ngắn gọn từ khoá của mỗi ấn tượng ấy vào hình dưới đây và phát biểu chia sẻ.



Đọc bài thơ và hoàn thành phiếu học tập để tìm hiểu vẻ đẹp của ngôn từ trong tác phẩm:

1. Từ quan trọng nhất trong bài là:

– Số lần xuất hiện:

– Nghĩa trong từ điển:

.....

.....

– Nghĩa trong bài thơ:

.....

.....

Bài ca ngất ngưỡng

Vũ trụ nội mạc phi phận sự,
Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng.
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông,
Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng.
Lúc bình Tây, cờ đại tướng,
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.
Đô môn giải tổ chi niên,
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưỡng.
Kìa núi nọ phau phau mây trắng,
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng.
Được mất dương dương người thái thượng,
Khen chê phơi phới ngọn đông phong.
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,
Không Phật, không Tiên, không vướng tục.
Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú,
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung.
Trong triều ai ngất ngưỡng như ông!

2. Các từ ngữ mang tính tự xưng của tác giả:

– Liệt kê:

.....

.....

.....

– Hiệu quả:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Các khẩu ngữ:

– Liệt kê:

.....

.....

.....

– Hiệu quả:

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI CA NGẮT NGƯỠNG

Nguyễn Công Trứ

Hoàn thành phiếu học tập theo thứ tự để phân tích cái tôi trữ tình của tác giả trong bài thơ.

Câu ...

3. "Trong triều ai ngất ngưỡng như ông!"

3a. Tư thế, thái độ, giọng điệu của tác giả:

.....

3b. Nghệ thuật thể hiện:

.....

2c. Ngất ngưỡng còn là:

.....

.....

2. "Tự thuật" của tác giả khi ngoài vòng cương toả
2a. Nội dung "tự thuật":

.....

2b. Nghệ thuật thể hiện:

.....

1c. Ngất ngưỡng là:

.....

.....

1. "Tự thuật" của tác giả khi ở chốn quan trường
1a. Nội dung "tự thuật":

.....

1b. Nghệ thuật thể hiện:

.....

Cái tôi trữ tình Nguyễn Công Trứ trong bài thơ để lại ấn tượng như thế nào với anh/chị? Hãy chia sẻ bằng lời cùng các bạn về điều đó.

BÀI CA NGẮT NGƯỠNG

Nguyễn Công Trứ

Phiếu học tập số
4

CUỘC GIAO TIẾP VĂN HỌC

Hãy tưởng tượng cuộc đối thoại giữa các nhân vật dưới đây về chủ đề *Được và mất trong cuộc sống*. Nhập vai và ghi lại văn tắt ý kiến của từng nhân vật vào ô tương ứng. Lắng nghe cuộc trò chuyện giữa họ, anh/chị có ý kiến như thế nào về vấn đề này? (Anh/Chị có thể bắt đầu nhập vai theo gợi ý trong ô số 1 hoặc tự chọn cách diễn đạt khác.)

(1) Ông lão trong truyện *Tái ông thất mã*
(Văn bản 1 – Ngữ liệu đọc hiểu tr. 80)

Thưa các vị, với tôi, được và mất là

(2) Vua Salomon trong truyện *Chiếc vòng*
(Văn bản 2 – Ngữ liệu đọc hiểu tr. 81)

(4) Nhà thơ Nguyễn Công Trứ
trong *Bài ca ngất ngưỡng*

(3) Ông Steve Jobs (Văn bản 3 –
Ngữ liệu đọc hiểu tr. 81 – 82)



(5) Ý kiến của anh/chị:

BÀI CA NGẮT NGƯỜNG

Nguyễn Công Trứ

Anh/Chị hãy tưởng tượng mình và tác giả Nguyễn Công Trứ có cuộc đối thoại về quan niệm sống "ngắt ngưỡng". Hãy ghi lại hai câu hỏi, hai câu trả lời của mình và tác giả mà anh/chị thấy tâm đắc nhất (Tôi hỏi – Tác giả trả lời; Tác giả hỏi – Tôi trả lời).

TÁC GIẢ NGUYỄN CÔNG TRỨ

**ĐỐI THOẠI
TÁC GIẢ VÀ TÔI**

BẠN ĐỌC HỌC SINH

**QUAN
NIỆM
SỐNG
"NGẮT
NGƯỜNG"**

BÀI CA NGẪN ĐI TRÊN BÃI CÁT

Cao Bá Quát

Phiếu học tập số
1



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Anh/Chị đã bao giờ trải nghiệm cảm giác đi đường trên cát hoặc cảm giác càng cố gắng trong công việc, trong cuộc sống,... thì càng nhận ra mình đang thất bại, “đi một bước như lùi một bước”? Anh/Chị đã vượt qua điều đó như thế nào? Hãy chia sẻ bằng lời với mọi người về trải nghiệm ấy!



ĐỌC LƯỢT VĂN BẢN

BÀI CA NGẪN ĐI TRÊN BÃI CÁT

Bãi cát dài lại bãi cát dài,
Đi một bước như lùi một bước.
Mặt trời đã lặn, chưa dừng được,
Lữ khách trên đường nước mắt rơi.
Không học được tiên ông phép ngủ,
Trèo non, lội suối, giận khôn vơi!
Xưa nay, phường danh lợi,
Tắt tã trên đường đời.
Đầu gió hơi men thơm quán rượu,
Người say vô số, tỉnh bao người?
Bãi cát dài, bãi cát dài ơi!
Tỉnh sao đây? Đường bằng mờ mịt,
Đường ghê sợ còn nhiều, đâu ít?
Hãy nghe ta hát khúc “đường cùng”,
Phía bắc núi Bắc, núi muôn trùng,
Phía nam núi Nam, sóng dào dạt.
Anh đừng làm chi trên bãi cát?

2. Tác giả của bài thơ là ai? Cuộc đời và sự nghiệp văn học của ông có gì đặc biệt?

3. Bài thơ được viết theo thể nào? Đặc điểm nổi bật của thể này là gì?

4. Chỉ ra hai hình tượng nổi bật có mối liên hệ gắn bó và xuyên suốt trong bài thơ.

5. Cảm nhận chung của anh/chị khi đọc bài thơ này là gì?

BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT

Cao Bá Quát

Tìm hiểu về hình tượng bãi cát và đường trên cát theo gợi dẫn dưới đây:

1. Gạch chân vào các từ ngữ, câu thơ thể hiện hình tượng bãi cát và đường trên cát.

2. Các yếu tố được gạch chân cho thấy bãi cát và đường trên cát có đặc điểm gì?

3. Để thể hiện hình tượng bãi cát và đường trên cát, tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào?

BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT

Bãi cát dài lại bãi cát dài,
Đi một bước như lùi một bước.
Mặt trời đã lặn, chưa dừng được,
Lữ khách trên đường nước mắt rơi.
Không học được tiên ông phép ngủ,
Trèo non, lội suối, giận khôn vơi!
Xưa nay, phường danh lợi,
Tất tả trên đường đời.
Đâu gió hơi men thơm quán rượu,
Người say vô số, tình bao người?
Bãi cát dài, bãi cát dài ơi!
Tỉnh sao đây? Đường bằng mờ mịt,
Đường ghê sợ còn nhiều, đâu ít?
Hãy nghe ta hát khúc "đường cùng",
Phía bắc núi Bắc, núi muôn trùng,
Phía nam núi Nam, sóng dào dạt.
Anh đừng làm chi trên bãi cát?

5. Hình tượng bãi cát và đường trên cát trong bài thơ gợi cho anh/chị liên tưởng đến những thông tin nào về cuộc đời của Cao Bá Quát?

6. Hãy ghi lại một số câu thơ có hình ảnh bãi cát hoặc đường trên cát trong các tác phẩm khác mà anh/chị ấn tượng.

7. Bãi cát và đường trên cát trong bài thơ tượng trưng cho những điều gì?

4. Anh/Chị hãy tưởng tượng mình đang đi con đường trên bãi cát trong bài thơ. Anh/Chị thấy bãi cát thế nào? Đường trên cát ra sao? Anh/Chị có cảm giác sức vóc và ý chí của mình bị rút kiệt như thế nào khi lún chân vào bãi cát?... Chia sẻ điều đó bằng cách bắt đầu theo gợi ý dưới đây (hoặc tự diễn đạt bằng cách khác):

Cát ở trước mặt, cát phía sau lưng, cát gông xiềng bàn chân,... quanh tôi đâu đâu cũng cát

BÀI CA NGẪN ĐI TRÊN BÃI CÁT

Cao Bá Quát

Tìm hiểu về hình tượng người đi đường theo gợi dẫn dưới đây:

1. Nhân vật trữ tình – người đang thể hiện cảm xúc trong bài thơ – là ai?

BÀI CA NGẪN ĐI TRÊN BÃI CÁT



3. Đọc lại bốn câu đầu. Hình dung xem lũ khách đã trải nghiệm con đường trên cát nhọc nhằn, khó khăn như thế nào?

1. Bãi cát dài lại bãi cát dài,
2. Đi một bước như lùi một bước.
3. Mặt trời đã lặn, chưa dừng được,
4. Lữ khách trên đường nước mắt rơi.
5. Không học được tiên ông phép ngủ,
6. Trèo non, lội suối, giận khôn vơi!
7. Xưa nay, phường danh lợi,
8. Tất tả trên đường đời.
9. Đầu gió hơi men thơm quán rượu,
10. Người say vô số, tình bao người?
11. Bãi cát dài, bãi cát dài ơi!
12. Tính sao đây? Đường bằng mờ mịt,
13. Đường ghê sợ còn nhiều, đâu ít?
14. Hãy nghe ta hát khúc “đường cùng”,
15. Phía bắc núi Bắc, núi muôn trùng,
16. Phía nam núi Nam, sóng dào dạt.
17. Anh đứng làm chi trên bãi cát?

5. Từ câu 7 đến câu 10, lũ khách ngẫm ra điều gì? Để thể hiện điều này, tác giả sử dụng từ ngữ và hình ảnh như thế nào?

2. Dựa vào phần phiên âm để xác định người đi đường trong bài thơ hiện lên qua các đại từ xưng hô nào? Mỗi đại từ xưng hô này có tác dụng gì trong việc thể hiện nhân vật?

4. Trong câu 5 – 6, lũ khách bày tỏ thái độ gì với bản thân? Bày tỏ bằng cách nào?

6. Dường như ở câu 11, 12, lũ khách không đi nữa mà đứng khựng lại trên đường. Bao nhiêu cảm xúc chợt dào dạt dâng lên. Đó là những cảm xúc gì? Có những dấu hiệu nghệ thuật nổi bật nào góp phần biểu đạt xúc cảm ấy?

7. Tại sao trong câu hỏi kết thúc bài thơ tác giả lại dùng đại từ xưng hô ngôi thứ hai? Anh/Chị đọc ra phía sau câu hỏi này là những điều gì? Hãy liên hệ với thông tin về cuộc đời của Cao Bá Quát để thấy tác giả đã trả lời câu hỏi trên bằng hành động thực tiễn như thế nào?

8. Hình tượng người đi đường trên cát trong bài thơ có thể là biểu tượng cho điều gì?

BÀI CA NGẪN ĐI TRÊN BÃI CÁT

Cao Bá Quát

Hãy nhập vai để tham gia vào cuộc giao tiếp văn học giữa các nhân vật dưới đây.

1) Lí Bạch:

Chao, ghê thay! Nguy hiểm, cao thay!
Đường lên Thục thật khó đi, khó như lên trời xanh
(Đường Thục thật khó đi)

Muốn qua Hoàng Hà, bằng làm nghên sông
Muốn lên núi Thái Hàng, tuyết đầy trời (...)
Đường đi khó! Đường đi khó!
Nhiều ngả rẽ giờ đường ở nơi nào?
Rồi cũng có lúc cười gió mạnh, vượt sóng lớn
Giọng thẳng buồm mây đi ngang biển xanh.
(Đường khó đi)

4) Nhạc sĩ Trần Lập trong bài hát **Đường đến ngày vinh quang**:

(...) Chẳng đường nào trải bước trên hoa hồng
Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai
Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió...

**VỀ CON ĐƯỜNG
LẬP CHÍ, LẬP DANH,
CON ĐƯỜNG ĐỜI
CỦA CON NGƯỜI**

2) Dữu Tán:

Chỉ có kẻ khóc nơi đường hết
Mới biết ta đường khó đi.

3) Cao Bá Quát trong **Bài ca ngắn đi trên bãi cát**:

**Còn anh/chị,
anh/chị muốn nói gì về chủ đề này?**

LỄ GHÉT THƯƠNG (Trích Truyện Lục Vân Tiên)

Nguyễn Đình Chiểu

Phiếu học tập số
1



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Trong cuộc sống, điều gì làm cho anh/chị cảm thấy yêu thương? Điều gì khiến anh/chị cảm thấy phẫn nộ, cần dứt khoát lên tiếng?
Hãy ghi lại vắn tắt và chia sẻ bằng lời với các bạn trong lớp về những điều đó.



ĐỌC LƯỢT VĂN BẢN

LỄ GHÉT THƯƠNG (Trích Truyện Lục Vân Tiên)

Quán rằng: “Kính sử đã từng,
Coi rồi lại khiến lòng hằng xót xa.
Hỏi thời ta phải nói ra,
Vì chúng hay ghét cũng là hay thương”.

Tiên rằng: “Trong đục chưa tường,
Chẳng hay thương ghét, ghét thương lẽ nào?”

Quán rằng: “Ghét việc tâm phào,
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm.
Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân luồng chịu lầm than muôn phần.
Ghét đời Ngũ bá phân vân,
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
Ghét đời thúc quý phân băng,
Sớm đầu tối đánh làng nhàng rồi dân.
Thương là thương đức thánh nhân,
Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần, lúc Khuông.
Thương thấy Nhan Tử dở dang,
Ba mươi một tuổi tách đàn công danh.
Thương ông Gia Cát tài lành,
Gặp cơn Hán mạt đã đành phui pha.
Thương thấy Đồng Tử cao xa,
Chí thời có chí, ngôi mà không ngôi.
Thương người Nguyên Lượng nguì nguì,
Lỡ bề giúp nước lại lui về cày.
Thương ông Hàn Dũ chẳng may,
Sớm dâng lời biểu, tối đầy đi xa.
Thương thấy Liêm, Lạc đã ra,
Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân.
Xem qua kính sử mấy lần,
Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương”.

2. Chỉ đọc nhan đề, chưa đọc văn bản, thử phỏng đoán và lí giải xem vì sao tác giả SGK đặt tên cho đoạn trích là “*Lễ ghét thương*” chứ không phải một cái tên khác, ví dụ: *Chuyện ghét thương*, *Ghét thương*, *Tôi ghét tôi thương*,...?

3. Đọc Tiểu dẫn và đọc lướt văn bản để xác định: Đoạn trích là lời của ai? Nói với ai? Trong hoàn cảnh nào? Với mục đích gì? Đặt vào hoàn cảnh đó, người nói còn muốn nói với ai nữa, với mục đích nào khác?

4. Đoạn trích có bao nhiêu dòng thơ? Hãy chia bố cục đoạn trích và đặt tiêu đề cho từng phần.

32

2. Ông Quán trong đoạn trích *Lẽ ghét thương*

3. Cái tôi Phùng Quán trong Lời mẹ dặn:

Yêu ai cứ bảo là yêu
 Ghét ai cứ bảo là ghét
 Dù ai ngon ngọt nuông chiều
 Cũng không nói yêu thành ghét.
 Dù ai cầm dao dọa giết
 Cũng không nói ghét thành yêu.

1. Tác giả dân gian trong ca dao

4. Và tôi

Về lẽ ghét – niềm thương (yêu) trong cuộc đời

LỄ GHÉT THƯƠNG (Trích Truyện Lục Vân Tiên) Nguyễn Đình Chiểu

Hãy ghi lại suy nghĩ, cảm nhận, bài học mà anh/chị nhận được từ việc đọc văn bản *Lễ ghét thương* vào trang thứ nhất của cuốn nhật kí (mục 1. *Tôi nghĩ...*) (Có thể bắt đầu bằng gợi dẫn như dưới đây hoặc tự chọn cách thể hiện khác của bản thân).

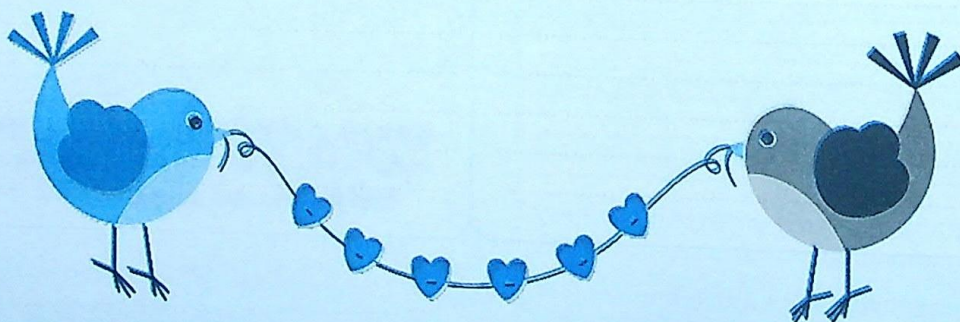
Sau khi hoàn thành trang thứ nhất, trao đổi nhật kí theo cặp. Hãy ghi vào trang thứ hai (mục 2. *Còn bạn?...*) trong nhật kí của bạn những ý kiến phản hồi của mình khi đọc trang thứ nhất của bạn (Ví dụ ý kiến đồng tình, phản đối, bổ sung...).

1. Tôi nghĩ...

Đọc văn bản, tôi đã hiểu ghét – thương không chỉ là cảm xúc thường nhật, tự nhiên của con người, ghét – thương còn là đạo lí, là quan niệm sống của mỗi cá nhân trong cuộc đời này. Hãy cho tôi biết bạn ghét – thương điều gì, tôi sẽ trả lời bạn là ai...

NHẬT
KÍ
ĐỐI
THOẠI

2. Còn bạn?...



VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Phiếu học tập số
1



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu theo gợi dẫn:



1b. Điều tôi biết thêm về Nguyễn Đình Chiểu qua phần Tác giả trong SGK:

- Tiểu sử và con người:
- Những tác phẩm chính:
- Nội dung thơ văn:
- Nghệ thuật thơ văn:

1c. Điều tôi muốn biết thêm về tác giả Nguyễn Đình Chiểu:

1a. Điều tôi đã biết và ấn tượng về tác giả Nguyễn Đình Chiểu:

**TÁC GIẢ
NGUYỄN
ĐÌNH CHIỂU**

2. Chia sẻ

Suy ngẫm của tôi về quan điểm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu: “Chờ bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/ Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà”.

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CÀN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời, xác định bố cục và nội dung chính của từng phần trong bài văn tế theo gợi dẫn dưới đây:

1. Ghi lại văn tắt hoàn cảnh ra đời của tác phẩm:

2. Đọc phần *Tiểu dẫn* để ghi lại văn tắt bố cục và nội dung chính của từng phần trong một bài văn tế. Sau đó, *đọc lướt văn bản* để phân chia bố cục, xác định nội dung chính của từng phần văn bản.

Phần:
Nội dung chính:

Phần:
Nội dung chính:

Phần:
Nội dung chính:

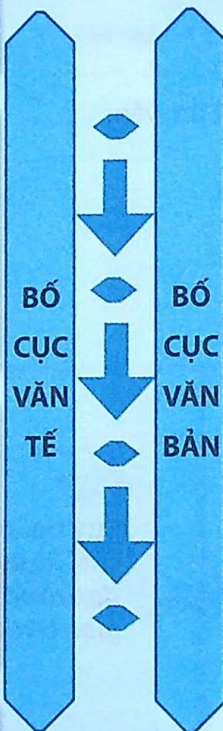
Phần:
Nội dung chính:

Phần:
(Từ đến)
Nội dung chính:

Phần:
(Từ đến)
Nội dung chính:

Phần:
(Từ đến)
Nội dung chính:

Phần:
(Từ đến)
Nội dung chính:



VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Phân tích hình tượng người nghĩa sĩ nông dân bằng cách hoàn thành phiếu học tập theo gợi dẫn:

3a. Biện pháp nghệ thuật:	5a. Biện pháp nghệ thuật:
3b. Nội dung:	5b. Nội dung:
2a. Biện pháp nghệ thuật:	4a. Biện pháp nghệ thuật:
2b. Nội dung:	4b. Nội dung:
1a. Biện pháp nghệ thuật:	1b. Nội dung:

NGƯỜI NGHĨA SĨ NÔNG DÂN

1. Bối cảnh thời đại, quan niệm về lẽ sống – chết (Câu 1, 2)

2. Xuất thân của người nghĩa sĩ (Câu 3 – 5)

3. Lòng căm thù giặc sâu sắc (Câu 6 – 9)

4. Tinh thần tự nguyện chiến đấu (Câu 10 – 12)

5. Trận chiến đấu oanh liệt (Câu 13 – 15)

6. Ấn tượng, cảm nhận, suy nghĩ của tôi về hình tượng người nông dân nghĩa sĩ:

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Đọc phần *Ai văn* và phần *Kết* của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Trả lời các câu hỏi và ghi lại văn tắt dẫn chứng từ văn bản vào chỗ trống dưới đây để phân tích tình cảm, thái độ của tác giả dành cho người nông dân nghĩa sĩ trong tác phẩm.



4. Các biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng để thể hiện tiếng khóc? Chúng đem lại hiệu quả biểu đạt như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....



3. Những tình cảm, thái độ nào được gửi vào tiếng khóc?

.....

.....

.....

.....

.....



2. Khóc cho ai?

.....

.....

.....

.....

.....



1. Ai khóc?

.....

.....

.....

.....

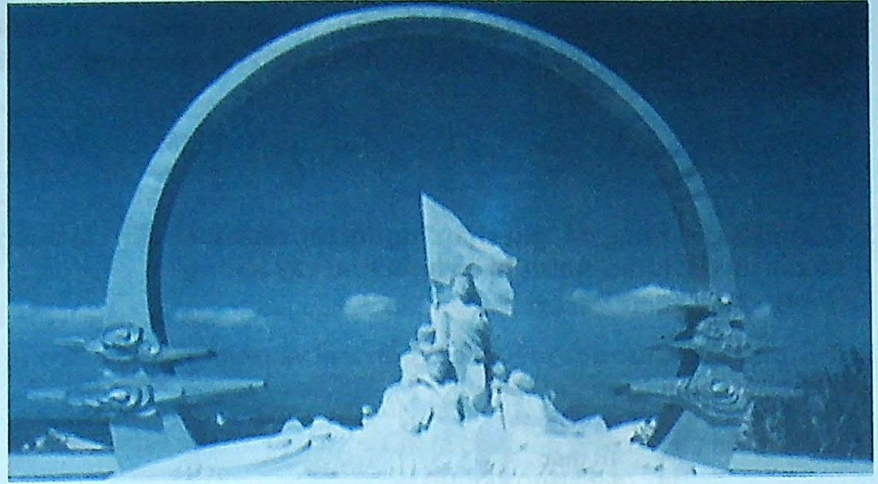
.....

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

Phiếu học tập số
5

1. Bức ảnh này gợi cho anh/ chị nhớ đến câu chuyện bi hùng nào trong lịch sử dân tộc? Hãy chia sẻ ngắn gọn bằng lời câu chuyện đó.



2. Cũng như người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc anh hùng trong trận công đồn năm xưa, những người lính trong bức tượng đài này đã cùng nắm chặt tay nhau bảo vệ lá cờ Tổ quốc thiêng liêng của dân tộc. Họ đã tạc nên "Vòng tròn bất tử" trong lòng Mẹ Việt Nam.

Câu chuyện của người nông dân nghĩa sĩ buổi đầu chống Pháp trong bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc và hành động của những người lính quả cảm, anh hùng mà bức tượng đài trên khắc tạc đã gợi cho anh/chị cảm xúc và suy nghĩ gì? Hãy chia sẻ điều đó bằng một đoạn văn.

CHIẾU CẦU HIỀN (Câu hiền chiếu)

Ngô Thì Nhậm



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. **Nêu câu văn (hoặc câu thơ, mẩu chuyện,...) nói về người hiền tài hoặc thái độ đối với người hiền tài mà anh/chị thấy ấn tượng. Hãy ghi lại văn tắt nội dung của điều ấn tượng này, sau đó chia sẻ bằng lời trước lớp.**
2. **Có người cho rằng, để "giữ chân" người tài, nhà nước cần cải thiện chế độ chính sách tiền lương và các ưu đãi khác. Anh/Chị có nghĩ như vậy không?**
3. **Đọc phần Tri thức đọc hiểu ở cột bên trái và phần Tiểu dẫn trong SGK để hoàn thành nội dung ở cột bên phải theo gợi ý dẫn.**



– Chiếu là một thể văn nghị luận chính trị – xã hội thời trung đại do nhà vua ban hành, ra lệnh cho thần dân, bề dưới thực hiện. Xướng chiếu cầu hiền tài là một truyền thống văn hoá chính trị phương Đông.

– Năm 1786, trước tình hình chúa Trịnh ngày càng lấn át quyền của vua Lê, Nguyễn Huệ đã ra Bắc "phù Lê diệt Trịnh". Năm 1788, vua Lê Chiêu Thống rước quân Thanh vào xâm lược nước ta, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Quang Trung rồi đem quân ra Bắc quét sạch 20 vạn quân Thanh cùng bọn tay sai bán nước, lập nên triều đại Tây Sơn. Nhà Lê hoàn toàn sụp đổ. Đã có những nhà nho sáng suốt ủng hộ Tây Sơn, song nhiều quan lại, sĩ phu vẫn nhớ tiếc triều đại cũ, mang nặng tư tưởng trung quân, bảo thủ, không nhận thấy chính nghĩa và sứ mệnh lịch sử của phong trào Tây Sơn, vì vậy đã bất hợp tác, thậm chí chống lại. Hơn nữa, nội chiến liên miên và sự phân chia Đảng trong – Đảng ngoài đã để lại trong quan niệm của dân Bắc Hà suy nghĩ Nam Hà thuộc triều đại khác. Nguyễn Huệ lại xuất thân từ tầng lớp bình dân, triều đại của ông được tạo dựng từ phong trào nông dân khởi nghĩa, vì vậy, trong con mắt của nhiều sĩ phu, triều đại Tây Sơn ít hiểu biết về chữ nghĩa, sách vở thánh hiền. Trong khi đó, nhu cầu thực tế cần người hiền tài để kiến thiết đất nước sau cơn binh hoả, đối phó với âm mưu của giặc ngoại xâm được đặt ra rất cấp thiết. Tình hình đó dẫn đến một yêu cầu chiến lược là cần thuyết phục trí thức Bắc Hà hiểu đúng những nhiệm vụ xây dựng đất nước mà Tây Sơn đang tiến hành để họ ra cộng tác, phục vụ triều đại mới.

Nêu văn tắt:

– Hoàn cảnh ra đời của bài chiếu:

– Đối tượng hướng đến của bài chiếu:

– Mục đích của bài chiếu:

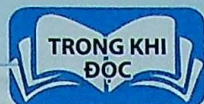
– Vài nét giới thiệu về tác giả của bài chiếu:

– Bài chiếu thể hiện tư tưởng, chủ trương của ai, triều đại nào?

– Thử lí giải vì sao Hoàng đế Quang Trung lại chọn Ngô Thì Nhậm là người viết bài chiếu.

CHIẾU CẦU HIỀN

(Ngô Thì Nhậm)



1. Dựa vào thông tin trong văn bản để hoàn thành những yêu cầu sau:

Phần 1:

Chỉ ra quy luật ứng xử của người hiền:

Phần 2a:

– Liệt kê các thái độ ứng xử của nho sĩ Bắc Hà khi Quang Trung đem quân ra Bắc diệt nhà Trịnh:

– Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong phần 2a:

Phần 2b:

– Chỉ ra bối cảnh của đất nước:

– Bối cảnh này có liên quan gì đến việc "cầu hiền"?

– Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong phần 2b:

Phần 3:

– Chỉ ra các cách thức để người hiền có thể ra cứu đời giúp nước mà bài chiếu nêu ra:

– Theo anh/chị, con đường cầu hiền của vua Quang Trung có rộng mở không? Vì sao?

2. Tóm tắt nội dung chính

Phần 1:

Phần 2:

Phần 3:

1. Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chiếu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sử giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.

2a. Trước đây thời thế suy vi, Trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong núi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng. Cũng có kẻ gõ mõ canh cửa, cũng có kẻ ra biển vào sông, chết đuối trên cạn mà không biết, dường như muốn lẩn tránh suốt đời.

Nay trăm đang ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa thấy có ai tìm đến. Hay trăm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đồ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?

2b. Kia như, trời còn tăm tối, thì đấng quân tử phải trở tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kì cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đường phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trăm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi. Trăm nơm nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh. Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này, cử cái ấp mười nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trăm hay sao?

3. Chiếu này ban xuống, các bậc quan viên lớn nhỏ, cùng với thứ dân trăm họ, người nào có tài năng học thuật, mưu hay hơn đời, cho phép được dâng sớ tâu bày sự việc. Lời nói nào có thể chọn dùng được, thì cất nhắc không kể thứ bậc; chỗ nào không dùng được thì gác lại, không vì lời nói sơ suất vu khoát mà bắt tội. Còn người có nghề hay nghiệp giỏi, có thể cống hiến cho đời, thì cho phép các quan văn, quan võ được tiến cử, nhưng vẫn dẫn vào đời ra mắt, tùy tài lực dụng. Hoặc người nào từ trước đến nay tài năng còn bị che kín, chưa được người đời biết đến, thì cũng cho phép dâng sớ tự tiến cử, chớ hiểm vì mưu lợi mà phải bán rao.

Này! Trong khoảng trời đất, hiền tài còn ẩn náu, trước đây thì nên như thế. Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài có đức hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh. Vậy bố cáo gần xa để mọi người đều biết.

3. Từ phần tóm tắt trên đây, anh/chị hãy chỉ ra và nhận xét mạch lập luận của bài chiếu.

CHIẾU CẦU HIỀN (Cầu hiền chiếu)

Ngô Thì Nhậm

1. Thử đặt mình vào vai của những người hiền còn đang ở ẩn, chưa tích cực hợp tác với triều đại Tây Sơn để phỏng đoán xem thái độ, hành động của họ khi đọc từng phần và cả bài chiếu sẽ như thế nào.



Tôi nghĩ, khi đọc hết phần 1, họ sẽ

Họ có thái độ/ hành động như vậy là vì

Tôi nghĩ, khi đọc hết phần 2, họ sẽ

Họ có thái độ/ hành động như vậy là vì

Tôi nghĩ, khi đọc hết phần 3 và cả bài chiếu, họ sẽ

Họ có thái độ/ hành động như vậy là vì

2. Từ việc tìm hiểu Phiếu học tập số 1, 2 và phân phỏng đoán hiệu quả tác động trên đây, hãy đánh giá về tầm nhìn, tấm lòng của vua Quang Trung và tài năng thể hiện điều đó của tác giả Ngô Thì Nhậm qua văn bản bài chiếu. Ghi vắn tắt nội dung đánh giá vào các ô dưới đây:

Tầm nhìn, tấm lòng của vua Quang Trung với đất nước thể hiện qua bài chiếu:



Tài năng của Ngô Thì Nhậm trong việc chuyển tải chủ trương, tư tưởng và tình cảm của nhà vua:

CHIẾU CẦU HIỀN (Cầu hiền chiếu)

Ngô Thì Nhậm

Hình dung cuộc giao tiếp giữa các nhân vật dưới đây về chủ đề “Hiền tài với Tổ quốc và Tổ quốc với hiền tài”. Ghi lại văn tắt ý kiến của từng nhân vật. Cuộc trò chuyện của các nhân vật này gợi cho anh/ chị suy nghĩ gì? Hãy phát biểu bằng lời suy nghĩ đó.

2. Lê Lợi trong *Bình Ngô đại cáo*:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Triều đại Lê Thánh Tông trong *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Bảo Đại thứ ba của Thân Nhân Trung*:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1. Tô Hiến Thành trong *Văn bản 1 (Ngữ liệu đọc hiểu tr.82 – 83)*:

.....

.....

.....

.....

.....

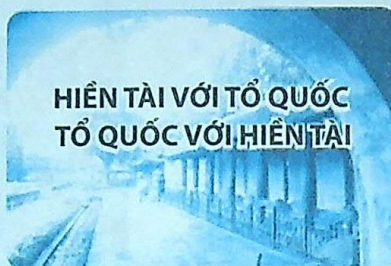
.....

.....

.....

.....

.....



4. Quang Trung trong *Chiếu cầu hiền*:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Những du học sinh được đề cập trong *Văn bản 3 (Ngữ liệu đọc hiểu tr. 85)*:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Vị nhân sĩ trí thức trong *Văn bản 2 (Ngữ liệu đọc hiểu tr. 83 – 85)*:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HAI ĐỨA TRẺ

Thạch Lam



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Hãy tìm hiểu về tác giả Thạch Lam và dự đoán nội dung truyện ngắn *Hai đứa trẻ* theo gợi dẫn.

1a. Điều tôi đã biết về nhà văn và tác phẩm của ông:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NHÀ VĂN
THẠCH LAM



1b. Điều tôi biết thêm về tác giả, tác phẩm qua phần Tiểu dẫn trong SGK:

.....

.....

.....

.....

.....

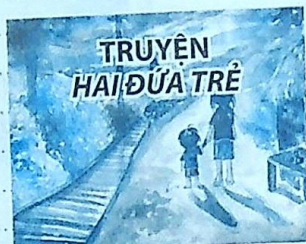
.....

.....

.....

.....

.....



1c. Điều tôi dự đoán về tác phẩm dựa trên hiểu biết đã có về tác giả và nhan đề truyện ngắn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

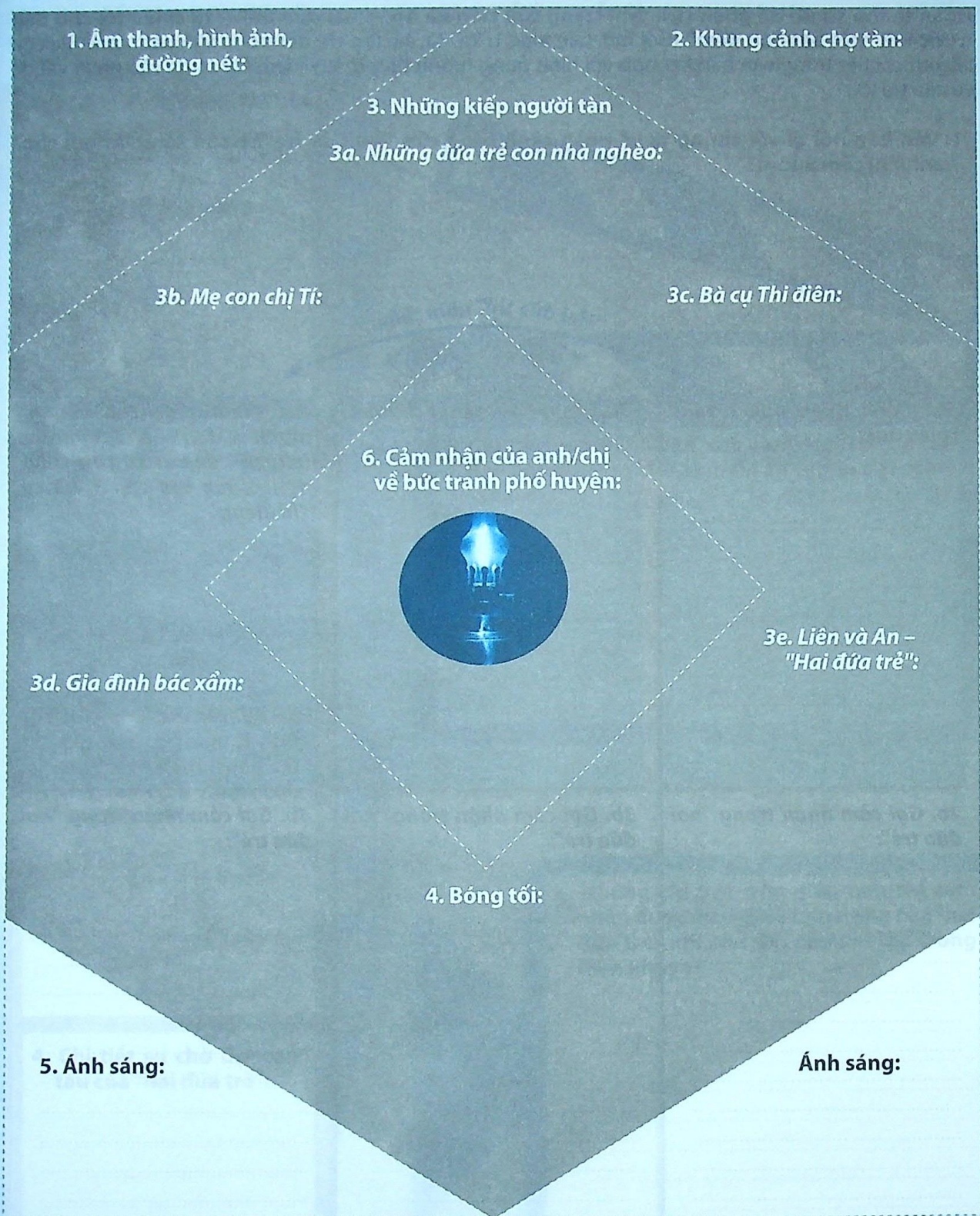
.....

2. Theo anh/chị, trẻ em cần những điều gì để cảm thấy an toàn, hạnh phúc và có thể lớn khôn? Hãy chia sẻ bằng lời với các bạn trong lớp về quan điểm của bản thân.



HAI ĐỨA TRẺ

Thạch Lam



Hoàn thành sơ đồ để phân tích bức tranh phố huyện từ chiều tối đến đêm về. (Gợi mở: Mục 1, 2, 3, 4, 5: Tìm các chi tiết trong văn bản (từ đầu đến "... cảm giác mơ hồ không hiểu") để liệt kê vào sơ đồ. Từ các chi tiết này, anh/chị thấy bức tranh phố huyện hiện ra như thế nào? Bức tranh đó để lại cảm giác, ấn tượng,... ra sao trong anh/chị? Hãy ghi ngắn gọn câu trả lời vào mục 6).

HAI ĐỨA TRẺ

Thạch Lam

Hoàn thành sơ đồ để phân tích tâm trạng của Liên và An – "hai đứa trẻ" – từ chiều tối cho đến trước khi "trời bắt đầu đêm". (Gợi mở: Các mục 1, 2a, 3a, 4a: tìm chi tiết trong văn bản; các mục còn lại: tìm chi tiết trong văn bản kết hợp với hình dung tưởng tượng, suy luận, đặt mình vào nhân vật để có câu trả lời).

1. Văn bản nói gì với chúng ta về hoàn cảnh sống của "hai đứa trẻ"? Hoàn cảnh đó gợi cho anh/chị cảm xúc gì?



2a. Cảnh thiên nhiên buổi chiều quê:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3a. Cảnh phố huyện và chợ tàn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4a. Cảnh sống của những người dân phố huyện (những đứa trẻ con nhà nghèo, mẹ con chị Tí, bà cụ Thi điên):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2b. Gợi cảm nhận trong "hai đứa trẻ":

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3b. Gợi cảm nhận trong "hai đứa trẻ":

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4b. Gợi cảm nhận trong "hai đứa trẻ":

.....

.....

.....

.....

.....

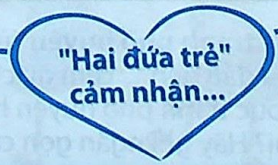
.....

.....

.....

.....

.....



Hãy tìm hiểu tâm trạng của "hai đứa trẻ" khi chờ đợi chuyến tàu trong đêm khuya qua gợi dẫn dưới đây:

1. Chi tiết khung cảnh thiên nhiên về đêm trong cái nhìn và cảm nhận của "hai đứa trẻ":

.....

.....

.....

.....

2. Chi tiết khung cảnh phố huyện về đêm trong cái nhìn và cảm nhận của "hai đứa trẻ":

.....

.....

.....

.....

3. Chi tiết con người phố huyện về đêm trong cái nhìn và cảm nhận của "hai đứa trẻ":

.....

.....

.....

.....

4. Chi tiết sự chờ đợi con tàu của "hai đứa trẻ":

.....

.....

.....

.....

.....

6. Chi tiết (hoặc hình ảnh, câu văn) nào trong phần văn bản này tạo cho anh/chị ấn tượng đặc biệt? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

5. Những chi tiết trên giúp anh/chị cảm nhận được điều gì về tâm trạng của "hai đứa trẻ" khi chờ đợi chuyến tàu trong đêm khuya?

.....

.....

.....

.....

.....

HAI ĐỨA TRẺ

Thạch Lam

Hoàn thành phiếu học tập theo gợi dẫn để phân tích tâm trạng của "hai đứa trẻ" khi chuyến tàu đêm đi qua phố huyện.

1. Ghi lại các chi tiết trong văn bản về hình ảnh con tàu trong cảm nhận của "hai đứa trẻ":

CHUYẾN TÀU ĐÊM

2a. Thế giới phố huyện hiện lên như thế nào (về ánh sáng, âm thanh)?

2b. Con tàu đem đến thế giới "khác hẳn" so với phố huyện như thế nào?

3a. Con tàu đánh thức quá khứ gì của "hai đứa trẻ"?

3b. Con tàu gửi mơ ước tới tương lai của "hai đứa trẻ" như thế nào?

4. Chỉ ra nghệ thuật thể hiện của nhà văn.

5. Chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh chuyến tàu đêm.

Hoàn thành phiếu học tập theo gợi ý dẫn để tìm hiểu hai loại ánh sáng trong truyện: ánh sáng của ngọn đèn và ánh sáng chuyển tàu đêm.

5. Hãy nhận xét về thủ pháp nghệ thuật và hiệu quả thể hiện của chi tiết về hai loại ánh sáng trong tác phẩm.

4. Điều gì sẽ xảy ra nếu truyện chỉ có ánh sáng của đoàn tàu?

3. Điều gì sẽ xảy ra nếu truyện chỉ có ánh sáng của ngọn đèn?

2a. Vị trí xuất hiện trong văn bản:

2b. Sự miêu tả của nhà văn:

2c. Nghĩa thực của chi tiết:

2d. Nghĩa biểu tượng của chi tiết:

2. ĐOÀN TÀU

ÁNH SÁNG

1. NGỌN ĐÈN

1a. Sự miêu tả của nhà văn:

1b. Nghĩa thực của chi tiết:

1c. Nghĩa biểu tượng của chi tiết:



TRƯỚC KHI ĐỌC

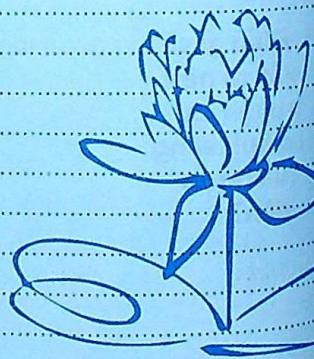
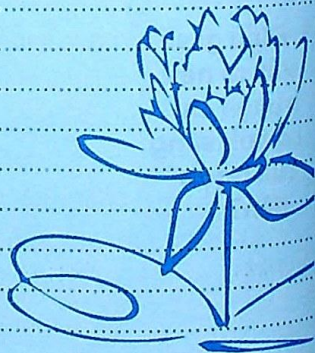
1. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK để hoàn thành ô chữ theo gợi dẫn sau đây:

- sau đây:**
- (1) Đây là tên ban đầu của tác phẩm *Chữ người tử tù*.
 - (2) Quê hương của Nguyễn Tuân là ...
 - (3) Đây là thể loại mà Nguyễn Tuân có đóng góp đặc biệt cho nền văn học Việt Nam hiện đại.
 - (4) Tên một tác phẩm của Nguyễn Tuân viết trước Cách mạng tháng Tám.
 - (5) Một đặc điểm của các nhân vật nho sĩ cuối mùa trong tập truyện *Vang bóng một thời*.
 - (6) Nguyễn Tuân là nhà văn có ...

[illegible]

2. Từ khoá trong ô chữ anh/chị vừa tìm được có liên quan như thế nào đến tác giả Nguyễn Tuân và tác phẩm *Chữ người tử tù*? Dựa vào kết quả đọc và nhìn vào ô chữ đã hoàn thành, anh/chị hãy giới thiệu ngắn gọn bằng lời những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.

3. Hãy tìm hiểu và ghi lại ngắn gọn hiểu biết của anh/chị về nghệ thuật thư pháp.



Hoàn thành phiếu học tập theo thứ tự để phân tích tình huống truyện của tác phẩm.

6. Tác phẩm đã kết thúc bằng sự việc nào? Qua sự việc kết thúc đó, truyện khẳng định sức mạnh và sự chiến thắng của điều gì?

2. Bình diện xã hội

2a. Trên bình diện xã hội, quản ngục là ai, có mối quan hệ như thế nào với Huấn Cao?

3. Bình diện nghệ thuật

3a. Trên bình diện nghệ thuật, quản ngục là ai, có mối quan hệ như thế nào với Huấn Cao?

3b. Trên bình diện nghệ thuật, Huấn Cao là ai, có mối quan hệ như thế nào với quản ngục?

4. Trong truyện, quản ngục đã có những thái độ, hành động gì với Huấn Cao?

5. Trong truyện, Huấn Cao đã có những thái độ, hành động gì với viên quản ngục?

2b. Trên bình diện xã hội, Huấn Cao là ai, có mối quan hệ như thế nào với quản ngục?

2. Bình diện xã hội

1. Câu chuyện diễn ra ở đâu, vào thời gian như thế nào?

Hãy phân tích vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huấn Cao theo gợi dẫn dưới đây:

NHÂN VẬT HUẤN CAO

Liệt kê chi tiết (văn bản):

Cảm xúc, suy luận, bình giá,... từ chi tiết:

Tấm lòng của Huấn Cao

3

Liệt kê chi tiết (văn bản):

Cảm xúc, suy luận, bình giá,... từ chi tiết:

Khí phách của Huấn Cao

2

Liệt kê chi tiết (văn bản):

Cảm xúc, suy luận, bình giá,... từ chi tiết:

Tài viết chữ đẹp của Huấn Cao

1

Hoàn thành phiếu học tập theo gợi dẫn để phân tích sự hoà kết tuyệt của tài năng – khí phách – tấm lòng Huấn Cao trong cảnh cho chữ.

**VỀ ĐẸP CỦA HÌNH TƯỢNG
HUẤN CAO
TRONG CẢNH CHO CHỮ**

4. "Chữ" – tác phẩm nghệ thuật của Huấn Cao. (Phỏng đoán nội dung của "Chữ"; vẻ đẹp bên ngoài và thần thái bên trong của "Chữ", sức mạnh của "Chữ".)

5. Kết hợp với Phiếu học tập số 3 để chỉ ra nghệ thuật khắc hoạ nhân vật trong tác phẩm của nhà văn.

3. Lời khuyên của người cho chữ (Khuyên điều gì? Chỉ ra quan niệm về cái đẹp và việc thưởng thức cái đẹp thể hiện qua lời khuyên.)

2. Người cho chữ (Là ai? Hiện ra như thế nào? Cảm xúc ra sao khi cho chữ?)

1. Không gian, thời gian, không khí diễn ra cảnh Huấn Cao cho chữ (Như thế nào? Có gì bất thường?)

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

Hoàn thành phiếu học tập theo gợi ý dẫn để phân tích cảnh cho chữ – "một cảnh tượng xưa nay chưa từng có".

CẢNH CHO CHỮ

Ghi lại câu văn người kể chuyện bình luận về cảnh cho chữ:

.....

.....

.....

4. Cảm nhận của anh/chị về không khí của cảnh cho chữ.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Người cho chữ (Là ai? Hiện ra như thế nào? Khuyên điều gì? Ý nghĩa của lời khuyên đó?)

.....

.....

.....

.....

.....

2. Người xin chữ (Là ai? Hiện ra như thế nào?)

.....

.....

.....

.....

.....

1. Không gian, thời gian diễn ra cảnh cho chữ (Như thế nào? Có gì bất thường?)

.....

.....

.....

.....

.....

5. Nghệ thuật khắc hoạ cảnh cho chữ của tác giả.

.....

.....

.....

.....

.....

6. Ý nghĩa của cảnh cho chữ.

.....

.....

.....

.....

.....

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

Hoàn thành phiếu học tập theo gợi dẫn để phân tích nhân vật viên quản ngục.

CUỘC GẶP GỠ VỚI HUẤN CAO TẠI TRẠI GIAM TỈNH SƠN

**VIÊN
QUẢN
NGỤC**

1. Hành động, thái độ, cử chỉ trước khi nghe tin Huấn Cao đến trại giam:

2. Hành động, thái độ, cử chỉ khi nghe tin Huấn Cao đến trại giam:

3. Hành động, ứng xử với Huấn Cao khi ông đến và ở trại giam nửa tháng:

4. Hành động, thái độ trong cảnh cho chữ:

Liệt kê các chi tiết về nhân vật viên quản ngục trong văn bản vào các mục từ 1–5.

Từ chi tiết đã liệt kê, hãy xác định các đặc điểm của nhân vật và thông điệp nghệ thuật tác phẩm gửi gắm qua nhân vật vào mục 6, 7.

5. Nhận xét, đánh giá của người kể chuyện và Huấn Cao về nhân vật viên quản ngục:

6. Nhân vật viên quản ngục là người:

Nghệ thuật thể hiện nhân vật của nhà văn:

7. Suy ngẫm về con người và cái đẹp mà tác phẩm muốn gửi gắm đến người đọc qua nhân vật viên quản ngục là:

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

Bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên đến với chúng ta đã hơn 80 năm, là niềm cảm xúc trân trọng, hoài tiếc trước những giá trị văn hoá cổ truyền tinh tuý có nguy cơ bị mai một, lãng quên. Nỗi niềm hoài tiếc day dứt ấy neo lại trong lòng người bởi câu hỏi khắc khoải: “Những người muôn năm cũ – Hồn ở đâu bây giờ?”. Đây cũng là câu hỏi muôn đời không cũ về việc *bảo tồn, phát triển các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc*. Chúng ta hãy cùng lắng nghe và nhận ra câu trả lời riêng – chung của mỗi cá nhân bằng cách nhập vai từng nhân vật theo gợi mở sau:

2. Các nghệ sĩ biểu diễn âm nhạc dân tộc trên phố đi bộ Hà Nội (Văn bản 1 – Ngữ liệu đọc hiểu tr. 86):

3. Những thầy cô giáo đưa dân vũ vào nhà trường (Văn bản 2 – Ngữ liệu đọc hiểu tr. 86 – 87):

1. Nguyễn Tuân trong *Chữ người tử tù*:

Bảo tồn, phát triển những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc như thế nào?

Những người muôn năm cũ – Hồn ở đâu bây giờ?

4. Và tôi:



HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA (Trích *Số đỏ*)

Vũ Trọng Phụng

1. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.



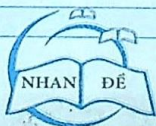
TRƯỚC KHI ĐỌC

1a. Ghi vắn tắt ấn tượng sâu sắc nhất của anh/chị về nhà văn Vũ Trọng Phụng và tác phẩm của ông.



1b. Hãy tóm tắt ngắn gọn tiểu thuyết *Số đỏ*.

Xuân Tóc Đỏ mồ côi từ bé, sống bằng nhiều nghề → bị bắt giam...



2a. Từ hiểu biết về thực tế cuộc sống, điều tôi băn khoăn về nhan đề *Hạnh phúc của một tang gia* là:

2. Chưa đọc văn bản, hãy tìm hiểu nhan đề *Hạnh phúc của một tang gia* lần lượt theo những gợi ý sau:

2b. Tôi đoán hạnh phúc của tang gia ấy là:

2c. Kết hợp từ ngữ trong nhan đề ấy gọi ra mâu thuẫn:

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA (Trích *Số đỏ*)

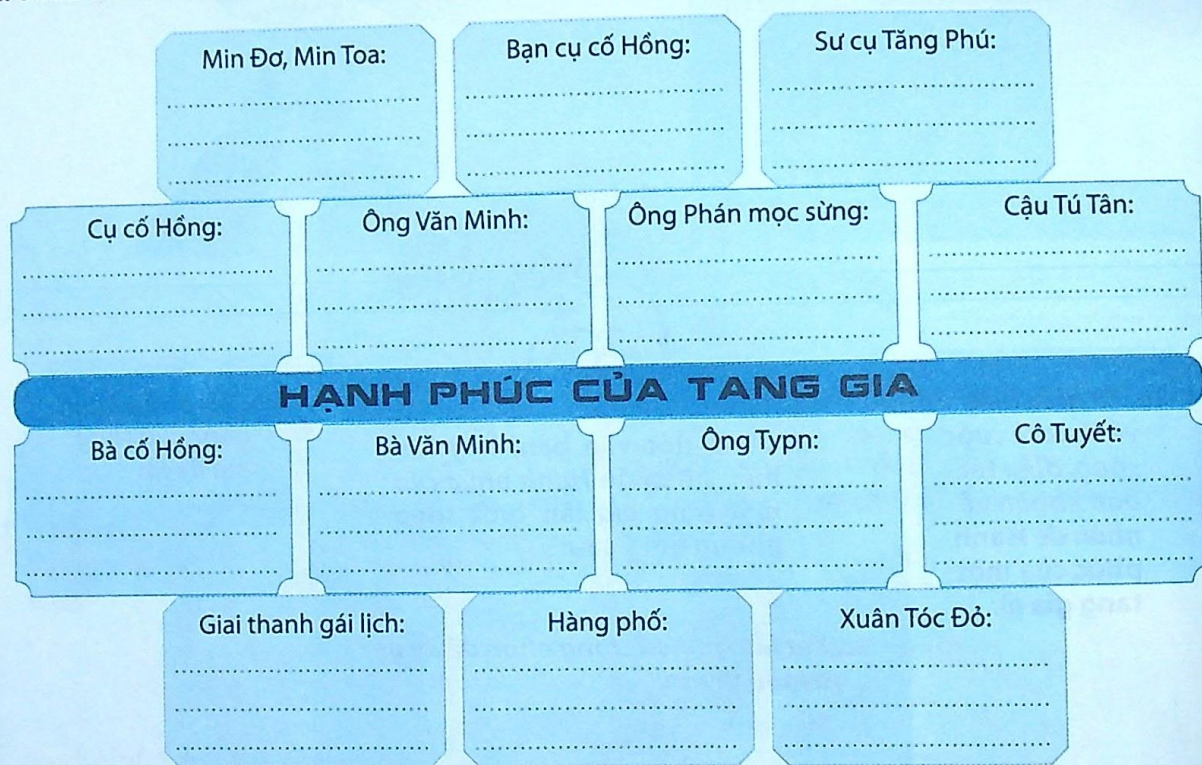
Vũ Trọng Phụng

Hoàn thành phiếu học tập theo gợi dẫn để phát hiện, phân tích tình huống, mâu thuẫn trào phúng trong tác phẩm.

1. Sự việc nào trong văn bản tạo ra tiếng cười phê phán, đả kích?

Tình huống trong sự việc vừa xác định cho thấy mâu thuẫn trào phúng gì?

2. Theo dõi văn bản và ghi lại ngắn gọn niềm hạnh phúc của mỗi nhân vật vào sơ đồ sau:



3. Tác giả đã sử dụng bút pháp trào phúng như thế nào để tái hiện niềm hạnh phúc của tang gia?

Niềm hạnh phúc này nói gì với chúng ta về đại gia đình cụ cố Hồng nói riêng và xã hội "thượng lưu", trường giả ở thành thị đương thời nói chung trong trào lưu "Âu hoá"?

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA (Trích *Số đỏ*)

Vũ Trọng Phụng

Phân tích cảnh “đám ma gương mẫu” theo gợi dẫn dưới đây:

1. Đám ma này “to tát” như thế nào?

Nhưng nó có thực sự là một đám ma?

2. Đám con cháu hiện ra như thế nào trong cảnh đưa tang?

4. Từ câu trả lời ở mục 2 và 3, hãy chỉ ra điểm giống nhau của tất cả mọi người khi đưa đám.

ĐÁM CỬ ĐI

3. Đám bạn bè cụ cố Hồng, giai thanh gái lịch và hàng phố hiện ra như thế nào trong cảnh đưa tang?

5. Điệp khúc “Đám cứ đi...” gợi ra điều gì?

6. Ghi lại lời nhận xét của người kể chuyện về sự “to tát” của đám ma.

ĐÁM CỬ ĐI

7. Ghi lại văn tắt:
– Các chi tiết miêu tả đám đông trong cảnh hạ huyệt:

Thủ pháp trào phúng được thể hiện như thế nào qua lời nhận xét này?

CẢNH HẠ HUYẾT

– Chi tiết về hành động của ông Phán mọc sừng và Xuân Tóc Đỏ:

8. Chỉ ra nét đặc sắc của ngòi bút trào phúng Vũ Trọng Phụng trong cảnh “đám ma gương mẫu”.

9. Qua cảnh này, tác phẩm gửi đến người đọc thông điệp gì?

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA (Trích *Số đỏ*)

Vũ Trọng Phụng

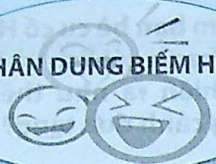
Trong đoạn trích, nhà văn Vũ Trọng Phụng đã dựng lên nhiều chân dung biếm họa đặc sắc, ấn tượng, tạo ra tiếng cười đã kích nhằm lật tẩy bản chất giả dối, lố lăng, đồi bại của xã hội "thượng lưu" thành thị trước Cách mạng tháng Tám.

Trong cuộc sống quanh ta, bên cạnh nhiều điều tốt đẹp vẫn có không ít những trò diễn đạo đức giả cần lên án. Sử dụng tiếng cười trí tuệ là một trong những cách để tố cáo chúng.

Hãy phác họa bằng ngôn từ hoặc bằng nét vẽ một chân dung biếm họa mà anh/chị quan sát thấy trong cuộc sống hôm nay.

Chia sẻ với mọi người về "bức vẽ" và thông điệp anh/chị muốn gửi đến từ "tác phẩm nghệ thuật" của mình.

CHÂN DUNG BIỆM HỌA





TRƯỚC KHI ĐỌC

- Hình ảnh này gợi cho anh/chị nhớ đến tác phẩm nào của nhà văn Nam Cao? Hãy chia sẻ bằng lời với các bạn ấn tượng sâu sắc nhất của anh/chị về tác phẩm đó.



- Hãy đọc phần giới thiệu về tác giả Nam Cao trong SGK, gạch chân các thông tin quan trọng và vẽ sơ đồ tư duy để giới thiệu về tác giả, tác phẩm.



1. Hãy tìm hiểu nhan đề của tác phẩm theo gợi dẫn của sơ đồ dưới đây:

Nhan đề đầu tiên của tác phẩm

.....

.....

.....

Vì sao nhan đề được lựa chọn? Nhan đề gợi ra điều gì?

.....

.....

.....

.....



Nhan đề khi in thành sách lần đầu

.....

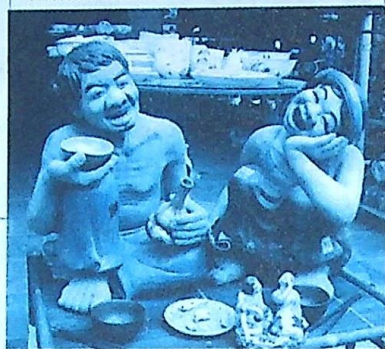
.....

Vì sao nhan đề được lựa chọn? Nhan đề có phù hợp với tư tưởng chủ đề của tác phẩm không?

.....

.....

.....



Nhan đề nhà văn đặt lại

.....

.....

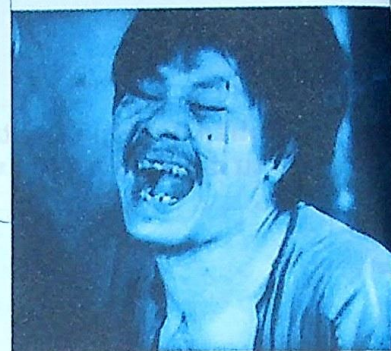
Vì sao nhan đề được lựa chọn?

.....

.....

.....

.....



2. Hoàn thành sơ đồ sau để tóm tắt truyện theo mạch kể (bố cục):

Phần 1

Từ đầu đến "Chí Phèo ra tù" (hết phần *Lược một đoạn*)

.....

.....

.....

Phần 2

Từ "Hắn về lớp này trông khác hẳn..." đến "... máu vẫn còn ứ ra".

.....

.....

.....

Phần 3

Từ "Cả làng Vũ Đại nhao lên..." đến hết.

.....

.....

.....

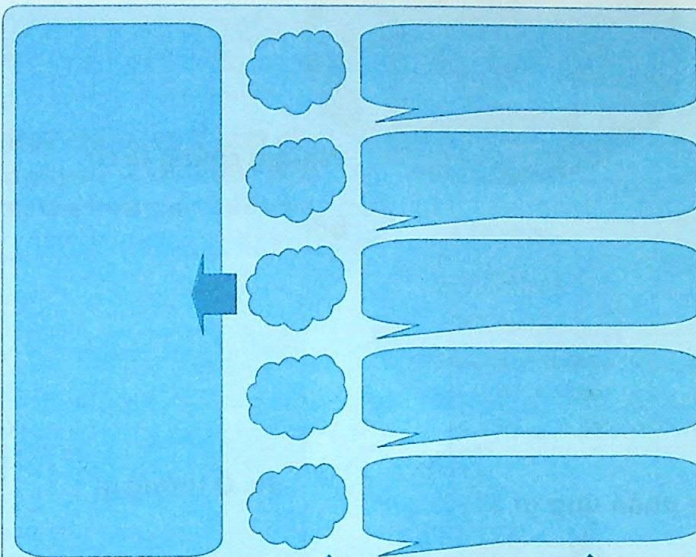
Tìm hiểu đoạn văn mở đầu lần lượt theo gợi dẫn dưới đây:

2. Từ việc hoàn thành mục 1, kết hợp với hình dung tưởng tượng và suy luận, cắt nghĩa, hãy trả lời các câu hỏi:

2a. Tiếng chửi của Chí Phèo liệu có mục đích gì không hay chỉ là sự chửi đồng vu vơ của một kẻ say? Phía sau ngôn ngữ miêu tả trực tiếp thái độ, cảm xúc của Chí Phèo như đã liệt kê, anh/chị còn có thể hình dung thấy tâm trạng của Chí Phèo lúc cất lên tiếng chửi như thế nào?

2b. Tiếng chửi của Chí diễn ra theo “trật tự” nào? “Trật tự” này liệu có ý nghĩa gì không?

2c. Kết thúc đoạn văn bằng việc “chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hân, đẻ ra cái thằng Chí Phèo” cho thấy tác phẩm hướng đến cắt nghĩa câu hỏi lớn nào?



1c. Chí Phèo có thái độ, cảm xúc như thế nào khi nhận được phản hồi?

1a. Chí Phèo chửi những đối tượng nào?

1b. Phản hồi Chí Phèo nhận được sau từng tiếng chửi là gì?

2d. Tất cả những gì làng Vũ Đại phản hồi trước tiếng chửi của Chí cho thấy thái độ như thế nào của cộng đồng đối với nhân vật?

2e. Vì sao họ lại có thái độ như vậy?

1. Đọc đoạn mở đầu và trả lời các câu hỏi theo thứ tự bằng cách tìm và ghi lại thông tin từ văn bản.

2h. Đoạn văn là lời kể của ai?

Đoạn văn được kể theo những điểm nhìn nào?

Việc trần thuật như vậy đem lại hiệu quả gì?

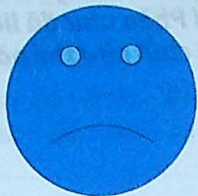
2g. Nếu làng Vũ Đại hôm ấy có một người nào đó “gây sự” với Chí Phèo bằng cách đáp lại, anh/chị nghĩ câu chuyện có thể sẽ thế nào?

3. Dựa vào thông tin đã hoàn thành ở mục 1, 2 trong phiếu học tập, anh/chị hãy trình bày bằng lời phân phân tích đoạn văn mở đầu truyện Chí Phèo.

CHÍ PHÈO

Nam Cao

Căn cứ vào đoạn mở đầu để hình dung cuộc giao tiếp ngầm giữa Chí Phèo và làng Vũ Đại theo gợi dẫn dưới đây (Chí Phèo nói gì? Với thái độ thế nào? Với mong muốn gì? Làng Vũ Đại “đáp lại” thế nào? Phản hồi của Chí và làng Vũ Đại sau mỗi lần “đối đáp” ngầm như vậy,...):

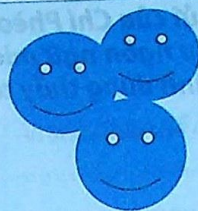


1a. Ta chửi trời vì

2a. Các người không phản ứng gì à?
Vậy thì ta sẽ chửi

xem

3a. Cũng không à? Vậy thì ta sẽ chửi
để



1b. Mi chửi trời để ư?

Nhưng chúng ta cứ

bởi

2b. Ổ tưởng gì

3b. Chắc nó trừ mình ra!

Từ cuộc giao tiếp ngầm vừa tái hiện, hãy phát biểu bằng lời cảm nhận của anh/chị về nhân vật Chí Phèo, phỏng đoán của anh/chị về mối quan hệ của nhân vật với cộng đồng.

CHÍ PHÈO

Nam Cao

Hãy tìm hiểu quá trình tha hoá của Chí Phèo theo gợi dẫn dưới đây:

3. Điền các cụm từ sau đây vào vị trí thích hợp để thấy rõ quá trình tha hoá của Chí Phèo: *con quỷ dữ; người nông dân hiền lành, lương thiện; thằng lưu manh.*

Từ



Đến



1. Liệt kê các chi tiết trong văn bản thể hiện thời "xa xôi" của anh Chí (sự sinh ra, lớn lên, ước mơ của nhân vật).



4. Hãy chỉ ra và lí giải các nguyên nhân dẫn đến sự tha hoá của Chí Phèo.

5. Khi nào thì Chí nhận ra nguyên nhân làm mình tha hoá?

QUÁ TRÌNH THA HOÁ CỦA CHÍ PHÈO

2a. Nhân
hình:



2b. Nhân
tính:

2. Liệt kê các chi tiết trong văn bản thể hiện Chí Phèo thời hiện tại.

6. Từ quá trình tha hoá của Chí Phèo, tác phẩm gửi đến chúng ta thông điệp gì?

Đọc phần văn bản từ "Khi Chí Phèo mở mắt" đến "... còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau", trả lời các câu hỏi theo trình tự gợi dẫn và ghi vắn tắt vào các mục dưới đây:

1. Hãy liệt kê những từ ngữ miêu tả tâm trạng của Chí Phèo khi tỉnh dậy vào buổi sáng hôm sau theo trình tự 1a → 1b → 1c:

1a. Cảm nhận cuộc sống xung quanh (ánh sáng, âm thanh):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1b. Cảm nhận về cơ thể mình:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Điều gì tạo nên sự thay đổi này?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Những biểu hiện tâm trạng đó cho thấy Chí Phèo đã thay đổi như thế nào so với ngày hôm qua?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1c. Suy nghĩ về cuộc đời mình (quá khứ, hiện tại, tương lai):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHÍ PHÈO

Nam Cao

Đọc phần văn bản từ “Cũng may thị Nở vào” đến “... hỏi cô thị đã”, trả lời các câu hỏi theo trình tự gợi dẫn và ghi vắn tắt vào các mục dưới đây:

1a. Cảm nhận về bát cháo hành:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1. Hãy liệt kê những từ ngữ miêu tả tâm trạng của Chí Phèo khi gặp lại thị Nở theo trình tự 1a → 1b → 1c:

1b. Cảm nhận về thị Nở:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Điều gì tạo nên sự thay đổi này?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1c. Cảm nhận về chính mình:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Những biểu hiện tâm trạng đó cho thấy Chí Phèo đã thay đổi như thế nào so với ngày hôm qua?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Hãy phân tích phần văn bản từ "Thấy thị hỏi" đến "... vẫn còn ứ ra" theo gợi dẫn dưới đây:

Thị Nở sẽ mở đường cho hẳn NHƯNG...

1. Sự việc đập tắt hi vọng của Chí là:

2. Cảm xúc và hành động của Chí khi sự việc (1) xảy ra:

3. Thị Nở đang phát ngôn cho ai? Về điều gì? Phát ngôn này có gì giống và khác với thái độ của làng Vũ Đại thể hiện trong đoạn văn mở đầu văn bản?

4. Trong tiếng khóc "rưng rức" của Chí, anh/chị có thể đọc ra điều gì?

5. "Hơi cháo hành" hiện ra "thoang thoảng" đã an ủi hay làm đau Chí? Vì sao?

7. Điều gì đã khiến Chí không đến nhà thị Nở như dự định?

10. Có thể có kết thúc khác cho đời Chí được không? Tại sao?

6. Chí Phèo đã nói gì, đã hành động như thế nào khi đến nhà bà Kiến?

9. Chí Phèo giúp chúng ta nhận thức như thế nào về "lương thiện"?

8. Lúc làng Vũ Đại đến thì thấy miệng Chí "ngáp ngáp, muốn nói, nhưng không ra tiếng". Anh/Chị phỏng đoán xem Chí muốn nói điều gì.

Hãy đọc hai văn bản dưới đây để có cho mình câu trả lời:

Tờ giấy ra trại do trại giam Bình Châu cấp được bọc nilông cẩn thận là giấy tờ tùy thân duy nhất, Ngô Văn Kỳ lục ra thêm một tờ giấy mời màu xanh, cẩn thận đặt trước mặt chúng tôi: giấy mời đến dự buổi lễ tổng kết hoạt động năm 2013 của Hội Chữ thập đỏ P.10, Q. Tân Bình (TP. Hồ Chí Minh), ghi tên anh Văn Kỳ. Tôi chưa hiểu được câu chuyện. Bỗng nhiên Kỳ đưa tay vò lên mớ tóc lún phún trên đầu, gương mặt chai sạn thoáng một nét rung động, đôi mắt bỗng loáng nước: “Đây là tờ giấy mời đầu tiên tôi nhận được trong đời. Đây là lần đầu tiên tôi được đối xử một cách công bằng, trân trọng. Đây là người đầu tiên mở vòng tay ra với tôi...”. Ngón tay Kỳ chỉ xuống cuối tờ giấy, nơi có chữ kí: Nguyễn Thị Thanh, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ P.10, Q. Tân Bình.

Và lời tâm sự của chính kẻ đã gây bao tội lỗi, ra tù vào tội biết bao lần: “Giá như...”.

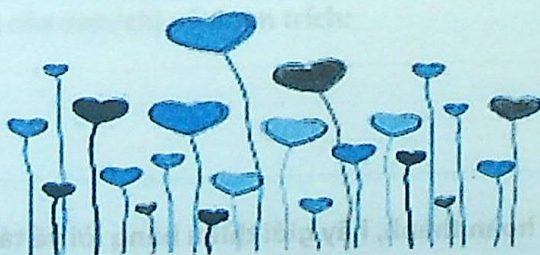
Một giọt nước mắt rơi xuống hai bàn tay đã từng giật như chớp, đâm chém chẳng chùn. Kỳ ngẩng lên: “Giá như tôi được gặp chị ấy sớm hơn, giá như có được năm, mười người mở lòng với tôi như vậy... thì chắc tôi đã thức tỉnh, đời tôi không đến nỗi suốt 27 năm không được làm người tốt lấy một ngày.”

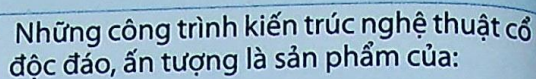
(tuoitre.vn)

Từ hai câu chuyện này, anh/chị hãy trả lời câu hỏi: “Người ta đứng lên bằng cái gì?”

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hẳn thấy mắt hình như ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hẳn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hẳn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hẳn vẫn phải dọa nạt hay là giật cướp. Hẳn phải làm cho người ta sợ. Hẳn nhìn bát cháo bốc khói mà băng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hẳn rồi lại toé toét cười [...] Hẳn thấy vừa vui vừa buồn. Và một cái gì nữa giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa [...] bát cháo hành của Thị Nở làm hẳn suy nghĩ nhiều. Hẳn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù? [...] Thị Nở nhìn hẳn, lắc đầu, thương hại. Hẳn thấy lòng thành trẻ con. Hẳn muốn làm nũng với thị như với mẹ. Ôi sao mà hẳn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt và đâm chém người? [...] Trời ơi, hẳn thêm lương thiện, hẳn muốn làm hoà với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hẳn. Thị có thể sống yên ổn với hẳn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ thấy rằng hẳn cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ lại nhận hẳn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện.

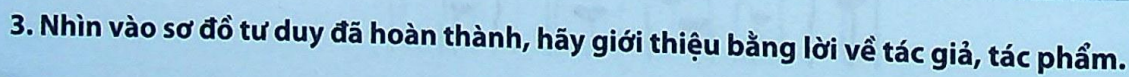
(Trích *Chí Phèo* – Nam Cao)





- 1. Liệt kê một vài công trình kiến trúc nghệ thuật cổ độc đáo trên đất nước ta. Hãy chia sẻ bằng lời ẩn tượng của anh/chị về một trong số các công trình đó. Theo anh/chị, cần những yếu tố quyết định nào để có được một công trình kiến trúc độc đáo, ẩn tượng như vậy? Ghi vắn tắt câu trả lời vào chỗ trống ở bên.**

2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK, gạch chân các thông tin quan trọng.
Từ hình ảnh dưới đây, hãy vẽ sơ đồ tư duy giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Huy Tưởng và vở kịch *Vũ Như Tô*.



VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI (Trích Vũ Như Tô)

Nguyễn Huy Tưởng

Đọc văn bản và hoàn thành phiếu học tập theo gợi dẫn để tóm tắt và trình bày cảm nhận ban đầu về tác phẩm.

1. Ghi tóm tắt diễn biến qua các lớp của vở kịch vào sơ đồ dưới đây:

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI	Lớp I	
	Lớp II	
	Lớp III	
	Lớp IV	
	Lớp V	
	Lớp VI	
	Lớp VII	
	Lớp VIII	
	Lớp IX	

2. Đối theo các lớp kịch, liệt kê tất cả chi tiết chỉ dẫn sân khấu về âm thanh, ánh sáng:
Ví dụ: Có tiếng quân âm ầm, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng tù và, tiếng ngựa hí.

3. Ghi lại văn tắt ấn tượng của anh/chị về đoạn trích:

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI (Trích Vũ Như Tô)

Nguyễn Huy Tưởng

Hoàn thành phiếu học tập theo gợi dẫn để phân tích mâu thuẫn kịch.

3a. Mâu thuẫn giữa Vũ Như Tô và nhân dân là mâu thuẫn giữa điều gì với điều gì?

3b. Mâu thuẫn này dẫn đến kết cục như thế nào?

3c. Nguyên nhân nào dẫn đến mâu thuẫn này? Kết cục của tác phẩm đã giải quyết đúng nguyên nhân tạo ra mâu thuẫn chưa? Vì sao?

3. Tìm hiểu mâu thuẫn kịch theo gợi ý:

1. Lê Tương Dực xây đài để làm gì? Vũ Như Tô cuối cùng đồng ý xây đài để làm gì? Còn nhân dân từ chỗ đồng lòng, sau đó lại tìm cách đốt Cửu Trùng Đài, giết Vũ Như Tô là vì sao? Hãy trả lời các câu hỏi đó bằng cách hoàn thành sơ đồ sau:

1b. Với Vũ Như Tô, Cửu Trùng Đài là

1a. Với Lê Tương Dực, Cửu Trùng Đài là

1c. Với nhân dân, Cửu Trùng Đài là

**VĨNH BIỆT
CỬU TRÙNG ĐÀI**
"Toà đài hoa lệ,
thách cả những công
trình sau trước, tranh
tinh xảo với hoá công"

2. Tìm hiểu mâu thuẫn kịch theo gợi ý:

2a. Chỉ ra mâu thuẫn giữa Lê Tương Dực và nhân dân:

2b. Mâu thuẫn này dẫn đến kết cục như thế nào?

2c. Mâu thuẫn này phản ánh quy luật gì trong đời sống? Cách giải quyết mâu thuẫn đã triệt để chưa? (Có chỉ ra đúng và khắc phục được nguyên nhân tạo ra mâu thuẫn không?)

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI (Trích Vũ Như Tô)

Nguyễn Huy Tưởng

Phân tích tâm trạng bi kịch của Vũ Như Tô trong đoạn trích theo gợi dẫn dưới đây:

1c. Lớp VI, VII, VIII, từ đầu lớp IX đến "... Giống vật không biết nhục":

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1b. Lớp III, IV, V:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1a. Lớp I, II:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1. Mô tả ngắn gọn về tình thế, hoàn cảnh của nhân vật.

2. Liệt kê thái độ, phản ứng của Vũ Như Tô trước hoàn cảnh.

3. Ghi lại ngôn ngữ và hành động của Vũ Như Tô khi nhìn thấy "ánh lửa sáng rực, cả tàn than, bụi khói bay vào":

4. Anh/Chị hình dung thế nào về cảnh Cửu Trùng Đài bị đốt?

5. Anh/Chị hình dung thế nào về giọng điệu, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ,... của Vũ Như Tô khi chứng kiến cảnh Cửu Trùng Đài bị đốt?

6. Theo anh/chị, nhà văn đã thể hiện thái độ gì với nhân vật Vũ Như Tô?

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI (Trích Vũ Như Tô)

Nguyễn Huy Tưởng

Tìm hiểu nhân vật Đan Thiềm theo gợi dẫn dưới đây:

Chi tiết về ngôn ngữ, hành động... của Đan Thiềm trong đoạn trích:

Suy luận, hình dung của anh/chị từ chi tiết:

1a. Khi biết có biến loạn xảy ra, Đan Thiềm đã

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1b. Khi bị quân khởi loạn bắt giữ, Đan Thiềm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1c. Khi bị quân khởi loạn kéo đi, Đan Thiềm đã

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 (a+b). Bởi vì nàng

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2c. Hình dung của anh/chị về Đan Thiềm khi bị quân khởi loạn kéo đi

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Trong lời đề tựa kịch Vũ Như Tô, Nguyễn Huy Tưởng đã viết: "Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm". Dựa vào đoạn trích, anh/chị hãy lí giải thế nào là "bệnh Đan Thiềm".

.....

.....

.....

.....

.....

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI (Trích Vũ Như Tô)

Nguyễn Huy Tưởng

"Chúng ta vẫn đúng!"

Khi cơn nóng giận qua đi, đám đông thợ thuyền bàng hoàng nhận ra xung quanh họ chỉ là một đống tro tàn. Ông Cả đã chết. Cửu Trùng Đài đã cháy. Họ ngơ ngác hỏi nhau: "Đốt Cửu Trùng Đài, giết Vũ Như Tô – Hành động đó là đúng hay sai?". Nhiều người khẳng định: "Chúng ta vẫn đúng!" Số khác lắc đầu buồn bã, nước mắt lưng tròng: "Ta đã sai rồi!"

Anh/Chị hãy nhập vai để ghi lại văn tắt lập luận của mỗi bên cho câu trả lời họ đưa ra.

"Ta đã sai rồi!"





Với tôi, tình yêu là

2. Đọc phần giới thiệu về tác giả Uy-li-am Sếch-xpia cùng vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* trong SGK. Ấn tượng của anh/chị về tác giả, tác phẩm là gì? Hãy ghi các từ khoá vào chỗ trống dưới đây:

Ảnh tượng của tôi...



TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN (Trích Rô-mê-ô và Giu-li-ét)

U. Sếch-xpia

Phiếu học tập số
2

Tìm hiểu nhân vật Rô-mê-ô theo gợi ý dẫn sau:



Đấy là phương đông, và nàng Giu-li-ét là mặt trời!

Thử lí giải xem vì sao trong đêm trăng mà Rô-mê-ô lại cảm nhận nàng Giu-li-ét là mặt trời.

1

Chi tiết được lựa chọn để thể hiện vẻ đẹp của "mặt trời" Giu-li-ét là:

2

Chỉ ra và nhận xét về các hình ảnh được lựa chọn để so sánh với vẻ đẹp của Giu-li-ét.

3

Ghi lại câu văn Rô-mê-ô tuyên ngôn về sức mạnh của tình yêu.

4

Đôi cánh của tình yêu đã giúp Rô-mê-ô vượt qua những "bức tường" nào?

5

Hãy chia sẻ một vài câu thơ, câu châm ngôn về tình yêu mà anh/chị tâm đắc.

6

TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN (Trích Rô-mê-ô và Giu-li-ét)

U. Sếch-xpia

Tìm hiểu nhân vật Giu-li-ét theo gợi dẫn dưới đây:



"Ôi chào!" – Anh/Chị đọc thấy những cảm xúc gì trong lòng Giu-li-ét được thốt lên phía sau hai tiếng ấy?

1

"Ôi, Rô-mê-ô, chàng Rô-mê-ô! Sao chàng lại là Rô-mê-ô nhỉ?" Tại sao Giu-li-ét băn khoăn về tên họ của Rô-mê-ô?

2

Giu-li-ét đã làm gì để vượt qua mối băn khoăn đó?

3

Chỉ ra và nhận xét về nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả.

4

Trong vở kịch, đôi cánh tình yêu đã giúp các nhân vật vượt lên thù hận. Trong cuộc đời, anh/chị đã bao giờ được biết về một đôi cánh tình yêu mang sức mạnh diệu kì giúp con người vượt lên thử thách? Hãy chia sẻ về điều đó.

5



VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH (Trích *Thượng kinh ký sự*)

* Phiếu học tập số 3

Văn bản 1: Phạm Ngọc Thạch – Người sáng chế BCG chết để phòng lao

[...] Không những thế, hết lòng với các công việc nghiên cứu, mọi thứ thuốc vừa mới nghiên cứu xong, trước khi phổ biến rộng rãi, ông (Phạm Ngọc Thạch – NBS) đều thử nghiệm trên... chính bản thân mình! Nếu gặp phải phản ứng có hại thì chỉ ông là người duy nhất gánh lấy hậu quả. Bên cạnh nhiều thử nghiệm khoa học, các chiến sĩ ngoài mặt trận vẫn thường nhắc đến trường hợp ông chế ra chất đạm toan – dành cho người bị mổ không ăn được hoặc những người sống trong hoàn cảnh thứ bảy. Tháng thứ nhất, ông vẫn làm việc bình thường mà sút cân. Ông vui vẻ nói với mọi người: – Người ta bảo mỗi ngày phải có hai ngàn ca-lo mới sống và làm việc được. Tại sao mình ăn như thế chỉ có một ngàn rưỡi ca-lo mà vẫn sống và làm việc được?

Thế là sau đó, ông sửa chữa, bổ sung và nghiên cứu chế biến lại. Tháng thứ hai, ông cũng ăn đạm toan, nhưng lần này thì không giảm cân, ông mới cho sản xuất hàng loạt gửi ra tiền phương. Ông thường nói:

– Ngày trước, mình học, còn nhớ câu: “Mình có đau khổ mới thông cảm cho nỗi đau khổ của người khác”. Thuốc mình làm ra, muốn biết tiêm vào người ta nó gây đau đớn và phản ứng như thế nào, thì mình phải thử cho mình trước, nếu nó chưa tốt thì mình mới biết mà sửa lại cho tốt hơn. Ta chế thuốc là để phục vụ con người chứ không phải vì cái gì khác cả.

(Theo Lê Minh Quốc, *Danh nhân khoa học Việt Nam*, NXB Trẻ, tr.157–158)

Văn bản 2: Nhiều bác sĩ đã khóc khi đọc câu chuyện này

Là một bác sĩ, đôi khi chúng tôi phải đối mặt với giới hạn. Những thời khắc đó dù không phải duy nhất, nhưng sẽ chẳng bao giờ tôi quên...

Đôi vợ chồng ấy tới siêu âm và tôi phát hiện sớm một dị tật bẩm sinh rất nặng, lúc thai 17 tuần (Ngày nay những bệnh nặng này tôi có thể phát hiện từ tuần 12).

Một dị tật về tim mà khả năng sửa chữa sau sinh gần như bằng 0 (Thiếu sản toàn bộ tim trái, teo tịt van 2 lá và động mạch chủ). Tuy vậy bạn nhỏ vẫn lớn và phát triển trong bụng mẹ, nhưng sự thật là sau sinh 36 giờ việc cấp máu qua trái tim nhỏ bé ấy sẽ dừng lại...

Tuần 17, ngay sau khi siêu âm, tôi khuyên đôi vợ chồng ấy tới chuyên ngành tim mạch, nơi họ sẽ nhận được những cập nhật kiến thức và hỗ trợ tốt nhất cho cháu bé sau sinh.

Đôi vợ chồng ấy vẫn quyết định giữ thai. Không phải là vì họ không tin vào y học hiện đại. Có lẽ họ vẫn mong chờ một phép màu. Nhưng họ tin tưởng chúng tôi, họ chấp nhận và họ tiếp tục. Vẫn đều đặn, họ tới gặp tôi và cha mẹ gặp con, những thời khắc hội ngộ ngắn ngủi quý giá. Chúng tôi cùng nhau chờ đủ ngày đủ tháng và họ chọn sinh thường.

Sau khi sinh, người “chiến binh” tí hon đó vẫn thở bình thường, không cần máy thở hỗ trợ. Bố mẹ bạn ấy và các bác sĩ sơ sinh và cả tôi đều đã nghĩ đến một phép màu thật. Siêu âm tim, kết quả vẫn không hề thay đổi, nhưng lâm sàng mới là quan trọng nhất. Chúng tôi đều hi vọng sẽ xảy ra sự TỰ SỬA CHỮA của tim, chờ đợi sự kì diệu của cơ thể con người xảy đến với trái tim của “chiến binh” đó. Dù chúng tôi biết mọi điều trong sách vở về trường hợp này, dù tự chúng tôi cũng giải thích đầy đủ cho người nhà, nhưng chính tôi cũng mong chờ một điều vượt qua khả năng của y học hiện đại.

Tôi vẫn tranh thủ vào thăm cháu mỗi ngày. Tôi biết không còn nhiều thời gian để gặp nhau. Một khoảng khắc gây chấn động tâm can tôi tới giờ: Người bố bé bạn nhỏ trong lòng ở một góc của phòng riêng. Họ nói chuyện với nhau. Họ đã chấp nhận vượt qua mọi thứ, chấp nhận số phận chỉ để gặp nhau như vậy...

Sau hai ngày, đã không có phép màu nào xuất hiện...

Mỗi người sinh ra đều có sứ mệnh của mình. Có lẽ sứ mệnh của bạn nhỏ ấy là gắn kết gia đình, nhân lên tình yêu cho những ai gặp bạn ấy, những người được nghe kể chuyện về bạn.



NGŨ LIỆU ĐỌC HIỂU

Và tôi, với cái nghề là cánh tay trợ giúp cho Thượng đế nhưng lại chẳng thể quyết định được sự sống chết của những người cần mình, cái nghề được coi là đầy rẫy kiến thức mà lại thiếu đi tình yêu.... Trong tim tôi vẫn đang khóc.

(Bs. Phạm Minh Kiêm, Nguồn: vietnamnet.vn, ngày 07/7/2016)

"Văn bản" 3: Chuyện cảm động về một bác sĩ ở Sài Gòn đăng tìm bệnh nhi trên Facebook để chữa trị miễn phí

"Chào các bạn. Nhờ các bạn nào ở Bình Thuận, nhắn giùm gia đình bé Minh Anh ở Mai Lĩnh, Phan Thanh, Bắc Bình, Bình Thuận liên lạc lại với bác sĩ Xuân Anh ở Bệnh viện Sài Gòn ITO Phú Nhuận để bác sĩ mổ từ thiện cho bé sớm. Bé đi học. Cô giáo đề nghị mẹ cho bé đi mổ để có thể cầm viết được. Cảm ơn các bạn."



"Văn bản" 4:



(Nguồn hình ảnh: baomoi.com)

BÀI CA NGẮT NGƯỜNG

* Phiếu học tập số 4

Văn bản 1: Tái ông thất mã



Một ông lão ở gần cửa ải Nhạn Môn, nơi giáp giới nước Tàu với Phiên Quốc (Hồ) có con ngựa. Một hôm, con ngựa đi mất. Người quen thuộc đều đến thăm hỏi, chia buồn. Ông lão nói:

– Mất ngựa thế mà phúc cho tôi đấy, biết đâu!

Cách mấy tháng, con ngựa trở về lại quấy thêm một con ngựa hay tốt. Những người quen thuộc kéo đến xem ngựa và chúc mừng. Ông lão nói:

– Được ngựa thế mà họa cho tôi đấy, biết đâu!

Từ khi được ngựa hay tốt, con ông lão thích cười. Chẳng may té què chân. Người quen thuộc đều đến hỏi thăm, chia buồn. Ông lão nói:

– Con què thế mà phúc cho tôi đấy, biết đâu!

Cách một năm có giặc Hồ. Nhà vua bắt lính đi đánh giặc. Quân lính mười người chết đến chín. Chỉ con ông lão vì què, không phải đi lính mà cha con vẫn hợp nhau.

(Theo Nguyễn Tử Quang, *Điện hay tích lạ*, NXB Văn hoá – Thông tin)

Văn bản 2: Chiếc vòng

Một ngày nọ, vua Salomon bỗng muốn làm bề mặt Benaiah, một cận thần thân tín của mình. Vua bèn nói với ông: "Benaiah này, ta muốn ông mang về cho ta một chiếc vòng để đeo trong ngày



lễ Sukkot và ta cho ông sáu tháng để tìm thấy chiếc vòng đó.”

Benaiah trả lời: “Nếu có một thứ gì đó tồn tại trên đời này, thưa đức vua, tôi sẽ tìm thấy nó và mang về cho ngài, nhưng chiếc vòng ấy chắc phải có gì đặc biệt?”

Nhà vua đáp: “Nó có những sức mạnh diệu kì. Nếu kẻ nào đang vui nhìn vào nó, sẽ thấy buồn, và nếu ai đang buồn, nhìn vào nó sẽ thấy vui”. Vua Salomon biết rằng sẽ không đời nào có một chiếc vòng như thế tồn tại trên thế gian này, nhưng ông muốn cho người cận thần của mình nếm một chút bẽ bàng.

Mùa xuân trôi qua, mùa hạ đến nhưng Benaiah vẫn chưa có một ý tưởng nào để tìm ra một chiếc vòng như thế.

Vào đêm trước ngày lễ Sukkot, ông quyết định lang thang đến một trong những nơi nghèo nhất của Jerusalem. Ông đi ngang qua một người bán hàng rong đang bày những món hàng trên một tấm bạt tồi tàn. Benaiah dừng chân lại hỏi: “Có bao giờ ông nghe nói về một chiếc vòng kì diệu làm cho người hạnh phúc đeo nó quên đi niềm vui sướng và người đau khổ đeo nó quên đi nỗi buồn không?”. Người bán hàng lấy từ tấm bạt lên một chiếc vòng giản dị có khắc một dòng chữ. Khi Benaiah đọc dòng chữ trên chiếc vòng đó, khuôn mặt ông rạng rỡ một nụ cười.

Đêm đó, toàn thành phố hân hoan, tung bừng đón mừng lễ hội Sukkot.

“Nào, ông bạn của ta”, vua Salomon nói, “ông đã tìm thấy thứ ta yêu cầu chưa?”. Tất cả những cận thần đều cười lớn và cả chính vua Salomon cũng cười.

Trước sự ngạc nhiên của mọi người, Benaiah đưa chiếc vòng ra và nói: “Nó đây, thưa đức vua”. Khi vua Salomon đọc dòng chữ, nụ cười biến mất trên khuôn mặt vua. Trên chiếc vòng đó khắc dòng chữ: “Điều đó rồi cũng qua đi”.

Vào chính giây phút ấy, vua Salomon nhận ra rằng tất cả những sự khôn ngoan, vương giả và quyền uy của ông đều là phù du, bởi vì một ngày nào đó, ông cũng chỉ là cát bụi.

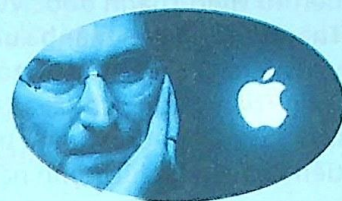
(Theo kienthuc.net.vn)

Văn bản 3: Câu chuyện khởi nghiệp của Steve Jobs

Trong một bài nói chuyện với sinh viên tại buổi lễ trao bằng tốt nghiệp ở Đại học Stanford vào tháng 6 năm 2005, Steve Jobs, người sáng lập Công ty Apple, đã chia sẻ với các bạn trẻ nhiều câu chuyện thú vị của chính cuộc đời ông. Steve cho biết, ông đã phải rời ghế nhà trường chỉ sau 6 tháng theo học trường Reed College, lí do đơn giản là vì cha mẹ nuôi của ông không có đủ tiền. Họ đã chi ra tất cả những khoản tiền tiết kiệm, nhưng cũng chỉ đủ để đóng học phí cho ông mà thôi.

Steve sống với cha mẹ nuôi từ nhỏ, vì người mẹ ruột đã trao ông cho cha mẹ nuôi từ khi ông còn rất bé. Bà đã đặt điều kiện là những người nhận ông làm con nuôi phải nuôi ông theo học đại học. Thế nên, việc Steve phải bỏ học dường như là mất mát lớn cho cuộc đời ông và đi ngược với tâm nguyện của mẹ. Nhưng rồi trong bài nói chuyện của mình, Steve đã cho biết chính việc bỏ học đã giúp ông có thời gian quay sang theo học các lớp viết chữ đẹp (calligraphy).

Điều bất ngờ là chính việc này về sau đã giúp ông sáng tạo ra những máy tính cá nhân Macintosh với đặc điểm mang tính nghệ thuật cao, với rất nhiều font chữ đẹp, khác biệt hẳn với các máy tính Windows của Microsoft. Hơn thế nữa, các font chữ rất đẹp do ông và đồng nghiệp của mình tạo ra ở Apple về sau cũng được Windows sử dụng, và nhờ đó mà cả nhân loại đều được tận hưởng tính nghệ thuật của chúng. Cái mất ngày xưa của ông, khi nhìn lại đã trở thành một cái được lớn lao, không chỉ cho riêng ông mà còn là cho nhiều người khác. Sau khi bỏ học một thời gian, Steve bắt đầu sáng lập công ty Apple từ năm 20 tuổi với tổng số nhân viên là hai người, và trụ sở công ty là cái garage nhỏ bé của nhà cha mẹ nuôi. Sau 10 năm làm việc chăm chỉ và sáng tạo, ông đã phát triển Apple từ cơ sở nhỏ bé đó thành một công ty trị giá 2 tỉ Mỹ kim với 4.000 nhân viên! Và chính vào thời điểm tưởng như cực kì vinh quang đó, ông phải gánh chịu một mất mát hết sức nặng nề: Ông bị sa thải khỏi công ty Apple do bất đồng quan điểm với người điều hành do chính ông tuyển dụng. Hội đồng quản trị của công ty đã ủng hộ người ấy và Steve Jobs phải ra đi khỏi Apple. Có vẻ như ai cũng phải thừa nhận rằng đây là một sự mất mát,





NGŨ LIỆU ĐỌC HIỂU

một thất bại lớn lao cho sự nghiệp của ông. Thế nhưng, trong bài nói chuyện của mình, Steve đã cho biết, chính việc bị sa thải khỏi Apple hoá ra lại là sự kiện tốt đẹp nhất trong cuộc đời ông. Nghe có vẻ như hoàn toàn vô lí, nhưng chính Steve đã cho ta biết những diễn tiến của sự việc. Thay vì rơi vào chỗ sắp ngủ yên trên đỉnh thành công, óc sáng tạo trong ông đã buộc phải thức tỉnh sau cú sốc của sự sa thải. Trong vòng 5 năm sau đó, ông thành lập hai công ty mới: NeXT và Pixar. Công ty Pixar sáng tạo những bộ phim hoạt hình máy tính đầu tiên và dần dần phát triển thành xưởng phim hoạt hình thành công nhất trên thế giới. Công ty NeXT thì sau đó được Apple mua lại, và do đó mà Steve đã quay về với Apple. Chính những kĩ thuật mà ông sáng tạo cho NeXT đã trở thành điều kiện cần thiết giúp Apple phục hồi và phát triển trong thời kì này. Cho đến nay, hàng loạt những tiện ích trong thế giới di động mà chúng ta có được như iPod touch, iPhone, iPad... đều là sự đóng góp của Apple. Công ty này chiếm một thị phần rất lớn trên toàn thế giới.

(Theo Minh Nguyễn, *Cho là nhận*, NXB Văn hoá – Thông tin, tr.21)

CHIẾU CẦU HIỀN (*Cầu hiền chiếu*)

* Phiếu học tập số 4:

Văn bản 1: Tô Hiến Thành – vì nước tiến cử người hiền, không vì ơn riêng

Tô Hiến Thành sinh ngày 22 tháng Giêng (không rõ năm sinh) và mất năm 1179, phục vụ dưới hai đời vua Lý, Anh Tông và Cao Tông.

Tô Hiến Thành sinh ra tại Hạ Mỗ (nay là xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội). Bố Tô Hiến Thành là Tô Trung, mẹ là Nguyễn Thị Đoan, đều là người hiền lành, tử tế, được bà con chòm xóm rất mực ngợi khen.

Ngày bé, Tô Hiến Thành được cha mẹ cho theo học cả văn lẫn võ. Lớn lên, ông trở thành người văn võ toàn tài. Tô Hiến Thành nổi tiếng tài năng tới mức vua Lý Anh Tông cũng biết tên, được đích thân vua cho vời vào cung làm việc. Năm 1138, nhân dịp có khoa thi, Tô Hiến Thành xin vua đi thi và đỗ đạt cao. Là người có thực tài, lại ngay thẳng, không luy tiền tài, danh vọng nên Tô Hiến Thành được vua Lý Anh Tông rất mực tin yêu và trọng dụng. Ở vị trí nào, Tô Hiến Thành cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được nhà vua uỷ thác, nên nhà vua càng thêm phần yêu mến, phong cho ông tới chức Thái phó. Những mẩu chuyện kể về đức độ và tài năng của Tô Hiến Thành trong chính sử và trong dân gian có rất nhiều, nhưng nổi tiếng nhất là hai chuyện, một là chuyện ông quyết một lòng trung trinh phò ấu chúa, hai là chuyện ông không vị thân tiến cử hiền tài lúc bệnh nặng.

Về chuyện thứ nhất, khi vua Lý Anh Tông lâm bệnh nặng, biết mình khó qua khỏi đã gọi ông vào dặn dò giao phó việc phò giúp Thái tử Long Cán, khi ấy còn quá nhỏ tuổi, lên ngôi báu. Trước đó, vua Lý Anh Tông lập người con lớn là Long Xưởng làm Thái tử. Nhưng do Long Xưởng ăn ở vô đạo, vào cung thông dâm với phi tần của vua cha, nên bị vua cha truất ngôi Thái tử, con thứ là Long Cán được cho làm Thái tử. Khi Lý Anh Tông băng hà, mẹ Long Xưởng là Chiêu Linh Thái hậu bèn đem vàng bạc đút lót cho vợ của Tô Hiến Thành để mong Tô Hiến Thành giả di chiếu, phế Long Cán và tái lập Long Xưởng lên ngôi báu. Tô Hiến Thành biết chuyện, bèn khảng khái nói:

– Ta là đại thần, nhận mệnh tiên tổ lo giúp vua còn bé. Nay lại ăn của đút mà làm chuyện phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên Đế ở dưới suối vàng?

Biết chuyện, Thái hậu lại cho gọi ông vào cung để dỗ dành, thuyết phục, nhưng Tô Hiến Thành kiên quyết không nghe theo:

– Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ há chịu? Huống chi, lời Tiên Đế còn vang vọng bên tai. Thái hậu lại chẳng nghe việc của Y Doãn, Hoắc Quan hay sao? Thần không dám vâng lệnh!

Cuối cùng, Long Cán vẫn được lập lên ngôi thiên tử theo đúng di mệnh của Lý Anh Tông. Đó là vua Lý Cao Tông, lên ngôi khi mới được 3 tuổi ta (tính như bây giờ là mới được 2 tuổi). Tô Hiến Thành giữ quyền phụ chính Thái sư, hết lòng hết sức phò giúp ấu chúa nên trong ngoài đều yên ả.



Không may, năm Cao Tông lên 7 tuổi ta, Tô Hiến Thành lâm bệnh nặng. Bấy giờ, trong triều có khi tới thăm hỏi ông được. Một vị quan khác là Tham tri chính sự Vũ Tán Đường thì ngày đêm túc trực, phụng dưỡng cơm nước, thuốc thang cho ông. Đây là đầu mối của câu chuyện thứ hai.

Lựa rằng Tô Hiến Thành khó bề qua khỏi, Đỗ Thái hậu (mẹ vua Lý Cao Tông) bèn tới thăm, hỏi ông chuyện người có thể thay thế ông cầm cương, giữ lái chuyện triều chính:

– Nếu có mệnh hệ nào thì ai là người có thể thay thế ông được?

Tô Hiến Thành không cần suy nghĩ, đáp luôn:

– Người thay thế thần chỉ có thể là Trần Trung Tá!

Thái hậu ngạc nhiên, hỏi:

– Tán Đường ngày ngày hầu hạ, thuốc thang cho ông, sao ông không tiến cử? Trần Trung Tá luôn thờ ơ với ông, sao ông lại ưa chuộng làm vậy?

Tô Hiến Thành nói rành rẽ:

– Nếu Thái hậu hỏi người lo việc đại sự quốc gia, thần cử Trần Trung Tá. Nếu cần người phục dịch cơm nước, thuốc thang, thì ngoài Vũ Tán Đường, chẳng còn ai hơn được!

Thái hậu hết lời ngợi khen Tô Hiến Thành vì tấm lòng cương trực, không lụy tình riêng mà quên việc đại sự.

Do bệnh nặng, Tô Hiến Thành không qua khỏi, mất nhằm ngày 12 tháng 6 năm Kỷ Hợi (1179). Nghe tin ông mất, Lý Cao Tông bãi triều bảy ngày, ăn chay 3 ngày để tỏ lòng tiếc thương với ông.

Tiếc rằng, sau này, Đỗ Thái hậu không nghe theo lời ông mà lấy em trai mình là Đỗ An Di thay Tô Hiến Thành giữ quyền phụ chính. Do bất tài, kém đức, Đỗ An Di đã làm hư hỏng Lý Cao Tông, đưa Cao Tông vào con đường trở thành vị vua tầm tối, tạo mầm mống phá vỡ cơ đồ nhà Lý.

Bình về việc này, sử thần Ngô Sĩ Liên viết: “Tô Hiến Thành nhận việc kí thác con cô, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi biến cố, tuy bị gió lay sóng đập nhưng vẫn đứng vững như cột đá giữa dòng, khiến trên yên dưới thuận, không thẹn với phong độ của đại thần đời xưa. Hướng chỉ cho tới lúc sắp chết còn vì nước tiến cử người hiền, không vì ơn riêng, Thái hậu không dùng lời nói của Hiến Thành là việc không may cho nhà Lý vậy”.

(Theo Trung tâm bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội, Nguồn: hoangthanhthanglong.vn)

Văn bản 2: Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa, nhà khoa học dân thân

Hoài bão tuổi trẻ

Quê nội của ông ở Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhưng ông sinh ra tại quê ngoại, ấp 6, xã Xuân Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, tuổi thơ Phạm Quang Lễ (tên khai sinh của Giáo sư Trần Đại Nghĩa) gắn chặt với dòng sông Măng Thít hiền hoà thơ mộng, hai bờ bát ngát dừa và cây trái. [...] Nhớ đến cha là trái tim ông thắt lại bởi khi còn là cậu bé lên tám tuổi, ông đã phải chứng kiến giờ phút lâm chung của người cha thân yêu. Cha ông đã trăng trối với ông: “Con phải gắng học để trở thành người hữu ích, sau này giúp đỡ người nghèo khổ!”.

Nhờ nhà báo Vương Quang Ngươu (1897 – 1938), một Việt kiều từ Pháp về, làm việc tại Toà bố chính Mĩ Tho, là một trí thức yêu nước vận động Hội Ái hữu Trường Chasseloup Laubat (nay là Trường THPT Lê Quý Đôn – Thành phố Hồ Chí Minh), ông đã được cấp một năm học bổng để lên tàu sang Pháp, theo học một lớp dự bị, sửa soạn thi vào đại học. Ông tự hứa sẽ làm tròn tâm nguyện của cha và đền đáp công lao của mẹ. Mong muốn của Phạm Quang Lễ là ngoài việc học về kĩ thuật dân dụng còn tìm cách học cho kì được kĩ thuật chế tạo vũ khí để giúp nước nhà đánh đuổi giặc Pháp. Ông tự nhủ đó là nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc. [...] Trong hàng nghìn người Việt Nam sang Pháp du học, có lẽ chỉ duy nhất Phạm Quang Lễ có quyết tâm nghiên cứu về vũ khí. Song đây là lĩnh vực bí mật và cấm tuyệt đối người dân thuộc địa. Chỉ cần để lộ ra ý định này, ông sẽ bị trục xuất ngay khỏi nước Pháp. Vì vậy trong 11 năm ở Pháp, ông chỉ có thể tự mò mẫm và bí mật học hỏi, sưu tầm tài liệu về các loại vũ khí. Muốn đi



vào lĩnh vực này cần phải giỏi về khoa học cơ bản, Toán học, Cơ học, Hoá học và Kỹ thuật. Vì vậy, Phạm Quang Lễ đã thi lấy bằng cử nhân khoa học ở Trường Đại học Sorbonne, bằng kỹ sư cầu đường ở Trường Cầu cống quốc gia, bằng kỹ sư điện tại Trường Đại học Điện và bằng kỹ sư hàng không tại Học viện Kỹ thuật hàng không, đồng thời thi lấy chứng chỉ ở Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Mỏ. Ngoài ra, ông còn tự học tiếng Đức để đọc các tài liệu của Đức từ nguyên bản.

Người trí thức dẫn thân

Ngày 22/6/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Paris. Đứng trong đoàn đại biểu Việt kiều ra đón thượng khách của Chính phủ Pháp tại sân bay, Phạm Quang Lễ ngạc nhiên thấy vị Chủ tịch nước ăn mặc rất giản dị với nét mặt hiền từ, vui vẻ, khiêm tốn và đôi mắt rất sáng. Qua bác sĩ Hoàng Xuân Mãn (em ruột Giáo sư Hoàng Xuân Hãn), Chủ tịch Hội Việt kiều ở Pháp, chỉ ba ngày sau khi Hồ Chủ tịch đến Paris, kỹ sư Phạm Quang Lễ được tiếp kiến Người.

Những ngày Bác ở trên đất Pháp và trên đường về nước, ông được thường xuyên đi theo Bác. Chính điều này đã có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời cách mạng của ông. Một lần, Bác hỏi Phạm Quang Lễ: "Nguyên vọng của chú lúc này là gì?". Ông trả lời ngay điều đã ôm ấp từ buổi đầu xuất ngoại: "Dạ thưa, nguyên vọng cao nhất là được trở về Tổ quốc cống hiến hết năng lực và tinh thần".

Ngày 08/9/1946, Hồ Chủ tịch cho kỹ sư Phạm Quang Lễ biết là Hội nghị Fontainebleau không thành công. Người nói: "Bác về nước, chú chuẩn bị về cùng Bác, hai ngày nữa ta lên đường". Bấy giờ sáng một ngày trung tuần tháng 9/1946, xe lửa đến ga Lyon rồi tạm nghỉ. Hồ Chủ tịch hỏi kỹ sư Phạm Quang Lễ:

– Đời sống ở trong nước còn đang rất khó khăn, chú về nước có chịu nổi không?

Phạm Quang Lễ trả lời:

– Thưa, tôi chịu nổi.

– Ở trong nước không có kỹ sư, công nhân về vũ khí, máy móc thiếu, liệu chú có làm việc được không?

– Thưa, tôi tin là làm được vì tôi đã chuẩn bị mười một năm ở bên Pháp.

Xa Tổ quốc mười một năm, về đến Hà Nội chỉ được nghỉ có bảy ngày, kỹ sư Phạm Quang Lễ phải lên ngay xưởng quân giới Giang Tiên ở Thái Nguyên nghiên cứu chế tạo súng chống xe tăng, dựa theo mẫu súng Bazooka của Mỹ với hai viên đạn dự trữ do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu cung cấp. Công việc mới bắt đầu được ít ngày thì ông nhận được điện của Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu gọi về Hà Nội gấp để gặp Hồ Chủ tịch.

Ngày 05/12/1946, Hồ Chủ tịch cho mời kỹ sư Phạm Quang Lễ đến Bắc Bộ Phủ (nay là Nhà khách Chính phủ, 12 Ngô Quyền). Bác thân mật nói: "Kháng chiến sắp đến nơi rồi, hôm nay tôi gọi chú đến để trao cho chú nhiệm vụ làm Cục trưởng Cục Quân giới. Chú lo vũ khí cho bộ đội diệt giặc".

Bác nói tiếp: "Việc của chú là việc đại nghĩa, vì thế kể từ nay, Bác đặt tên cho chú là Trần Đại Nghĩa. Dùng bí danh này để giữ bí mật cho chú và để bảo vệ cho gia đình, bà con chú còn ở trong Nam". Bác giải thích rất dí dỏm: "Một là họ Trần, không có họ với Bác, đây là họ của Trần Hưng Đạo. Hai là, Đại Nghĩa là nghĩa lớn để chú nhớ đến nhiệm vụ của mình với nhân dân, với đất nước. Đại Nghĩa còn là chữ của Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô đại cáo*: "Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, dĩ chí nhân nhi địch cường bạo". Chú có ưng bí danh đó không?".

Cống hiến hết mình cho Tổ quốc

Bà Nguyễn Thị Quang, cán bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh, con dâu trưởng của Viện sĩ Trần Đại Nghĩa kể cho tôi nghe những kỷ niệm về cha mình: "[...] Còn về nghiên cứu khoa học thì ba tôi vẫn thường hay kể với các con cháu: Bác Hồ không chỉ tin cậy trao nhiệm vụ làm Cục trưởng Cục Quân giới mà còn tạo điều kiện tối đa để ba tôi say sưa làm việc. Bác cho phép ba tôi được gặp bất cứ lúc nào và có toàn quyền hành động trong việc chế tạo vũ khí, không phải thông qua bất kỳ cấp lãnh đạo nào. Đây là một sự ưu ái rất nhiều ý nghĩa.



Sau này, ba tôi trải qua nhiều chức vụ quản lý và lãnh đạo: Cục trưởng Cục pháo binh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết Cơ bản Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Công thương, Chủ tịch đầu tiên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hiệu trưởng đầu tiên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại biểu Quốc hội khóa II, III... Đây là những điều giúp ông làm việc rất thuận lợi. Có gặp điều gì khó khăn hay có vấn đề gì cần đề xuất là ba tôi được gặp trực tiếp Bác Hồ để xin ý kiến chỉ đạo nên giải quyết công việc rất kịp thời.

Ngay những ngày trước lúc qua đời, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa vẫn nhắc lại: "Tôi nhớ mãi mãi Bác Hồ kính yêu, vô cùng biết ơn Bác cho theo về nước, Bác luôn luôn chăm sóc và hướng dẫn tôi và trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, đã cho tôi các cương vị để có thể hoàn thành nhiệm vụ của đời tôi một cách có hiệu quả nhất và cái tên mà Bác đã đặt cho tôi cũng luôn luôn nhắc nhở tôi.

Hàng năm cứ đến các ngày 10/9 (1946, rời Paris về nước), 20/10 (1946, về đến Tổ quốc) và 05/12 (1946, Bác trao nhiệm vụ Cục trưởng Cục Quân giới và đặt bí danh Trần Đại Nghĩa) lại làm cho tôi nhớ lại quá khứ một cách rất cảm động. Đó là những kỉ niệm lịch sử trong cuộc đời của tôi, càng nghĩ tôi càng cảm động, càng thấm thía công ơn của Bác, lòng thương yêu của Bác đã dành cho tôi. Bác luôn luôn là hình ảnh thiêng liêng nhưng rất gần gũi với tôi. Trong tâm khảm tôi, một bên là ba má và chị tôi, còn một bên là Bác Hồ.

Sau khi ông mất (09/8/1997), tên của Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa đã được đặt cho ba con đường ở ba thành phố lớn nhất cả nước là Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng... Nhớ ông, người ta nhớ đến một hoài bão lớn, một tình yêu lớn và một niềm tin vô hạn đối với Đảng, đối với Bác Hồ và nhân dân.

(Hong Thái – Kiều Khải, Nguồn: *cand.com*)

Văn bản 3: Du học sinh – về hay ở?

"Những người đã lớn lên và đi khỏi nơi đây, hầu như là không trở về nữa".

Đó là lời của chị bán cơm lam, trứng nướng ở ngôi nhà nhỏ trong một ngõ nhỏ, nói tôi nghe trong những ngày hè ở Tam Đảo. Tôi nghe chị nói mà thấy nao lòng.

Rồi bất chợt tôi ngẫm lại bản thân, nhớ đến những người mình quen và biết. Họ cũng rời ngôi nhà nhỏ của tuổi thơ êm đềm đến bình dị cùng cha và mẹ, bay đi khắp phương trời tìm chỗ trú chân. Nào có mấy ai quay về, hay là chỉ đôi lần thăm nom, rồi ở trọ, và những chú chim đã từng nhỏ lại tiếp tục sống cuộc đời tự do bay đi bốn phương tám hướng.

Những ngày qua, thông tin về những du học sinh Việt Nam ra đi không trở về đã khiến nhiều người đặt ra câu hỏi: Tại sao đất nước không giữ chân được người tài? Thật khó để đưa ra câu trả lời duy nhất đúng.

Tôi thấy nên nhìn đơn giản lại. Ai trong chúng ta cũng đi khỏi tổ ấm của mình, có khác là chúng ta đi bao xa. Du học tới một đất nước khác về mặt nào đó cũng giống như hàng trăm nghìn sinh viên tình lẻ đổ về thành phố học mỗi năm. Dường như ai ra đi cũng mang theo một khát vọng gì đó bên mình. Và đó là lí do họ đập cánh, họ không ngừng hướng về phía trước, họ bơi ra biển lớn, ra bầu trời rộng.

Những người tới thủ đô, tới thành phố, họ cũng thường không quay trở về sống ở mái nhà cũ, họ từng lớn lên. Đất chật, người đông, bầu trời hẹp, không khí bụi bặm, thực phẩm không an toàn, lòng người lạnh nhạt... đủ lí do để phản bác cho việc ở lại thành phố làm việc nhưng họ gạt đi tất cả, bởi hai chữ cơ hội.

Có những môi trường, họ có cơ hội việc làm tốt hơn, cơ hội giáo dục cho con cái tốt hơn, cơ hội quen những người bạn lớn, và trao đổi những điều lớn lao hơn, cuộc sống sẽ có ý nghĩa hơn. Tôi cũng sẽ định cư tại Hà Nội chứ chưa hề có ý nghĩ sẽ trở về quê hương. Bởi tôi tin rằng, một nơi không có nhiều cơ hội sẽ làm cuộc sống của tôi trở nên mất đi nhiều ý nghĩa khi không được cống hiến.



NGŨ LIỆU ĐỌC HIỂU

Thay vì đi vào bế tắc bởi những thứ quá lớn lao như chính sách trọng dụng nhân tài, chảy máu chất xám, đề xuất điều chỉnh bộ máy hành chính để người tài thực sự muốn về đóng góp... sao không nghĩ đơn giản hơn, rằng cũng đã có bao nhiêu người trẻ xuất chúng đi học ở thành phố trở về quê hương lập nghiệp? Và hãy rộng lượng hơn kể cả với những người muốn về hay ở. Thế giới đã bước vào thời đại của công dân toàn cầu. Những người trẻ năng động, sống để cống hiến luôn muốn xê dịch và chuyển động. Họ muốn đến những vùng đất mới, muốn đến những chân trời mới, làm những điều mới, sống cuộc sống tự do. Du học sinh trở về sẽ cống hiến cho đất nước, du học sinh không về sẽ cống hiến cho nhân loại. Chỉ cần mỗi người đều tiến về phía trước, về hay ở đâu còn là chuyện quá quan trọng để hoang mang.

Đã mấy tháng trôi qua, tôi vẫn bị câu nói của chị bán trứng nướng ám ảnh. Những nơi vốn từng là nhà, và sau này chúng ta gọi nó là quê, đó là một khoảng lặng nấc lên không nhiều người để ý. Một khoảng lặng trống vắng, là cảm giác của tôi đôi khi thấy nao lòng khi trở về nhà, hay là quê, rồi sau đó lên phòng, mẹ vẫn dọn phòng tôi sạch sẽ...

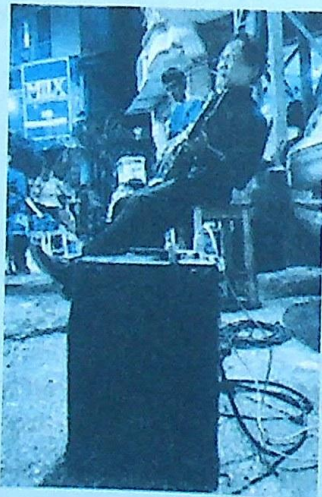
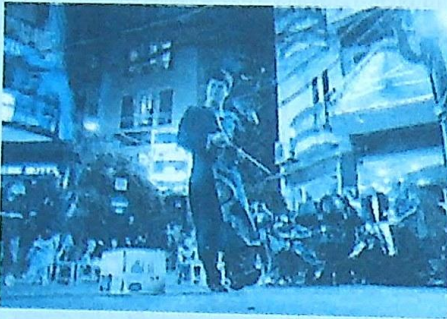
Mẹ chờ tôi về. Những người mẹ chờ những đứa con trở về, để rồi nhìn chúng ra đi.

(Hạ Hồng Việt, Nguồn: vnexpress.net)

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

* Phiếu học tập số 7

"Văn bản" 1:



Vỗ tay. Nhịp chân. Say sưa lắng nghe tiếng nhạc.
Nghệ sĩ thăng hoa. Công chúng nhiệt thành.
Chúng ta thật đồng điệu!

(Nguồn hình ảnh: suckhoedoisong.vn)



Văn bản 2: Dân vũ – trào lưu mới của giới trẻ

Dân vũ là một loại hình nghệ thuật mới du nhập vào Việt Nam vài năm gần đây nhưng đã thực sự trở thành một trào lưu văn hoá cuốn hút sự tham gia của rất nhiều bạn trẻ. Theo tìm hiểu, dân vũ là các loại điệu nhảy dân gian, hoặc nhảy dựa trên nền nhạc dân gian. Chính vì vậy mà mỗi điệu nhảy lại mang màu sắc văn hoá đặc trưng của mỗi dân tộc. Đặc điểm nổi bật của dân vũ là đơn giản, dễ nhớ, dễ tập, động tác đồng đều, khoẻ khoắn và có thể biểu diễn ở mọi lúc, mọi nơi.

Dân vũ không bắt buộc phải trình diễn trên sân khấu, trái lại, mọi người có thể nhảy dân vũ ở sân trường, công viên, sân vận động, bãi biển hay đơn giản chỉ ở một bãi đất rộng. Do vậy, hoạt động này thường được sử dụng phổ biến trong các buổi sinh hoạt tập thể, gặp mặt bạn bè, dã ngoại.... Không chỉ mang tính cộng đồng cao, dân vũ còn tạo nên sự gắn gũi, thân thiện và có sức lan toả rộng từ quốc gia này sang quốc gia khác, từ mọi lứa tuổi đến mọi ngành nghề ai cũng có thể tham gia. Loại hình nghệ thuật này có thể giúp một người xa lạ dễ dàng hoà nhập với đám đông.

Nếu hip hop và nhảy hiện đại là những động tác mà bạn phải tập vài giờ, vài ngày thậm chí có những chiêu thức phải tập cả tháng thì với dân vũ, chỉ cần quan sát thật kĩ những người khác làm một vài lần sẽ có thể dễ dàng nhảy theo được. Ở những thành phố lớn như: Sài Gòn, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, các tỉnh duyên viên Mùa hè xanh hay những bạn tham gia Học kì trong quân đội không còn xa lạ gì với các điệu Chu chu wa (Tây Ban Nha), Rasa sayang (Malaysia), Con nòng nọc (Hàn Quốc), Té nước (Thái Lan)...

Việt Nam cũng từng đưa một số bài dân vũ đi biểu diễn ở nước ngoài và nhận được sự hưởng ứng rất nồng nhiệt từ các bạn trẻ ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tiêu biểu đó là bài Uy vũ, trên nền nhạc trống, cồng, chiêng hào hùng là những động tác dứt khoát, nhịp nhàng, mạnh mẽ mô tả công việc gieo mạ, cấy lúa, cấy mưa, thể hiện sức mạnh trong lao động và khát khao mùa màng bội thu của người nông dân Việt Nam.

Để đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động Đoàn – Đội, Ban thường vụ Tỉnh đoàn Hà Tĩnh đã quyết định triển khai tập luyện dân vũ trong tất cả trường học trong toàn tỉnh. Mặc dù đây là một hoạt động khá mới mẻ nhưng khi bắt đầu đã được các đoàn viên thanh niên hào hứng đón nhận. Đến nay, việc tập luyện dân vũ đã được tiến hành tại nhiều nhà trường, dân vũ thường xuyên được biểu diễn trong các buổi sinh hoạt ngoại khoá và dần thay thế các màn ca múa hát sân trường, thể dục giữa giờ.

Em Trần Thị Nga, lớp 11B1, Trường THPT Lê Quý Đôn cho biết: "Lúc đầu mới tiếp xúc với dân vũ, bọn em thấy rất ngỡ ngàng. Nhưng dần dần những động tác dân vũ đơn giản và sôi động đã tạo sức cuốn hút mọi người. Sau những giờ học căng thẳng, được nhảy dân vũ, em như thấy xua tan mọi mệt mỏi và tâm hồn thư thái hơn".

Là người từng hướng dẫn tập luyện dân vũ, chị Nguyễn Ny Hương – Ban Thường học Tỉnh đoàn chia sẻ: "Dân vũ là một hoạt động tập thể lành mạnh và mang tính văn hoá, mặc dù còn những khó khăn bước đầu nhưng tôi tin rằng, đây sẽ là một sân chơi giúp các bạn học sinh rèn luyện sức khoẻ, tránh xa các tệ nạn xã hội và góp phần giáo dục đạo đức, lối sống cho đoàn viên thanh niên".

Để hiểu thêm về vấn đề đưa dân vũ vào trường học, tôi gặp Phó Bí thư Thường trực Tỉnh đoàn Hà Tĩnh Phan Thị Tố Hoa và được chị cho biết: "Với những lợi ích mà dân vũ đem lại, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn quyết tâm phát triển thành một phong trào sâu rộng trong đoàn viên thanh niên. Và để làm được điều đó, chúng tôi đã tổ chức các lớp tập huấn dân vũ cho Tổng phụ trách Đội và cán bộ Đoàn trong trường học. Tiến tới sẽ tổ chức đồng diễn trong dịp kỉ niệm 81 năm thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cuộc thi về dân vũ trong năm 2012 này".

(Thế Công, Nguồn: baohatinh.vn)



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH (Trích *Thượng kinh ký sự*)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1 giúp HS động não để huy động tri thức nền về đời sống cần thiết cho việc đọc văn bản. HS chỉ cần ghi vắn tắt (có thể sử dụng kí hiệu) những phẩm chất mà mình nghĩ người làm nghề y cần phải có. Trên cơ sở đó, HS chia sẻ với các bạn về điều mình nghĩ.

Mục 2: Từ khoá là "Thầy thuốc như mẹ hiền". HS đọc Tiểu dẫn và Văn bản, trả lời theo các gợi ý của từng câu là có thể hoàn thành ô chữ. Từ ô chữ đã hoàn thành, HS có thể giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước lớp.

* Phiếu học tập số 2

Đọc văn bản, gạch chân vào các từ ngữ, chi tiết miêu tả theo từng nội dung, sau đó ghi vắn tắt vào các mục 1, 2, 3, 4. Ví dụ mục 1 có thể liệt kê các từ ngữ, chi tiết sau: *Thánh chỉ, Thánh thượng, Thánh thể,...* Có thể liệt kê cụ thể số lần sử dụng trong văn bản. Các mục 1, 2, 3, 4 là căn cứ để trình bày cảm nhận về phủ chúa Trịnh. Ví dụ có thể có một số cảm nhận như: *Phủ chúa rất nhiều cửa, rất nhiều người, rất giàu sang, xa hoa. Màu sắc chủ đạo là màu đỏ, vàng, rực rỡ đua nhau lấp lánh. Cuộc sống trong phủ chúa là cuộc sống hưởng lạc của vua chúa với cung tần mỹ nữ. Không khí trong phủ chúa ngọt ngào, tù đọng, như chỉ thấy hơi người, hơi phấn sáp, đèn nến, "hương hoa ngào ngạt". Phủ chúa là chốn quyền uy tối thượng, như lấn át cả cung vua,...*

* Phiếu học tập số 3

Hãy hình dung các nhân vật giao tiếp bước ra từ mỗi văn bản và ngồi xung quanh một chiếc bàn, vấn đề trao đổi được đặt ở trung tâm, đó là: *Y đức của người thầy thuốc*. Căn cứ vào nội dung văn bản có nhân vật để xác định xem nhân vật sẽ nói gì về vấn đề này. Cũng có thể hình dung nét mặt, thái độ, cử chỉ, ngôn ngữ của các nhân vật khi giao tiếp với nhau – người thuộc bậc tiền nhân và người thuộc lớp hậu sinh – để lựa chọn ngôn từ, cách xưng hô cho phù hợp, người nọ tiếp lời, nối ý của người kia như một cuộc giao tiếp ngoài đời sống. Ví dụ, tác giả Lê Hữu Trác trong văn bản *Vào phủ chúa Trịnh* có thể nói: "Thưa các vị, với tôi, y đức là điều người thầy thuốc luôn luôn phải đặt lên hàng đầu. Các vị biết đấy, khi bắt mạch cho thể tử Cán, tôi đã có lúc băn khoăn cân nhắc. Nếu chữa khỏi thì sẽ bị lợi danh ràng buộc, không thể "về núi". Tôi đã nghĩ đến "phương thuốc hoà hoãn", chữa bệnh cầm chừng, vô thưởng vô phạt. Nhưng y đức, trách nhiệm, lương tâm, tấm lòng đối với ông cha và phẩm chất trung thực của người thầy thuốc đã lên tiếng trong tôi. Tôi đã quyết định kê đơn đúng với việc bắt mạch và lập luận của bản thân mình. Tôi nghĩ các vị đây cũng rất chia sẻ với tôi về điều đó phải không?". Vị bác sĩ bước ra từ "văn bản" số 4 trong cuộc trò chuyện này có thể "nói" theo giọng của một người cơ hội, bao biện cho hành động của mình, ví dụ: "Y đức đương nhiên là điều người làm nghề y nào cũng thường trực trong suy nghĩ và hành động của bản thân mình rồi. Tôi hoàn toàn nhất trí với các vị ở đây. Tôi chữa bệnh theo lương tâm và trách nhiệm, không bao giờ đòi hỏi hay hạch sách bệnh nhân. Nhưng bệnh nhân hiểu công lao, sức lực của tôi, họ "bồi dưỡng" tí chút, họ cảm ơn, thì tôi nghĩ mình nhận là nhận tấm lòng của họ thôi, kể gì vật chất! Mình không nhận, bệnh nhân lại lo lắng, ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình điều trị thì sao?"... Lắng nghe cuộc trò chuyện đó, HS cần bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ, thái độ của bản thân mình: "Tôi thấy yêu quý, trân trọng các bậc tiền nhân và các bác sĩ đương thời đã hết lòng vì người bệnh. Tôi không đồng tình với cách bao biện để che giấu sự giả dối, thiếu y đức của vị bác sĩ trong "văn bản" số 4. Tôi nghĩ bên cạnh việc tuyên truyền, nhắc nhở, ngành y cũng cần có những biện pháp quyết liệt để làm trong sạch đội ngũ của mình cho xứng đáng với danh vị *Lương y như từ mẫu*"... Tóm lại, đây là một dạng hoạt động mở, kích hoạt tư duy đối thoại, phản biện, sáng tạo, có thể có nhiều phương án trả lời miễn là lí giải thấu đáo, hợp lí.

Tuy vậy, trong phiếu học tập, HS chỉ cần ghi các ý chính dự định trả lời, một vài "minh chứng" rút ra từ văn bản chứ không cần viết thành văn. Hoàn thành hoạt động này là cơ sở để GV tổ chức đối thoại trên lớp học, HS sẽ được vào vai và dựa trên ý chính trong phiếu học tập, HS nhập vai để trình bày quan điểm, suy nghĩ của mình, kết hợp sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ như cử chỉ, nét mặt, ánh mắt, điệu bộ để đối thoại với các "nhân vật" khác.

Hoạt động trong phiếu học tập số 3 cũng giúp HS mở rộng phạm vi đọc ra các văn bản thuộc các phương thức biểu đạt khác, các dạng thức tồn tại khác, bao gồm cả văn bản đa phương thức



(tranh, ảnh, clip,...) có cùng chủ đề, tạo điều kiện để đọc “xuyên chủ đề”. Trong số các nhân vật giao tiếp sẽ có những nhân vật đương đại, hoặc chính bản thân HS là “người đương thời” cất tiếng nói mang suy nghĩ, quan điểm gắn với những gì cập nhật của đời sống. Vì vậy, hoạt động này sẽ giúp HS nối văn chương với đời sống, nhận ra giá trị của những thông điệp nhân văn trong tác phẩm văn học hiện hữu ngay ở “cuộc sống quanh ta”.

TỰ TÌNH (Bài II)

* Phiếu học tập số 1

Mục 2 huy động những hiểu biết nền tảng của HS để chuẩn bị cho hoạt động đọc văn bản. HS có thể trình bày về duyên phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua những hiểu biết thực tiễn cũng như qua các tác phẩm văn học (hãy nhớ lại một số bài ca dao, thơ Hồ Xuân Hương, truyện truyền kì, truyện Nôm đã học ở THCS để tìm câu trả lời). Phần Đọc lướt văn bản quan tâm đến thể loại và chủ thể trữ tình để định hướng cho việc tiếp nhận bài thơ sau đó. Bài *Tự tình* thuộc thể loại thơ Nôm Đường luật (thất ngôn bát cú). Hãy nhớ lại xem thể loại này ở lớp 10 đã được học tác phẩm nào. Người đang tự tình trong bài thơ là *cái tôi* trữ tình Hồ Xuân Hương với những nỗi niềm về duyên phận. Với những hiểu biết ban đầu như vậy, khi đọc bài thơ lên, HS có ấn tượng như thế nào về giọng điệu, cảnh ngộ, tâm trạng, nỗi niềm của người phụ nữ trong bài thơ thì hãy chia sẻ những điều đó.

* Phiếu học tập số 2

Với yêu cầu ghi chú bên lề, HS dựa vào mẫu để thực hiện tiếp với các yếu tố đã in đậm (bao gồm cả nhịp ngắt của câu thơ). HS có thể ghi bất cứ điều gì mà từ ngữ ấy trong văn cảnh bài thơ gợi ra cho mình, thậm chí cả câu HS tự hỏi mình trong quá trình ghi chú (Sao lại là “đêm khuya”? Sao không phải âm thanh khác mà lại là tiếng trống?...). Để thực hiện yêu cầu số 2, HS cần nhìn lại tất cả các ghi chú đã có, đồng thời hình dung *cái tôi* trữ tình Hồ Xuân Hương hiện ra như thế nào và miêu tả, nhận xét, đánh giá,... theo gợi ý của phiếu học tập. Hình mũi tên trong sơ đồ gợi cảm nhận về dòng chảy thời gian, nhắc nhở đến nỗi lo lắng về duyên phận của người phụ nữ trong bài thơ.

* Phiếu học tập số 3

Bức tranh thiên nhiên trong hai câu luận được khắc hoạ bằng các động từ mạnh: *xiên, đâm*; kết hợp với các phụ ngữ: *ngang, toạc*; thủ pháp đối, đảo ngữ,... nhấn mạnh vào sự “nổi loạn” của những tạo vật vốn dĩ bé nhỏ, “cỏ nội hoa hèn”. Phía sau thiên nhiên là cảm xúc của *cái tôi* trữ tình – đầy bản lĩnh, thách thức số phận, rất mạnh mẽ. Có thể so sánh với các bài thơ khác để thấy từ cảm xúc cho tới cách dùng từ ngữ của tác giả trong hai câu luận đều rất cá tính, mạnh mẽ, mãnh liệt, như một sự phản uất, phản kháng “rất Xuân Hương”.

* Phiếu học tập số 4

Sau khi tìm hiểu sâu các từ ngữ bằng việc ghi chú, có thể nhận thấy tâm trạng của tác giả trong hai câu kết là tâm trạng ngán ngẩm, buồn xuôi. Các từ ngữ và biện pháp tăng tiến trong câu cuối cho thấy cảm nhận về sự chảy trôi của thời gian, mùa xuân tuần hoàn mà tuổi xuân không trở lại, thành ra sự tuần hoàn ấy là trở trêu, ngao ngán, trêu người. Theo thời gian ấy, “mảnh tình” đã ít ỏi, nhỏ bé, lại bị san sẻ để rồi còn lại “tí con con”. Sự chia sẻ trong lời thơ gợi cho người đọc liên tưởng đến cuộc đời lẽ mọn “Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng” của nhà thơ. Từ đây, có thể liên hệ đến các câu thơ của Hồ Xuân Hương và nhiều nhà thơ khác để hiểu hơn tâm sự của *cái tôi* trữ tình (ví dụ: “Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn – Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại – Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi – Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời” (Xuân Diệu); hoặc: “Cuộc đời tuy dài thế – Năm tháng vẫn đi qua – Như biển kia dẫu rộng – Mây vẫn bay về xa” (Xuân Quỳnh); cũng có thể liên hệ với hai bài *Tự tình* còn lại trong chùm thơ...).

* Phiếu học tập số 5

Mỗi trang thư là một gợi ý về nỗi niềm thi nhân muốn chia sẻ qua bức thư ngỏ. Trang bên trái tập trung bộc lộ cảm xúc lo lắng, buồn bã, thất vọng, ngán ngẩm trước duyên phận. Trang thứ hai lại là khát vọng mãnh liệt về hạnh phúc. HS nhập vai vào nhân vật, trong cảnh ngộ “tự tình” giữa đêm vắng, trong nỗi cô đơn và một mình, thấy thời gian như dồn dập, dồn đuổi, tuổi xuân sầm sập qua mau,... để viết những dòng tâm sự chia sẻ nỗi lòng gan ruột.



* Phiếu học tập số 6

Đây là phiếu giúp HS vừa mở rộng phạm vi đọc, vừa tự đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản, bổ sung hiểu biết về tác giả, tác phẩm. HS có thể đặt nhan đề: Ngôn ngữ trong thơ Hồ Xuân Hương; Tài dùng chữ của Hồ Xuân Hương,... Tương tự, trả lời các câu còn lại.

CÂU CÁ MÙA THU (Thu điếu)

* Phiếu học tập số 1

Phần trò chơi ô chữ, HS cần dựa vào các thông tin thuộc *Kết quả cần đạt*, *Tiểu dẫn* và bài thơ trong SGK để trả lời. Các thông tin được hoàn thành trong ô chữ sẽ là những nội dung cơ bản gợi nhắc để HS có thể tái hiện trong lời phát biểu của mình những nét chính về tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ *Câu cá mùa thu*. HS có thể chia sẻ khá thoải mái, tự nhiên cảm nhận của bản thân về mùa thu vùng đồng bằng Bắc Bộ (nếu HS đã từng trải nghiệm) hoặc mùa thu ở nơi HS sinh sống theo yêu cầu của mục 3. Những tri thức này sẽ là một điểm tựa để giúp HS đọc hiểu bài thơ tốt hơn.

* Phiếu học tập số 2

Trong bài thơ, người bộc lộ cảm xúc, tâm trạng là nhân vật trữ tình. HS đọc lại bài thơ, chú ý đến những dòng cuối cùng để trả lời câu hỏi ở mục 1. Sơ đồ trong phiếu học tập là một gợi mở cho thấy hướng di chuyển điểm nhìn để quan sát, cảm nhận, suy tư của người trong cảnh là từ gần đến xa rồi lại quay trở về chiếc thuyền và mặt nước ao thu. Để rồi cứ thế nhìn ngược vào cõi tâm trạng suy tư của bản thân.

* Phiếu học tập số 3

Tất cả các mục 1a, 2a, 3a, 4a, 5a, 6a, HS cần tìm thông tin trong văn bản để hoàn thành. Tất cả các mục "Cảm nhận của tôi" đòi hỏi HS cần trả lời bằng cách tự suy nghĩ xem các thông tin trong văn bản vừa được liệt kê gợi lên ấn tượng, cảm xúc, nhận xét gì. Ví dụ với mục *Hiệp vần*, quan sát bài thơ ta thấy tác giả chọn vần "eo" (*veo, teo, vèo, teo, bèo*). Cách hiệp vần này làm cho "tôi" – người đọc – có cảm giác mọi sự vật đều rất nhỏ bé, xinh xắn, như đang cố thu mình lại, vừa với tầm mắt và có xu hướng hướng nội, thu vào suy tư của tác giả.

* Phiếu học tập số 4

HS cần đọc lại bài thơ để thấy phía sau bức tranh thanh sơ, đậm thần thái mùa thu vùng nông thôn Bắc Bộ là tâm trạng buồn, trầm lắng, suy tư, nỗi u hoài và sự day dứt của tác giả. Các từ ngữ như "vèo", "lơ lửng", "xanh ngắt" hay "vắng teo" không chỉ thể hiện cảnh vật mà còn hé mở tâm trạng. Tốc độ bay rất nhanh của lá phải chăng là cảm nhận về sự thay đổi quá chóng vánh của thời cuộc? Cái "lơ lửng" của tầng mây hay sự lửng lơ trong tâm trạng, nỗi niềm day dứt "Vò đầu mấy bận làm thơ đi về"? Sự "vắng teo" của ngõ trúc có phải là nỗi cô đơn, là tâm trạng thời thế của nhà thơ?...

THƯƠNG VỢ

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do.

Mục 2: Căn cứ vào *Tiểu dẫn* trong SGK để giới thiệu về tác giả Tú Xương. Về phần tìm hiểu khái quát bài thơ: Đề tài trả lời cho câu hỏi bài thơ viết về đối tượng nào, vấn đề gì. Nhìn vào nhan đề có thể thấy bài thơ thuộc đề tài viết về người vợ trong gia đình. Với thơ Tú Xương, đây là đề tài quen thuộc, song với văn học trung đại, các nhà nho thường ít viết về người vợ của mình. Người bày tỏ cảm xúc trong bài thơ là tác giả – ông Tú. Ông thể hiện tình cảm "thương vợ" của mình. Đây là bài thơ Nôm Đường luật theo thể thất ngôn bát cú. HS có thể chọn phân tích theo bố cục chung của một bài thơ Đường luật hoặc phân tích theo mạch nội dung: hình ảnh bà Tú (chủ yếu trong 6 câu thơ đầu), tình cảm thương vợ và nỗi niềm tâm sự của Tú Xương (6 câu thơ đầu, đặc biệt ở 2 câu cuối).

Mục 3: Sau khi đọc diễn cảm, HS phát biểu tự do ấn tượng ban đầu về bài thơ.

* Phiếu học tập số 2

HS thực hiện chiến thuật đánh dấu và ghi chú bên lề để đọc hiểu văn bản. Tuy nhiên, vì HS chưa thành thạo thao tác này nên phiếu học tập gợi ý cụ thể cách ghi chú cho từng nội dung đánh dấu



bằng các câu hỏi. Ví dụ, với từ "quanh năm", HS có thể trả lời: Đây là từ ngữ chỉ thời gian làm việc rông rãi, liên tục, quanh năm suốt tháng, như không có lúc nghỉ ngơi. Hoặc với yêu cầu ghi lại ít nhất hai câu ca dao có hình ảnh con cò, HS có thể tham khảo một số câu như: "Nước non lận đận một mình – Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay – Ai làm cho bể kia đầy – Cho ao kia cạn cho gầy cò con"; "Cái cò lặn lội bờ sông – Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non"; "Con cò mà đi ăn đêm – Đâu phải cảnh mêm lộn cổ xuống ao"... Làm tương tự với các phần còn lại. Sau khi ghi chú hết phần văn bản, HS cần nhìn lại toàn bộ kết quả đã thực hiện, sắp xếp lại nội dung, từ đó phát biểu cảm nhận của mình về nhân vật bà Tú, chỉ ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản đã giúp cảm nhận như vậy.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: HS tìm kiếm câu trả lời bằng cách tự hỏi: Để thể hiện hình ảnh bà Tú chân thực với sự tảo tần, giàu đức hi sinh như vậy, ông Tú có thấu hiểu hoàn cảnh lao động, nổi vất vả, nhọc nhằn, sự hết lòng vì chồng vì con của vợ không? Thấu hiểu như vậy thì có thấy yêu thương, trân trọng, biết ơn, ngậm ngùi cho vợ không?...

Mục 2: Để xác định lời "chửi" trong hai câu kết là của ai, HS cần quay trở lại phần đọc lướt ở Phiếu học tập số 1 xem ai là người bộc lộ tình cảm, cảm xúc "thương vợ". Một người hết lòng hi sinh, nhẫn nhịn: "Một duyên hai nợ âu đành phận – Năm nắng mười mưa dám quản công" như bà Tú có thể cất lên tiếng "chửi" như vậy được không? "Thói đời" là cách ăn ở, cư xử không tốt được lặp đi lặp lại đã trở thành nếp quen. "Thói đời ăn ở bạc" ở đây là quan niệm, cách ứng xử bất công của xã hội đối với người phụ nữ được mặc nhiên công nhận. Tập tục phong kiến với hào lũy thành kiến bất công của Nho giáo: "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu", "Phu xướng phụ tùy",... đã không cho ông Tú được thương vợ một cách "thiết thực". Dẫu muốn, ông làm sao có thể lam lũ chân tay "lặn lội" cùng bà. Dẫu muốn, một anh đồ Nho cũng không thể học theo kiểu sống vợ chồng đầy dân dã, bình dị, sẻ chia của dân gian: "Trên đồng cạn, dưới đồng sâu – Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa". Chửi "thói đời ăn ở bạc" nhưng cũng là tự trách mình làm chồng mà "hờ hững cũng như không", chưa làm tròn trách nhiệm với gia đình. Tình thương vợ đã khiến ông "tự kiểm điểm" để trách mình, đồng thời cũng khiến ông "phẫn uất" thay cho bà Tú mà cất lên tiếng chửi "thói đời ăn ở bạc" mặc nhiên trút gánh nặng cuộc sống lên vai người phụ nữ.

Nhưng đằng sau tiếng "chửi" mình, "chửi" đời, "chửi" xã hội ấy, chúng ta thấy những giọt nước mắt của nỗi đau, của tâm trạng phẫn uất, của bi kịch Tú Xương bật ra qua câu chữ. Khi phải "chửi", phải văng ra, hẳn là đã đến mức khối tâm sự chất chứa trong lòng cần được giải tỏa, "sổ ruột sổ gan" ra cho bớt giận. "Thói đời ăn ở bạc" có lẽ không chỉ là nếp quen ứng xử không công bằng với người phụ nữ của xã hội phong kiến. Điều gì đã khiến một người như Tú Xương phải cay đắng tự trào mình được vợ nuôi như là nuôi một ông con đặc biệt ("Nuôi đủ năm con với một chồng")? Điều gì khiến ông Tú chua chát "trả lời": "Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ" (*Quan tại gia*)? Và điều gì khiến cho ông Tú chua chát cảm nhận mình là "nợ" đeo đẳng cuộc đời bà Tú ("Một duyên hai nợ âu đành phận")? Từng "lăm le bia đá bằng vàng" cho sang mặt vợ, thế mà "Đau quá đòn hằn – Rát hơn lửa bỏng – Hồ bút hồ nghiên – Tui lều tui chõng" (*Hồng khoa Canh Tí*). Bởi chữ Hán đã đến ngày mệt mỏi. Bởi thi cử lộn tùng phèo những giá trị thực. Thế là cả đời đi thi, không nghề không nghiệp, rốt cuộc giắt lưng được cái tú tài dở dang dang dở, trở thành "thái vô tích" – vô tích sự tuyệt đối. Thế cho nên tâm sự dồn nén phẫn uất trào ra qua tiếng "chửi". Đó đâu phải chỉ là bi kịch của Tú Xương mà còn là bi kịch dở dang của cả một thế hệ. Nói thương vợ là trách mình, là tê tái, đau đớn thương mình có lẽ là như vậy.

* Phiếu học tập số 4

HS tìm kiếm câu trả lời theo gợi dẫn của phiếu học tập. Bà Tú là một hình ảnh tiêu biểu cho người phụ nữ truyền thống. HS nhìn vào Phiếu học tập số 2 để ghi lại những phẩm chất, đặc điểm tiêu biểu của bà Tú. Xã hội thay đổi, người phụ nữ hiện đại có nhiều cơ hội để tham gia vào các công việc bình đẳng như nam giới. Họ sẽ có những phẩm chất, đặc điểm khác. Tuy vậy, dẫu khác đến đâu, vẫn có những điểm chung gặp gỡ như tình yêu thương hết lòng dành cho chồng con, đức hi sinh,... Hãy ghi vào ô giữa những điểm chung đó như là đặc điểm, phẩm chất của người phụ nữ muôn đời, bất kể xưa nay.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

BÀI CA NGẮT NGƯỠNG

* Phiếu học tập số 1

Với trò chơi ô chữ, HS dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK và hiểu biết để trả lời. Từ khoá trung tâm là: Tài và Ngông – những đặc điểm nổi bật của con người và phong cách Nguyễn Công Trứ. Trên cơ sở hoàn thành phần ô chữ, HS giới thiệu tự do ấn tượng đặc biệt của mình về tác giả.

* Phiếu học tập số 2

Ở nội dung này, HS đọc lướt văn bản và chú thích sang bên lề những tìm hiểu về vẻ đẹp ngôn từ của bài thơ theo gợi ý.

Mục 1: HS cần xác định từ được lặp lại nhiều lần và có vai trò thể hiện chủ đề của bài thơ, thể hiện quan điểm, tư tưởng của tác giả. Sau khi xác định được đó là từ “ngắt ngưỡng”, HS sẽ dựa vào từ điển để tìm hiểu nghĩa. Đặt “ngắt ngưỡng” vào văn cảnh tác phẩm, từ ngữ này có đơn thuần chỉ trạng thái ở thể cao, ngả nghiêng nhưng không đổ hay còn thể hiện thái độ sống của con người? Nếu hiểu là thái độ sống thì “ngắt ngưỡng” là thái độ như thế nào?

Mục 2: Những từ ngữ mang tính tự xưng của tác giả thể hiện rải rác trong cả bài thơ nên HS cần tìm đến đâu, đánh dấu đến đó để tránh bị sót và lặp lại khi liệt kê. Để chỉ ra hiệu quả của những từ ngữ này, HS cần huy động kiến thức về văn học trung đại. Ví dụ, từ ngữ: “ông Hi Văn”, “ông ngắt ngưỡng”, “ông” là từ ngữ tự xưng ở ngôi thứ mấy? Việc tự xưng như thế có xuất hiện trong văn học trung đại trước đó không? Nó có phù hợp với khuôn khổ nhà nho không? Điều đó giúp nhà thơ thể hiện điều gì về phong cách sống của mình?

Mục 3: HS cần hiểu khẩu ngữ là ngôn ngữ nói thông thường, dùng trong cuộc sống hàng ngày, có đặc điểm phong cách đối lập với ngôn ngữ viết. Với văn học trung đại vốn đề cao tính khuôn mẫu, nghiêm cẩn, lễ nghi phép tắc thì việc sử dụng khẩu ngữ có đặc biệt không? Việc sử dụng khẩu ngữ có thể hiện bản lĩnh và cá tính của tác giả không? Ví dụ: Tác giả sử dụng từ “vào lồng” để chỉ việc ông đỗ đạt và ra làm quan. Đỗ đạt, ra làm quan, dùng tài trí của mình để giúp dân, giúp nước là thực hiện được hoài bão, chí khí, là niềm tự hào không chỉ của kẻ nam nhi mà còn của cả gia đình, dòng họ. Và Nguyễn Công Trứ cũng vậy. Nhưng ông lại cũng coi việc ra làm quan của mình là “vào lồng” là việc mất tự do. Điều đó thể hiện phong cách sống và cá tính của ông như thế nào? Tương tự như vậy, HS tìm hiểu thêm một số khẩu ngữ nữa như: *tay ngắt ngưỡng, tay kiếm cung, phường Hàn, Phú...* để từ đó đưa ra kết luận hợp lí.

* Phiếu học tập số 3

HS đọc lại bài thơ một lần nữa và chia mạch thơ theo từng phần để tiến hành phân tích *cái tôi* trữ tình của nhà thơ. Mục 1 HS cần chú ý đến 6 câu thơ đầu và đưa ra nội dung “tự thuật” theo từng ý: Nhân vật trữ tình đã đề cao vai trò của mình như thế nào? Ông có những tài năng gì hơn người? Ông đã từng giữ những chức vụ nào? Để thể hiện những nội dung ấy, tác giả đã sử dụng giọng điệu và ngôn từ ra sao? Tác giả làm thế nào để người đọc biết được tài năng và một loạt các chức vụ của *cái tôi* trữ tình? Từ tất cả những nội dung ấy, HS sẽ có cái nhìn và đánh giá toàn diện hơn về lối sống “ngắt ngưỡng” trong chốn quan trường của tác giả. Với hai mục tiếp theo, HS cũng có thể áp dụng tương tự và có cái nhìn đa chiều, đúng đắn về nhân vật trữ tình.

* Phiếu học tập số 4

HS cần căn cứ vào nội dung văn bản có nhân vật để xác định xem nhân vật đó sẽ nói gì về vấn đề *Được và mất*.

Ví dụ, ông lão trong truyện *Tái ông thất mã* có thể nói: “**Thưa các vị, với tôi, được và mất là điều hết sức tự nhiên. Nó là nhân quả của nhau. Cái này sẽ nối tiếp cái kia. Trong cuộc sống của tôi, không chỉ có chuyện con ngựa này mà còn vô vàn các chuyện khác cũng cứ được – mất, mất – được. Lo lắng mình một thái độ cứng cỏi, ung dung, bình tâm và sẵn sàng ứng phó để đón nhận mọi tình huống. Chắc các vị cũng đồng tình với tôi về điều đó chứ?**”. Nghe đến đây, vua Salomon nói: “**Trước đây, nếu nhận ra điều đó. Tiền tài, danh vọng, địa vị... ta đang có đâu phải rằng ta có thể giữ nó suốt đời. Nhưng ông lão à, ta đâu có buồn. Giờ ta cũng hiểu ra điều oái ăm mà ta cần ở chiếc vòng đó là: “Nó có những**



sức mạnh diệu kì. Nếu kẻ nào đang vui nhìn vào nó, sẽ thấy buồn, và nếu ai đang buồn, nhìn vào nó sẽ thấy vui". Vậy giờ ta cũng không buồn nữa. Ta sẽ coi đó là lẽ đời và cứ làm tốt những gì mà ta đang làm. Ta nghĩ ta cứ sống và làm thật tốt, làm hết sức mình ở hiện tại, còn quá khứ và tương lai không quyết định tất cả". Nghe đến đây, Steve tiếp lời: "Các ông nói đều đúng cả, tôi là thể hệ sau nên cũng học được ở các ông nhiều. Nhưng riêng phía tôi, tôi nghĩ, được và mất không phải hoàn toàn tự nó đến. Tất cả là do chúng ta tạo dựng ra. Nếu chúng ta cứ bằng lòng với những gì mình đang có hoặc đang mất đi mà an nhiên, tự tại thì rồi chúng ta cũng dần trượt dài so với mọi người mà thôi. Thành công của tôi là do tôi tạo dựng. Tôi thất bại, và tôi không thụ động chờ đợi cái được đến với tôi. Chính tôi phải cố gắng, phải sáng tạo hết mình..."

Lắng nghe cuộc trò chuyện đó, HS cần bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ, thái độ của bản thân mình. Ví dụ: Tôi thấy yêu quý, trân trọng các bậc tiền nhân và cũng học hỏi được nhiều điều. Tôi hiểu ra được rằng: được và mất là hai mặt của cuộc sống mà con người luôn phải đối mặt. Nhưng không có nghĩa vì thế mà chúng ta bằng lòng và an nhiên trước mọi điều. Dù trong lúc vui hay lúc buồn, lúc thành công hay thất bại thì cũng luôn cần rèn luyện phẩm chất, trí tuệ và năng lực của mình như lời vận động viên Nguyễn Thị Ánh Viên đã nói: "Nếu tôi hài lòng với những gì đã đạt được, tôi là kẻ thất bại ngay từ bây giờ, chứ không phải chờ tới ngày mai. Tôi không nhớ đến chiến thắng, mỗi ngày đều nỗ lực như chưa giành được gì". Tôi phải mất công sức, tôi mới có thành công. Tóm lại, đây là một dạng hoạt động mở, kích hoạt tư duy đối thoại, phản biện, sáng tạo, có thể có nhiều phương án trả lời, miễn là lí giải thấu đáo, hợp lí.

Tuy vậy, trong phiếu học tập, HS chỉ cần ghi các ý chính dự định trả lời, một vài "minh chứng" rút ra từ văn bản chứ không cần viết thành văn. Hoàn thành hoạt động này là cơ sở để GV sẽ tổ chức cuộc đối thoại trên lớp học, HS sẽ được vào vai và dựa trên ý chính trong phiếu học tập, nhập vai để trình bày quan điểm, suy nghĩ của mình, kết hợp sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ như cử chỉ, nét mặt, ánh mắt, điệu bộ để đối thoại với các "nhân vật" khác.

BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT (Sa hành đoản ca)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS có thể chia sẻ trải nghiệm thực tế đi đường trên cát, thấy bước đi khó khăn, nhọc nhằn thế nào. Hoặc cũng có thể là trải nghiệm về sự khó khăn, thất bại trong học tập một môn nào đó, trong việc chuyển từ môi trường, điều kiện sống này sang hoàn cảnh khác,... Đây chính là cách để HS kết nối bản thân với tác phẩm văn học sắp đọc.

Mục 4, 5: HS tự đọc kĩ và trả lời. Nên đọc to và diễn cảm bài thơ để có cảm nhận chung ban đầu, có thể vẽ nhạc tính, vẽ những câu hỏi, vẽ người đi đường, vẽ con đường anh ta đang đi,...

* Phiếu học tập số 2

Mục 2: Các yếu tố được gạch chân cho thấy bãi cát và đường trên cát có một số đặc điểm như: dài, tiếp nối tưởng đến vô tận, khó đi, "đi một bước như lùi một bước", vắt kiệt sức lực, ý chí của con người.

Mục 3: Một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng để thể hiện hình tượng bãi cát và đường trên cát: điệp từ, ngắt nhịp, hình ảnh biểu tượng...

Mục 6: Ví dụ: "Ôm yên gối trống đã chôn – Nằm vùng cát trắng ngủ cồn rêu xanh" (Chinh phụ ngâm); "Bồn bễ bát ngát xa trông – Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia" (Truyện Kiều),...

Mục 7: Ý nghĩa biểu trưng của hình tượng bãi cát và đường trên cát: con đường công danh bẽ tắc của kẻ sĩ trung đại; con đường đời nhọc nhằn, vất vả, nhiều thử thách của con người; hiện thực xã hội đen tối, ngột ngạt, bức bối, thù địch với ước mơ khát vọng của con người,...

* Phiếu học tập số 3

Mục 1, 2: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là tác giả, hiện lên qua các đại từ như: khách, quân, ngã. Để phân tích tác dụng của mỗi đại từ trong việc thể hiện nhân vật trữ tình, HS cần chỉ ra đại từ đó thuộc ngôi thứ mấy, khi sử dụng ngôi đó thì nhân vật trữ tình đã nhìn mình như là ai, vì vậy, hé mở với người đọc thế giới nội tâm đầy mâu thuẫn của nhân vật như thế nào.

Mục 3: Để hình dung, cần chú ý đến các "chất liệu" có sẵn trong lời thơ: Con đường cát lữ khách đang đi thì sao? Bước chân của lữ khách nặng nề như thế nào, gương mặt mệt mỏi ra sao?...



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

Lữ khách đã đi từ lúc nào đến bây giờ? Lữ khách đã được dừng lại chưa? Lữ khách có nhìn thấy đích đến không? Lữ khách còn ý chí để đi tiếp không? Dòng nước mắt lăn chảy rơi xuống thể hiện điều gì?...

Mục 4: Lữ khách tự trách mình bằng cách gọi lại điển về ông tiên ngủ kĩ, bằng cách sử dụng đại từ ngôi thứ hai, như phân thân để thể hiện rõ sự tự cật vấn bản thân.

Mục 5: Trải nghiệm con đường cát, lữ khách nghiệm ra sự hấp dẫn của danh lợi đối với người đời.

Mục 6: Cảm xúc dâng lên trong lòng lữ khách lúc này có thể là sự mệt mỏi, chán chường, sự bế tắc, nỗi bi phẫn vì không tìm thấy lối ra trên đường đời,... Hãy chú ý đến câu hỏi.

Mục 7: Phía sau câu hỏi là sự bế tắc, tự cật vấn, là sự thức tỉnh, hứa hẹn sự thay đổi, bùng nổ trong hành động. Phải chăng câu trả lời nằm ở hành động thực tiễn của nhà thơ họ Cao – đứng về phía cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại triều đình và chấp nhận hi sinh?

* Phiếu học tập số 4

Muốn nhập vai các nhân vật để phát biểu, HS cần phải hiểu nghĩa, ý nghĩa và cách thể hiện trong các câu thơ, lời bài hát của họ. Chẳng hạn, các câu thơ của Lí Bạch cho thấy ông nhận thức con đường đời, đường lập chí, lập danh là con đường đi khó, khó như lên tận trời xanh, có biết bao ngã rẽ, không biết chọn ngã nào. Sự khó khăn và nỗi băn khoăn hiện ra qua các từ, câu cảm thán, câu hỏi, điệp từ, cách nói tăng tiến như thế nào? Nhưng hai câu thơ cuối lại cho thấy một Lí Bạch tin tưởng, kì vọng vào bản thân có thể "cuối gió mạnh, vượt sóng lớn", "giông thẳng buồm mây đi ngang biển xanh", hoàn toàn chinh phục được con đường đi khó thông qua cảm hứng thơ dạt dào lãng mạn. Hiểu như thế, HS có thể hình dung được trong cuộc giao tiếp này, thi tiên Lí Bạch sẽ phát biểu như thế nào. Hãy bắt đầu bằng cụm từ: "Thưa các quý vị, với tôi...". Làm tương tự với các "nhân vật" còn lại.

LỄ GHÉT THƯƠNG (Trích Truyện Lục Vân Tiên)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1 giúp HS huy động trải nghiệm của bản thân để chuẩn bị cho hoạt động đọc hiểu. HS ghi trung thực điều làm trái tim mình cảm thấy yêu thương, ví dụ: sự chia sẻ, gần gũi, hi sinh của những người thân trong gia đình; những đồng cảm, nâng đỡ tốt đẹp giữa người với người trong xã hội,... Tương tự như vậy, HS nêu rõ mình cảm thấy phẫn nộ, căm lên tiếng trước những hiện tượng gì, những cách ứng xử nào,... Nói chung, nội dung ghi rất phong phú, chỉ cần gần gũi với yêu cầu của hoạt động là được.

Mục 2 giúp HS rèn luyện khả năng dự đoán, suy luận ban đầu khi tiếp xúc với văn bản, dựa trên tổng quan ban đầu về văn bản và trải nghiệm của bản thân. HS tìm câu trả lời bằng cách tự hỏi: Chữ "lẽ" trong nhan đề mà tác giả SGK đặt đem lại nét nghĩa nào khác so với "chuyện", "điều" (tôi ghét, tôi thương)?... Ghét thương khi đó có còn chỉ là cảm xúc tự nhiên của con người, như ca dao từng nói: "Người ta có mắt, có môi – Khi buồn thì khóc, khi vui thì cười" nữa không, hay là "lẽ" sống, là cái "lẽ" ở đời, là quan niệm sống, là đạo lí?...

* Phiếu học tập số 2

Mục 3, 5 cần chú ý đến cặp từ đối nghĩa *ghét – thương* được sử dụng bao nhiêu lần, được đặt sóng đôi như thế nào, tạo thành bố cục hai phần của văn bản ra sao. Điều này cho thấy thái độ của ông Quán với vấn đề ghét – thương là rạch ròi, dứt khoát hay nhập nhằng, lẫn lộn?... Ngoài ra, lối diễn đạt trùng điệp, tăng tiến còn cho thấy sự mãnh liệt tăng dần của cảm xúc ghét, thương như thế nào?...

Mục 4: Có hai câu thơ: "Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương" và "Vi chung hay ghét cũng là hay thương". Câu nào thể hiện rõ hơn mối quan hệ giữa thương và ghét? Câu nào cho thấy cội nguồn của ghét chính là do thương mà có?...

* Phiếu học tập số 3

Về tác giả dân gian trong ca dao, HS có thể chọn một số câu như: "Yêu nhau củ ấu cũng tròn – Ghét nhau thì quả bồ hòn cũng vuông"; "Yêu nhau cau sáu bồ ba – Ghét nhau cau sáu bồ ra làm mười";... Nếu dẫn ra những câu này thì tác giả dân gian sẽ nói gì để phù hợp giữa lời thơ vừa được



trích và lời phát biểu? Củ ấu vốn nhọn hai đầu, bồ hòn vốn tròn, thế nhưng vì yêu ghét mà thành ra tròn – vuông. Vậy tình cảm yêu ghét có thể làm cho con người ta ứng xử cảm tính, thiên vị, thiếu sáng suốt, thiếu lí trí,... Thực hiện tương tự với các ô còn lại.

* Phiếu học tập số 4

Thực hiện như chỉ dẫn khá cụ thể trong phiếu học tập. GV có thể hướng dẫn HS hoàn thành trang thứ nhất của nhật kí ở nhà sau khi học văn bản. Sau đó, tổ chức cho HS trao đổi nhật kí, ghi phản hồi, bổ sung vào nhật kí của bạn, nhận lại nhật kí của bản thân, đọc và suy ngẫm những phản hồi của bạn. GV cũng có thể tham gia vào việc ghi nhật kí đối thoại và trao đổi với HS như là một bạn đọc trong cộng đồng lí giải lớp học.

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

* Phiếu học tập số 1

Mục 1a: Dựa vào hình ảnh gợi dẫn trong phiếu học tập, HS nhớ lại truyện Nôm *Truyện Lục Vân Tiên* và một số đoạn trích trong truyện của nhà thơ – nhà văn Nguyễn Đình Chiểu đã được học ở lớp 9, ghi lại văn tắt điều đã biết về tác giả, tác phẩm (đoạn trích) này (ví dụ: tên văn bản, ấn tượng về văn bản, về nhân vật, về lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa... của tác giả Nguyễn Đình Chiểu).

Mục 1c: HS chia sẻ tự do những điều mình muốn biết thêm về tác giả để khơi gợi sự tìm tòi, mở rộng kiến thức của chính bản thân.

Mục 2: Đây là quan điểm sáng tác của tác giả Nguyễn Đình Chiểu đã được khơi mở từ phần *Những tác phẩm chính* trong SGK nên chủ yếu HS chỉ cần chia sẻ quan điểm, suy nghĩ của bản thân dựa trên những hiểu biết về tác giả, tác phẩm đã học.

* Phiếu học tập số 2

Mục 2 đòi hỏi HS đọc lướt văn bản *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, dựa vào những dấu hiệu ngôn ngữ và nội dung từng phần để chia bố cục văn bản. Về cơ bản, HS cần chia văn bản thành bốn phần với nội dung tương ứng như sau: Phần 1 – *Lung khởi* (Từ đầu đến ... *tiếng vang như mõ*): Khái quát bối cảnh bão táp của thời đại và sự hi sinh bất tử của những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc; Phần 2 – *Thích thực* (Từ *Nhớ linh xưa...* đến ... *tàu đồng súng nổ*): Hồi tưởng cuộc đời và công đức của người nghĩa sĩ; Phần 3 – *Ai vãn* (Từ *Ôi! Những lăm lòng nghĩa lâu dùng...* đến ... *cơn bóng xế dật dờ trước ngõ*): Lòng thương tiếc, cảm phục của tác giả, người thân trước cái chết của các nghĩa sĩ; Phần 4 – *Kết* (còn lại): Ca ngợi linh hồn bất tử của người nghĩa sĩ. HS có thể có cách chia khác nhưng về cơ bản cần đảm bảo nội dung của bốn phần trên. Đây sẽ là mạch ý để HS theo dõi, phân tích hình tượng người nông dân nghĩa sĩ và thái độ, tình cảm dành cho họ trong hai phiếu học tập số 4, 5.

* Phiếu học tập số 3

HS đọc kĩ văn bản phần *Lung khởi* và *Thích thực* để thực hiện nội dung này. Hình tượng người nông dân nghĩa sĩ được khắc tạc đầy đủ, chân thực và bất khuất qua từng câu chữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật nên HS sẽ tiến hành nhận diện các biện pháp nghệ thuật và tìm hiểu tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung theo các vấn đề được gợi ý từ mục 1 đến mục 5. Để làm được điều đó, HS có thể tự đặt ra những câu hỏi và trả lời. Chẳng hạn đây là một số câu hỏi gợi mở vấn đề để HS tham khảo: Các hình ảnh không gian, từ ngữ gợi tả âm thanh có gì đặc biệt ở hai câu đầu? Nghệ thuật đối lập được thể hiện như thế nào qua các câu văn? Các từ ngữ liệt kê những công việc của người nông dân có được chọn lọc và gợi ra công việc thường nhật của họ không? Các động từ miêu tả khát vọng, hành động của người nghĩa sĩ thể hiện quyết tâm hành động, thái độ của họ ra sao? Hình thức phủ định "không ngờ", "nào đợi", "chẳng thêm", "vốn chẳng phải", "chẳng qua là"... giúp khẳng định điều gì?... Những yếu tố nghệ thuật ấy giúp hiểu thêm điều gì về hình tượng người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc?...

Sau khi phân tích, hình dung đầy đủ các đường nét, hình khối bức tượng đài những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc, HS chia sẻ ấn tượng, cảm nhận của mình về bức tượng đài ấy ở mục 6. HS có thể trân trọng, đồng cảm với lòng căm thù giặc và tinh thần tự nguyện của những người nông dân nghĩa sĩ. HS cũng có thể ngưỡng mộ, cảm phục sự hi sinh cao cả của họ...

* Phiếu học tập số 4

HS đọc kĩ phần *Ai vãn*, phần *Kết* và trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn trong các mục. Đọc các



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

câu văn tế đến đâu, HS hãy tưởng tượng những con người, những cảnh thực, thời đại thực và tự đặt mình vào vị trí người chứng kiến để hỏi, trả lời đến đó. Chẳng hạn: Mục 1: Một người cha, người chồng, người con qua đời thì ai là người mất mát và khóc thương? Một người nông dân làm ăn lương thiện qua đời thì ai sẽ là người khóc thương? Một người nghĩa sĩ chiến đấu để bảo vệ cảnh đồng, quê hương, đất nước của mình và mọi người thì khi họ hi sinh, ai là người sẽ khóc thương, tiếc nuối? Đằng sau những tiếng khóc ấy là tiếng khóc của ai? Dẫn chứng nào chứng minh cho điều đó?

Mục 2: Những tiếng khóc đó có phải chỉ dành cho con người trẻ tuổi đã ngã xuống? Sự nghiệp, chí nguyện, lí tưởng sống của người nghĩa sĩ đã thực hiện xong hết chưa? Tình cảnh đất nước lúc đó như thế nào? Làm tương tự với các phần còn lại. Hoàn thành toàn phiếu, HS sẽ có cái nhìn tổng thể về tiếng khóc dành cho những người nông dân nghĩa sĩ, cho thời đại đau thương mà vĩ đại và hiểu được thái độ, tình cảm của tác giả và nhân dân, đất nước dành cho họ.

* Phiếu học tập số 5

Đây là phiếu học tập giúp HS kết nối tác phẩm văn học với cuộc đời, mở rộng phạm vi đọc. Bức ảnh trong phiếu học tập chụp tượng đài "Vòng tròn bất tử" được xây dựng tại Cam Ranh (Khánh Hòa) để tưởng niệm 64 chiến sĩ đã hi sinh trong trận chiến Gạc Ma bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của đất nước. Từ gợi mở của phiếu học tập, HS tìm đọc tư liệu về cuộc chiến đấu không cân sức này để thêm hiểu và trân trọng sự hi sinh của các thế hệ cho nền độc lập của dân tộc. Câu chuyện về các chiến sĩ trên đảo Gạc Ma và các nghĩa sĩ Cần Giuộc trong trận tấn công đồn giặc có thể gợi cho HS cảm xúc gì, suy nghĩ gì? Xúc động? Tiếc thương? Nghe ngao? Trân trọng? Cảm phục? Quyết tâm?... Hãy thể hiện điều đó bằng đoạn văn trong phiếu học tập như một cách tỏ bày sự tri ân và tinh thần trách nhiệm với các thế hệ đi trước.

CHIẾU CẦU HIỀN (Cầu hiền chiếu)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: Có thể nhớ lại câu văn về vai trò của hiền tài trong bài *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* của Thân Nhân Trung (Ngữ văn lớp 10), chính sách thu hút người tài ở một số tỉnh, thành phố nước ta trong thời gian vừa qua,...

Mục 2: Cần chế độ, chính sách đãi ngộ với người hiền tài để họ yên tâm cống hiến. Tuy vậy, môi trường làm việc chuyên nghiệp, sự trọng dụng tài năng, tạo điều kiện để họ được dẫn thân, phát triển cũng rất quan trọng.

* Phiếu học tập số 2

Phần *Trong khi đọc*: Chỉ cần bám sát thông tin trong văn bản là có thể thực hiện các yêu cầu. Về mặt nghệ thuật, cần chú ý đến việc sử dụng nhiều điển cố, câu hỏi tu từ, ẩn dụ, cách lập luận chặt chẽ (đi từ tiền đề: người hiền sinh ra là để phụng sự cho đời, đến chỗ phân tích thực trạng người hiền còn chưa tích cực ra giúp triều đại mới, bối cảnh đất nước trong buổi đầu đại định đang cần đến trí tuệ, tấm lòng của người hiền, từ đó khuyến khích người hiền bằng nhiều con đường có thể ra giúp vua, giúp nước).

* Phiếu học tập số 3

Phòng đoán giúp người đọc phân tích hiệu quả tác động của bài chiếu. HS căn cứ vào từng phần để đưa ra phỏng đoán, miễn có căn cứ là được. Một số ý phỏng đoán có thể quan tâm như: tự nhận ra hành xử của mình là chưa phù hợp; thay đổi định kiến về vua Quang Trung và triều đại Tây Sơn; phấn khởi, tin tưởng, khát khao ra giúp vua, giúp nước. Cũng có thể có những người nhận thức ra điều này, điều kia, sự định kiến của bản thân, song ngoài bài chiếu, họ vẫn cần thời gian để kiểm chứng điều nhà vua nói rồi mới nhập cuộc vào vận hội mới; hoặc do những nỗi niềm riêng, họ có thể chưa ra giúp nước ngay nhưng lòng đã thâm ưng thuận, hướng về,...

* Phiếu học tập số 4

HS cần đọc lướt các văn bản để xem cách ứng xử cụ thể với người hiền tài của các bậc hiền nhân, hoặc cách các hiền tài thể hiện tấm lòng, trách nhiệm với dân tộc, đất nước để nhập vai, đưa ra lời Trên lớp, GV có thể tổ chức cho nhóm HS vào vai và thể hiện cuộc giao tiếp.



HAI ĐỨA TRẺ

* Phiếu học tập số 1

Mục 1a: Dựa vào hình ảnh gợi dẫn, HS nhớ lại văn bản *Cốm – một thứ quà của lúa non* của nhà văn Thạch Lam đã được học ở lớp 7, ghi lại văn tắt điều đã biết về tác giả, tác phẩm này (ví dụ: tên văn bản, ấn tượng của bản thân về văn bản, về giọng văn,... của tác giả Thạch Lam).

Mục 1c: Chỉ đọc nhan đề và dựa vào những hiểu biết đã có trong mục 1a, 1b, HS có thể đưa ra dự đoán của mình về nội dung câu chuyện. Các dự đoán này chỉ cần có căn cứ là được, không nhất thiết phải đúng như nội dung của văn bản. Chẳng hạn, HS có thể dự đoán nhân vật của truyện là hai đứa trẻ, về ước mơ, về những niềm vui, niềm hạnh phúc của chúng,...

Mục 2: HS chia sẻ tự do những điều cần có để cho trẻ em cảm thấy an toàn, hạnh phúc và giúp trẻ lớn khôn trong cuộc sống, ví dụ: trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, cần những cái ôm ấm áp của vòng tay bố mẹ, cần có lời ru để nuôi lớn tâm hồn, cần có không gian để chơi, để bắt đầu trải nghiệm cuộc sống,...

* Phiếu học tập số 2

Từ các chi tiết trong văn bản được liệt kê văn tắt vào các mục 1, 2, 3, 4, 5, HS có thể hình dung mình đang nhìn thấy một phố huyện như thế nào, có ấn tượng đặc biệt gì,... Chẳng hạn như ấn tượng về một phố huyện đầy bóng tối, bóng tối vật lí và bóng tối biểu tượng cho cuộc đời của những con người sống leo lét, mòn mỏi như ngọn đèn dầu chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ; ánh sáng rất ít ỏi, như bị lấn lướt, nuốt chửng bởi bóng tối đó; cảm giác gai người trước tiếng cười khanh khách lẫn dần vào bóng tối của bà cụ Thi điên, gợi ra ám ảnh về kết thúc buồn của cuộc sống người dân phố huyện; cảm giác về nhịp sống đơn điệu, tẻ nhạt như tàu không đổi chuyển của thế giới phố huyện,...

* Phiếu học tập số 3

Hoàn cảnh sống của "hai đứa trẻ" có thể gợi lên trong người đọc sự đồng cảm, xót thương, sự trân trọng trước khao khát hướng về ánh sáng,... Thiên nhiên buổi chiều quê gợi lên trong lòng "hai đứa trẻ" "nỗi buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn", cảm giác yên tĩnh,... Hoàn thành các mục còn lại theo cách tương tự.

* Phiếu học tập số 4

Dòng tâm trạng của "hai đứa trẻ" khi đêm về được tác giả tái hiện như một thước phim. HS dựa vào văn bản để liệt kê chi tiết vào các mục 1, 2, 3, 4. Trên cơ sở đó, có thể nhận ra tâm trạng khắc khoải khi chờ đợi chuyến tàu đêm của "hai đứa trẻ". Chúng hướng ánh mắt lên vũ trụ để tìm kiếm ánh sáng của sông Ngân Hà, con vịt theo sau ông Thần Nông, để tạm thời thoát ra khỏi bóng tối xung quanh, nhưng vũ trụ bao la và thăm thẳm với tâm hồn chúng, làm mỗi trí nghĩ. Gánh phở của bác Siêu đánh thức kí ức đẹp đẽ, hạnh phúc trong lòng "hai đứa trẻ", tiếng trò chuyện của chị Tí, tiếng đàn bầu của bác xẩm, khung cảnh đầy bóng tối của phố huyện và ngọn đèn con thừa thốt từng hột sáng... gợi lên cuộc sống vất vả, nhịp đời đơn điệu, phận người bé nhỏ, leo lét, mòn mỏi, thiếu ánh sáng, chẳng tương lai... làm cho "hai đứa trẻ" thấy đồng cảm, xót thương, thấy mong mỏi làm sao một nhịp đời khác, nguồn ánh sáng khác, thế giới "khác hẳn" khác. Vì vậy, chúng dấu buồn ngủ riu riu mắt vẫn cố thức đợi con tàu.

Có thể chọn một số chi tiết (hình ảnh, câu văn) để lại ấn tượng đặc biệt, nổi ám ảnh cho người đọc, ví dụ: chi tiết ngọn đèn con, chi tiết nỗi nhớ về Hà Nội với những cốc nước lạnh xanh đỏ, Hà Nội nhiều đèn quá! Câu văn "Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng hơn cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ",... Mỗi chi tiết có thể để lại cảm giác day dứt và nổi ám ảnh khác nhau, HS cần đọc kĩ để tự lí giải vì sao mình lựa chọn chi tiết đó.

* Phiếu học tập số 5

Chú ý đến sự so sánh trong cảm nhận của "hai đứa trẻ", con tàu không chỉ khác mà còn "khác hẳn", khác đến tuyệt đối, khác đến thềm muốn, say mê. Sự "khác hẳn" này chủ yếu tập trung ở hai ấn tượng nổi lên là ánh sáng và âm thanh. Vì vậy, HS cần đối sánh hai điều này giữa thế giới của phố huyện mà "hai đứa trẻ" và bao người dân khác đang sống với thế giới mà con tàu mang đến trong khoảnh khắc. Con tàu đã làm thức dậy Hà Nội xa xăm, sáng rực, vui vẻ, huyên náo,... cũng là



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

ấn tượng về ánh sáng, âm thanh. Đó là kí ức hạnh phúc, đẹp đẽ. Con tàu cũng "giống lên một cái gì đó còn ở tương lai" (Nguyễn Tuân). Phỏng đoán xem "hai đứa trẻ" mong ước gì về tương lai. Nhưng dù mong ước gì thì vẫn là "bao giờ cho đến ngày xưa" mà thôi, vì thế đầy hoài vọng, tiếc nuối và tội nghiệp, day dứt. Có thể thấy tác giả đã sử dụng hình ảnh có tính biểu tượng là chuyến tàu đêm, miêu tả con tàu trong cảm nhận thị giác, thính giác, cảm giác với những so sánh rất con trẻ đến nao lòng, giọng văn thiết tha,... là những đặc sắc nghệ thuật tiêu biểu. Từ đó, có thể thấy hình ảnh chuyến tàu đêm thể hiện tấm lòng xót thương của nhà văn, sự trân trọng ước mong hướng về ánh sáng, ước mong đổi đời dầu là mơ hồ của nhân vật, sự lay tỉnh những tâm hồn đang có nguy cơ bị chìm ngìm trong "cái ao đời phẳng lặng",...

* Phiếu học tập số 6

Tìm trong văn bản để chỉ ra vị trí của mỗi chi tiết, ghi lại văn tắt sự miêu tả của nhà văn về từng chi tiết. Trước hết chúng là các chi tiết tả thực, đó là ánh sáng của ngọn đèn chị Tí và Liên chong lên mỗi đêm trên cái chõng nhỏ, trong gian hàng tạp hoá "nhỏ xíu" để bán hàng và chờ đợi chuyến tàu. Nhưng chúng là các chi tiết có ý nghĩa biểu tượng. Ánh sáng của ngọn đèn có thể là biểu tượng cho cuộc sống nhỏ nhoi, mòn mỏi, tội nghiệp, quẩn quanh, đầy bóng tối,... của người dân phố huyện. Ánh sáng của con tàu có thể là biểu tượng cho niềm vui, hạnh phúc, cho những kí ức tươi đẹp đã đi qua và chỉ còn là hoài vọng, cho một thế giới của mơ ước,... Các chi tiết này được tác giả thể hiện bằng thủ pháp tương phản. Trong sự tương quan đối lập này, cái nhỏ nhoi, quẩn quanh càng trở nên bé nhỏ, tội nghiệp, mòn mỏi, day dứt hơn; ánh sáng của đoàn tàu mới thực sự trở thành một "lực hấp dẫn" không gì cưỡng lại được với tâm hồn "hai đứa trẻ" và người dân phố huyện.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: HS tìm thông tin trong văn bản. Về thời gian, chú ý là thời gian xảy ra của cả câu chuyện, chứ không phải chỉ thời gian của cảnh cho chữ cuối tác phẩm.

Mục 2: HS cần chỉ ra để phân tích trên bình diện xã hội, quản ngục là người cai tù, người đại diện cho trật tự của xã hội phong kiến, Huấn Cao là tù nhân, là kẻ phản loạn, dám dấy binh chống lại triều đình, thực hiện lí tưởng "chọc trời quấy nước". Như vậy, quan hệ giữa họ đối lập nhau một cách gay gắt. Nhưng trên bình diện nghệ thuật, Huấn Cao là người nghệ sĩ, người sáng tạo ra cái đẹp, còn quản ngục lại là một tâm hồn yêu thiết tha cái đẹp, trọng người tài. Họ trở thành những tâm hồn đồng điệu, tri âm, tri kỉ khi đã hiểu nhau. Hai kiểu quan hệ này tạo nên kịch tính cho câu chuyện. Quản ngục tìm mọi cách để đi đến cùng niềm thiết tha mong mỏi của mình (ông ta cho dọn dẹp buồng giam, tiếp đón khi Huấn Cao đến, cho người mang rượu và đồ nhắm vào buồng giam, đến tận buồng tối để hỏi Huấn Cao cần gì thêm mà lo cho chu tất,...). Trong khi đó, Huấn Cao thể hiện sự lạnh lùng, khinh bạc đến điều (điềm nhiên nhận đồ nhắm, trả lời thẳng thắn, bắn khoăn trước cách ứng xử của quản ngục...). Những hành động này tạo ra độ căng, tính chất éo le, bất ngờ của tình huống truyện. Truyện kết thúc bằng sự việc Huấn Cao đồng ý cho chữ trong buồng tối vào đêm trước ngày vào kinh để ra pháp trường. Sự việc kết thúc này khẳng định sức mạnh và sự chiến thắng của cái đẹp.

* Phiếu học tập số 3

HS tìm chi tiết về các vẻ đẹp của nhân vật trong văn bản. Chú ý, có những chi tiết thể hiện nhân vật một cách gián tiếp (ví dụ, tác giả miêu tả sở nguyện của viên quan coi ngục là để làm nổi bật sức hấp dẫn của tài hoa thư pháp Huấn Cao). Phần cảm xúc, suy luận, bình giá... từ chi tiết, HS có thể chọn một vài chi tiết đặc sắc nhất cho mỗi vẻ đẹp để phân tích sâu. Ví dụ, chi tiết "Tính ông vốn dĩ dẫn của chữ Huấn Cao. Đó không chỉ là sự vuông vức, đầy đặn ân tình, là tài hoa rỗng bay phượng thuật" riêng của nó, ở đó không có "vàng bạc", "quyền thế", không có "tiếng reo phàm tục của đồng người" "chọc trời quấy nước"...



*** Phiếu học tập số 4, 5**

Phiếu số 4 phân tích cảnh cho chữ để làm nổi bật sự hoà kết của tài, tâm, khí phách Huấn Cao. Phiếu số 5 giúp HS phân tích cảnh cho chữ để làm nổi bật "cảnh tượng xưa nay chưa từng có" như bình luận của người kể chuyện. Với hai phiếu học tập số 4 và 5, tùy theo yêu cầu, GV có thể chọn cho HS làm một phiếu trong giờ học và một phiếu để ôn tập sau giờ học.

*** Phiếu học tập số 6**

Phiếu này hướng dẫn HS phân tích nhân vật viên quản ngục gắn với tình huống truyện, qua đó không những cho thấy vẻ đẹp của ngục quan mà còn giúp nhận ra vai trò của nhân vật này với việc thể hiện hình tượng Huấn Cao và chủ đề của truyện. Không có quản ngục, vẻ đẹp của Huấn Cao không thể phát sáng. Không có quản ngục, giá trị, sức mạnh kì diệu của cái đẹp không được thể hiện. Quản ngục và Huấn Cao là một cặp nhân vật tồn tại trong mối quan hệ tương hỗ, tạo nên cụm tượng đài thiên lương của tác phẩm. Quản ngục được nhà văn khám phá, bộc lộ dần qua tình huống truyện độc đáo: Cuộc gặp gỡ đặc biệt (kì ngộ) với Huấn Cao. Mọi suy nghĩ, ưu tư, hành động,... của nhân vật quản ngục đều gắn với tình huống này. Tình huống này là cơ hội hiếm hoi và đặc biệt trong đời để quản ngục tìm lại được mình, được vượt thoát thành công ra khỏi cái nhà ngục vô hình về nhân cách, để trở về với những gì hướng thiện, tốt đẹp. Vì vậy, có nhiều cách để cảm nhận về nhân vật quản ngục, nhưng cảm nhận từ phương diện bám theo tình huống truyện sẽ tạo cơ hội để sáng tỏ nhiều điều trong quan niệm thẩm mĩ của Nguyễn Tuân.

*** Phiếu học tập số 7**

HS nhập vai các nhân vật để ghi vắn tắt ý kiến của mình, sau đó tiến hành cuộc giao tiếp văn học trên lớp. Ví dụ, với các nghệ sĩ biểu diễn âm nhạc dân tộc trên phố đi bộ Hà Nội, việc "bảo tồn" đối với các di sản văn hoá của tiên nhân là làm cho các di sản ấy sống và cất tiếng nói trong thế giới đương đại; là giản dị thôi, đưa âm nhạc dân tộc đến thật gần, thật thân thiện, thật hay và thật đậm mê tới mọi người dân,...

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA (Trích Số đỏ)

*** Phiếu học tập số 1**

Mục 1a: HS đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK và chia sẻ ấn tượng đặc biệt của mình về tác giả, tác phẩm. Ấn tượng có thể đến từ thông tin về tiểu sử, con người, sự nghiệp sáng tác hay nội dung tác phẩm. Ví dụ: *Ấn tượng về hoàn cảnh "nghèo gia truyền" (Ngô Tất Tố) của Vũ Trọng Phụng; ấn tượng về sức sáng tác dồi dào, mãnh liệt của nhà văn; ấn tượng về cuộc đời của một con người tài hoa mà bạc mệnh,...* HS cần đưa thêm các chi tiết thông tin cụ thể về tác giả, tác phẩm để chứng tỏ ấn tượng của mình là có cơ sở nhất định.

Mục 1b giúp HS ghi nhớ được nội dung cơ bản của cốt truyện ngay cả khi chưa đọc trọn vẹn tiểu thuyết *Số đỏ*. HS đọc *Tiểu dẫn*, dựa vào phần tóm tắt văn bản để lược lại các sự việc chính như: Xuân Tóc Đỏ mồ côi từ bé, kiếm sống bằng bất cứ nghề gì có thể; Xuân bị bắt giam, được bà phó Đoan giúp và bắt đầu gặp "số đỏ" khi thâm nhập vào xã hội thượng lưu. Hắn được nhận danh hiệu "sinh viên trường thuốc", "đốc tờ Xuân", làm "cố vấn cho báo *Gõ mõ*". Hắn quyến rũ Tuyết và gây ra cái chết của cụ cố tổ – ông nội của Tuyết nên được gia đình Tuyết ghi ơn. Xuân tiếp tục trở thành "bạc vĩ nhân", "anh hùng cứu quốc", được thưởng Bắc Đẩu bội tinh, vào Hội Khai trí tiến đức và làm con rể cụ cố Hồng.

Mục 2 giúp HS rèn luyện khả năng dự đoán, suy luận ban đầu khi tiếp xúc với nhan đề văn bản dựa trên tổng quan về tác phẩm và trải nghiệm của bản thân. Điều người đọc băn khoăn khi tiếp xúc với nhan đề là sự kết hợp rất trái với tự nhiên, với đạo lí con người. Tang gia là mất mát, vì vậy chỉ có đau buồn, bất hạnh, thế mà ở đây lại là hạnh phúc thì quả thực rất bất thường. Ngay trong nhan đề đã hiện ra mâu thuẫn giữa "tang gia" và "hạnh phúc". HS có thể phỏng đoán đây chắc là câu chuyện về những đứa con bất hiếu, chúng sẽ được chia tài sản, được chiếm vị trí lãnh đạo,... của người thân vừa nằm xuống chẵn. Mọi phỏng đoán đều có giá trị nếu có căn cứ hợp lí.

*** Phiếu học tập số 2**

Mục 1: Sự việc trung tâm tạo ra tiếng cười phê phán, đả kích trong văn bản là niềm sung sướng,



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

hạnh phúc của đám con cháu bất hiếu khi cụ cố tổ qua đời. Sự việc này làm hiện ra mâu thuẫn trào phúng giữa "tang gia" và "hạnh phúc".

Mục 2: HS chỉ đơn thuần tìm và liệt kê các chi tiết thể hiện trong văn bản theo nội dung vấn đề được đặt ra. Các chi tiết này được thể hiện ở hầu hết các đối tượng là con cháu và những người ngoài tang quyến có tham dự đám tang. Ví dụ: ông Phán mọc sừng hạnh phúc vì được "thêm một số tiền là vài nghìn đồng", hạnh phúc của cụ cố Hồng là được mặc đồ xô gai, lụ khụ, vừa chống gậy vừa mếu máo khóc để thiên hạ phải chỉ trích: "Úi kìa, con giai nhớn đã già đến thế kia kìa"...

Mục 3: Bút pháp trào phúng được sử dụng ở đây là giọng văn mỉa mai, chân dung biếm hoạ cá nhân và tập thể, thủ pháp cường điệu và đối lập,... làm bật ra tiếng cười phê phán. Từ niềm "hạnh phúc" này, tác giả lên án sự vô đạo, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa của đám con cháu trong gia đình cụ cố Hồng. Đồng thời, tác phẩm cũng giống lên hồi chuông cảnh báo về tình trạng giả dối, lố lăng, vô đạo đức của cả xã hội "thượng lưu" thành thị chạy theo phong trào "Âu hoá" rôm rôi đương thời.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Sự "to tát" của đám ma hiện ra ở số lượng câu đối, người đi đưa,... (HS liệt kê chi tiết trong văn bản). Nhưng tất cả chỉ khiến người ta hình dung ra trước mắt mình một đám hội, đám rước, một sân diễn,...

Mục 4: Điểm giống nhau của tất cả mọi người trong đám tang là họ đều đang diễn trò hiếu nghĩa, đang biến đám tang thành sân khấu bi hài kịch. Không một ai trong số họ quan tâm đến người đang nằm trong quan tài.

Mục 5: Điệp khúc "Đám cứ đi..." gợi ra sự hài hước đặc biệt. Đám đi như quán tính, đi trong đứng vững vô cảm. Cứ đi như tự nó trôi từ nhà đến huyệt. Còn tất cả người đi đưa cũng đi theo quán tính đó vì họ còn đang bận đến vô vàn những thứ khác mà tuyệt nhiên không có liên quan đến người đã mất. Giữ nhịp cho điệu "cứ đi" là vô vàn âm thanh hổ lốn của kèn Ta, kèn Tây, kèn Tàu. Chúng đồng thanh vang lên để phô trương và khoả lấp, để cho đám đông được bàn tán mà không "lộ vớ".

Mục 6: Lời nhận xét của người kể chuyện: "Thật là một đám ma to tát có thể làm cho người chết nằm trong quan tài cũng phải mỉm cười sung sướng, nếu không gật gù cái đầu". Câu văn được viết với giọng điệu mỉa mai, thủ pháp cường điệu hoá, lối nói phản ngữ để tạo ra tiếng cười phê phán.

Mục 9: Từ tác phẩm thấy vang lên hồi chuông cảnh báo tình trạng xuống cấp về mặt đạo đức, phê phán thói giả dối, lố lăng, vô đạo, đồi bại của xã hội "thượng lưu" thành thị đương thời. Đồng thời, tác phẩm cũng là lời nhắc nhở, cảnh tỉnh về những thứ "hạnh phúc đen" có thể vẫn đang tồn tại ở đâu đó xung quanh mỗi chúng ta.

Phiếu học tập số 4

Tiếng cười là một vũ khí trí tuệ sắc sảo của người mạnh. Đó là một trong những cách để con người tổng tiếm cái xấu, tự cảnh tỉnh bản thân. Biết nhìn ra những thói xấu trong xã hội để lên án giúp chúng ta trở nên sắc sảo, trưởng thành hơn trong cuộc sống. HS có thể khắc hoạ chân dung biếm hoạ bằng ngôn từ hoặc bằng nét vẽ để phê phán các hiện tượng này. GV nên lưu ý HS chọn được những hiện tượng "diễn trò" đạo đức giả trong xã hội có ý nghĩa khái quát, có tính phổ biến.

CHỈ PHÈO

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: Hình ảnh trong phiếu gợi liên tưởng đến tình cảm gắn bó, yêu thương mà lão Hạc dành cho con chó Vàng. HS nhớ lại ấn tượng đặc biệt của mình về tác phẩm này và chia sẻ với các bạn.

Mục 2: Để vẽ sơ đồ tư duy có thể quan tâm đến một số thông tin chính như: Về tiểu sử, gồm: tên thật của tác giả, năm sinh – năm mất, gia đình, quê quán, cuộc đời viết văn và cuộc đời "giáo khổ trường tư" trước Cách mạng, tinh thần hăng hái phục vụ cách mạng – "sống đã rồi hãy viết", sự hi sinh của tác giả. Về con người, gồm các thông tin: bề ngoài lạnh lùng ít nói nhưng đời sống nội tâm phong phú, sôi sục; là người trí thức "trung thực vô ngần"; là người có tấm lòng đôn hậu, chứa chan tình yêu thương, gắn bó sâu nặng với quê hương, với những người nông dân nghèo khổ, bất hạnh. Về tác phẩm văn học, liệt kê các tác phẩm (theo SGK). Về quan điểm nghệ thuật,



gồm các thông tin: quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh; khẳng định tác phẩm có giá trị phải chứa đựng giá trị nhân đạo cao cả; đề cao cá tính sáng tạo của nhà văn (*Cần lựa chọn và đưa các dẫn chứng tiêu biểu từ SGK để cụ thể hoá nhánh của sơ đồ*). Về các đề tài chính: Trước Cách mạng: đề tài người trí thức nghèo và đề tài người nông dân nghèo (*tên tác phẩm tiêu biểu cho mỗi đề tài, nội dung chính của các tác phẩm thuộc đề tài, giá trị của các tác phẩm thuộc đề tài*); sau Cách mạng: kể tên được tác phẩm tiêu biểu, giá trị cơ bản của các tác phẩm đó.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Liệt kê được các nhan đề của truyện và lí giải: *Cái lò gạch cũ*: Nhan đề cũng là chi tiết trở đi trở lại trong tác phẩm, nơi Chí bị bỏ rơi từ lúc còn đỏ hỏn, nơi thị Nở thoáng thấy trong đầu mình khi "nhìn nhanh xuống bụng", gợi ra số phận bế tắc, khốn khổ của người nông dân, gợi ấn tượng mạch chính của truyện là sự tha hoá của người nông dân. Nhan đề *Đôi lứa xứng đôi* do nhà xuất bản tự ý đổi khi in thành sách lần đầu, nhấn vào mối tình người – ngợm giữa Chí Phèo – "con quỷ dữ của làng Vũ Đại" và thị Nở – người đàn bà "xấu ma chê quỷ hờn", mang tính giật gân, câu khách, làm sai lệch tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Nhà văn đã đổi tên tác phẩm thành *Chí Phèo* khi in lại trong tập *Luống cày* (1946). Cách đặt tên bằng nhân vật chính rất quen thuộc trong văn Nam Cao. Nhan đề cho thấy một số phận, một cuộc đời, một hiện tượng đầy nhức nhối, ám ảnh.

Mục 2: HS cần đọc và tóm tắt được những sự việc cơ bản theo bố cục: Phần 1: Sự xuất hiện của Chí Phèo; Phần 2: Chí Phèo trở về làng sau mấy năm đi tù, đến nhà bá Kiến rạch mặt ăn vạ, nhưng ốm, buổi sáng thức dậy, bát cháo hành, ước mơ lương thiện, sự cự tuyệt của thị Nở, vác dao đến nhà bá Kiến, đâm chết kẻ thù và tự kết liễu đời mình; Phần 3: Cả làng Vũ Đại bàn tán về cái chết của vắng người qua lại.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Xem đoạn văn mở đầu để hoàn thành, ví dụ: Chí chửi Trời – Phản hồi Chí nhận được từ tiếng chửi này là: *Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào?...* – Thái độ, cảm xúc của Chí khi nhận được phản hồi này là: *Tức mình...* (mục 1c này liệt kê chung, không phân chia thành các ô dựa trên thực tế trần thuật của người kể chuyện trong văn bản). Làm tương tự với các ô còn lại.

Mục 2: Tiếng chửi của Chí nhìn bên ngoài là chửi đồng, có vẻ vu vơ của một kẻ nát rượu, nhưng ở bề sâu là sự khao khát được giao tiếp với cộng đồng, bằng mọi cách để khiêu khích cho người ta ra điều với mình. Cho nên có thể thấy sau tiếng chửi là sự cô đơn, cô độc, đau khổ, uất ức,... "Trật tự" tiếng chửi của Chí từ chung chung đến việc "hướng đích" rõ dần ra, cố gắng tìm mọi cách hướng vào "đối tượng" để buộc đối tượng giao tiếp với mình, điều đó cho thấy mong muốn được đáp lại, được cộng đồng thừa nhận ở nhân vật mãnh liệt ngay cả trong tiềm thức, vô thức. Việc "chửi đứa chết mẹ nào lại để ra thân hấn cho hấn khổ đến nông nỗi này" không đơn thuần chỉ là hướng đến mạch kể về chuyện Chí được sinh ra bởi một người đàn bà khốn khổ nào đó đã bỏ rơi con ở cái lò gạch bỏ không, mà còn nói với người đọc, câu chuyện sẽ đi tìm lời cắt nghĩa cho một câu hỏi lớn: Cái gì đã "đề ra" hiện tượng Chí Phèo? Điều gì đã đẩy một con người tử tế, hiền lành đến chỗ trở thành con quỷ dữ? Điều gì đã dẫn đến việc con người ta muốn làm người, muốn lương thiện, muốn giao tiếp với cộng đồng lại không thể được?... Trả lời tương tự với các câu hỏi còn lại. Trên cơ sở phiếu học tập đã hoàn thành, HS tự tổ chức lại theo diễn đạt của bản thân để trình bày bằng lời phân phân tích đoạn văn mở đầu.

* Phiếu học tập số 4

Phiếu học tập này chủ yếu giúp HS biết cách "đọc suy luận" – đọc ra các thông tin không được hiển thị trực tiếp trên văn bản nhưng có thể được gợi ra từ văn bản, từ trải nghiệm của người đọc. Bất cứ suy luận nào cũng có thể được chấp nhận nếu có những căn cứ phù hợp. Ví dụ, có thể suy luận khi nhập vai Chí: *Ta chửi trời vì trời cứ ở trên đó mà cười nhạo giễu cợt ta, tại sao ăn ở với ta bất công như thế này... Trời ơi là trời! Trời là tất cả đấy, sao không ai lên tiếng? Câu "trả lời" khi nhập vai làng Vũ Đại có thể là: Mi chửi trời để trách móc, khiêu khích ư? Muốn chúng ta đáp lại ư? Nhưng chúng ta cứ im lặng đấy. Có hề gì đâu, trời có của riêng nhà nào?*



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

Trên cơ sở phiếu học tập đã chuẩn bị của HS, GV có thể tổ chức cho các HS nhập vai, thể hiện trên lớp: Một học sinh vào vai Chí Phèo đứng ở trên bục giảng hướng xuống phía lớp học. Các HS còn lại vào vai làng Vũ Đại. Thực hiện "cuộc giao tiếp ngầm" bằng cách Chí Phèo nói, làng Vũ Đại dùng vở che mặt và đáp. Sau khi thực hiện hoạt động, HS lí giải vì sao được yêu cầu sử dụng "đạo cụ" như vậy và bản thân hiểu được gì về Chí, về thái độ của cộng đồng đối với Chí khi vào vai các nhân vật.

* Phiếu học tập số 5

Mục 4: HS có thể nhận ra nguyên nhân dẫn đến sự tha hoá của Chí là do sự ghen tuông, cách trị người nham hiểm của bá Kiến, do nhà tù thực dân. Nên suy nghĩ thêm, liệu Chí có phải chịu trách nhiệm về sự tha hoá của mình không, cộng đồng làng Vũ Đại có phải chịu trách nhiệm gì không,...

Khi trả lời câu hỏi ở mục 5, HS nên suy nghĩ xem có phải chỉ đến khi bị thị Nở cự tuyệt, Chí Phèo mới nhận ra kẻ thù của mình không. Lần thứ nhất đến nhà bá Kiến liệu Chí Phèo có mơ hồ nhận thấy đây là kẻ thù của mình không? Vì sao lần đó Chí lại thất bại trong việc "nhận mặt" kẻ thù?...

Mục 6: Có thể suy nghĩ theo các hướng: Thông điệp về sự thật đau đớn, nhức nhối nào ở làng quê Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám? Thông điệp cảnh báo như thế nào về tình trạng tha hoá của con người do tác động của môi trường thiếu nhân tính?...

* Phiếu học tập số 6, 7

Các phiếu học tập này lấy ý tưởng "Người ta là hoa đất". Phần các cánh hoa (mục 1a, 1b, 1c) HS chỉ cần đọc và gạch chân các thông tin từ văn bản và đưa vào. Trên cơ sở đó, sẽ thấy quá trình đang hồi sinh của Chí với những giác quan người, cảm xúc người, khát vọng người. Phần nhị hoa là cắt nghĩa về nguyên nhân dẫn đến sự thức tỉnh. Có thể quan tâm đến các yếu tố như: Cuộc gặp gỡ với thị Nở và những thay đổi về sinh lí, trạng thái, sự quan tâm chăm sóc của thị Nở thể hiện trong chi tiết bát cháo hành. Từ cơ sở phiếu học tập của HS, trên lớp GV tổ chức cho HS trình bày, đi sâu phân tích, bình luận về các chi tiết đặc sắc – ví dụ chi tiết bát cháo hành.

* Phiếu học tập số 8

Phiếu này hướng dẫn HS đọc sâu phần văn bản về bị kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo. Sơ đồ cho thấy Chí đang ở đỉnh cao của hi vọng mang tên giấc mơ lương thiện, với tất cả sự tin tưởng vào chuyện "thị Nở sẽ mở đường cho hắn". Thế nhưng, giấc mơ đó bị dập tắt phũ phàng khi thị sang trút vào mặt hắn tất cả lời lẽ của bà cô rồi "ngoay ngoáy cái miệng dít đi ra về".

Các mục 1, 2, 6: HS tìm chi tiết trong đoạn văn bản để trả lời. Các câu hỏi còn lại đòi hỏi phải suy luận, cắt nghĩa, hình dung tưởng tượng. Thị Nở đang phát ngôn cho làng Vũ Đại, về định kiến Chí chỉ có thể là quỷ dữ, không thể là người. Thái độ này rất giống với sự cự tuyệt ở đoạn mở đầu. Điều khác biệt là trong đoạn mở đầu, thông điệp được truyền tải gián tiếp qua thái độ im lặng tuyệt đối, còn ở đây được phát ngôn "trực tiếp" qua lời bà cô thị Nở, được "truyền khẩu" qua thị để đến với Chí Phèo giữa lúc Chí đang say sưa hi vọng được bước chân trở lại vào "cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện". Làm tương tự như vậy với các mục còn lại.

Mục 10: HS có thể trả lời nhiều phương án, chỉ cần có "điểm tựa" lí giải thuyết phục là được.

* Phiếu học tập số 9

Đây là phiếu học tập giúp HS kết nối văn học với đời sống. Hãy đọc kĩ hai văn bản để tự hỏi và trả lời xem Chí Phèo trong truyện của Nam Cao và người đàn ông mang tên Ngô Văn Kỳ ở văn bản đã cho đã "vịn" vào điều gì để có thể hi vọng trở lại xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện.

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI (Trích Vũ Như Tô)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS kể ra được một số công trình kiến trúc cổ độc đáo trên đất nước ta như: chùa Một Cột, chùa Keo, tháp Báo Thiên, Hoàng thành Thăng Long,... Để xây dựng được các công trình đó, cần đến rất nhiều yếu tố, trong đó có trí tuệ, ý tưởng nghệ thuật của người sáng tạo và bàn tay tài hoa, sự đóng góp công sức của thợ thuyền, nhân dân,...



* Phiếu học tập số 2

Mục 1, 2: HS dựa vào văn bản để tóm tắt và liệt kê chi tiết. Các chi tiết chỉ dẫn về ánh sáng và âm thanh tạo ra cảm nhận về hiệu ứng sân khấu đối với người đọc, làm tăng kịch tính của hoàn cảnh, tạo điều kiện để nhân vật thể hiện xung đột kịch. HS có thể có ấn tượng ban đầu về đoạn trích như: về không khí hỗn loạn, đầy biến động của kinh thành Thăng Long, về sự dữ dội, quyết liệt của xung đột kịch, về nỗi khắc khoải trước câu hỏi: "Ta tội gì?", "Ta không có tội" của Vũ Như Tô,...

* Phiếu học tập số 3

Với Lê Tương Dực, Cửu Trùng Đài là chốn ăn chơi xa hoa, trác táng, là nơi vua vui chơi với các cung nữ. Với nhân dân, ban đầu họ đứng về phía Vũ Như Tô, cùng xây dựng Cửu Trùng Đài để dựng kì công muôn thuở cho đất nước. Nhưng rồi, khi bị đẩy vào hoàn cảnh khốn cùng do thuế quan trên bờ xuống, mạng người bị gạch đá vùi chôn, họ thấy Cửu Trùng Đài trở thành hiện thân của tội ác, của sự ăn chơi, Vũ Như Tô trở thành kẻ thù của họ. Còn với Vũ Như Tô, Cửu Trùng Đài là giấc mơ nghệ thuật, thoả mãn cơn khát của sự sáng tạo, Cửu Trùng Đài là cả phần hồn, phần xác, là tất cả cuộc đời ông. Những cái nhìn đối lập như vậy là hiện thân của mâu thuẫn giữa hôn quân bạo chúa với dân chúng khổ cực, lầm than. Mâu thuẫn này kết thúc bằng "loạn" và "biến", "dân nổi can qua" theo đúng quy luật "có áp bức thì có đấu tranh". Mâu thuẫn đã được giải quyết từ nguyên nhân của nó, kẻ xa hoa, bạo chúa phải đền tội. Mâu thuẫn thứ hai trong vở kịch là mâu thuẫn giữa khát vọng nghệ thuật thuần tuý muôn đời của người nghệ sĩ và lợi ích thiết thực của quần chúng nhân dân. Người nghệ sĩ chỉ quan tâm đến việc theo đuổi giấc mơ nghệ thuật mà không thấy dân chúng đã điêu linh, khốn khổ, bị vắt kiệt cả sinh kế và sinh mạng. Dân chúng vì cảm phẫn kẻ đã bóc lột sức lực và mạng sống của mình để xây đài làm chốn ăn chơi xa xỉ đã trút tất cả nỗi lòng và sự căm giận vào người nghệ sĩ sáng tạo cái đẹp. Kết cục của mâu thuẫn này rất dữ dội: Cửu Trùng Đài bị đốt, Vũ Như Tô bị giết. Nhưng mâu thuẫn vẫn chưa được giải quyết triệt để: Dân chúng vẫn hiểu Vũ Như Tô là kẻ thù. Còn Vũ Như Tô vẫn chưa hết bàng hoàng vì sao một việc quang minh chính đại là tạo cái đẹp điểm tô cho đất nước lại bị dân chúng "hiểu lầm" để kết tội một cách đau đớn.

* Phiếu học tập số 4

Phần mô tả tình thế cần dựa vào mục tóm tắt trong Phiếu học tập số 2. Trước mỗi tình thế này, phản ứng cơ bản của Vũ Như Tô là khẳng định không trốn; luôn cho mình đúng, mình không có tội, dân chúng hiểu lầm, hành động của thợ thuyền, quân phản loạn là "vô lí"; muốn được phân trần, giảng giải;... Tất cả những phản ứng này cho thấy Vũ Như Tô không hiểu tình thế thực sự đang diễn ra. Ông vẫn đang mơ mộng với giấc mơ Cửu Trùng Đài, tin rằng ai cũng hiểu như mình. Mơ mộng được đẩy đến cực điểm khi Đan Thiềm đã bị quân khởi loạn kéo đi mà ông vẫn nghĩ mình sẽ tiếp tục xây đài, rồi có thể giảng giải để mọi người thấu lòng ông, hiểu giấc mơ sáng tạo của ông;... Vì thế khi chúng kiến Cửu Trùng Đài thực sự bị đốt, Vũ Như Tô vô cùng đau đớn, tuyệt vọng;... HS dựa vào văn bản để tưởng tượng bối cảnh hỗn loạn của tình thế, ánh sáng bùng bùng của đài Cửu Trùng bị cháy, tàn than, khói bụi bay vào, tiếng rú đau đớn của Vũ Như Tô, ánh mắt tuyệt vọng, cảm giác "chết cả con người" khi rơi từ Cửu Trùng Đài với vợi độ cao của mơ ước xuống đáy thẳm của sự tuyệt vọng, phẫn nộ khi thấy Cửu Trùng Đài bị tàn phá, dập vùi, huỷ diệt trong cơn rửa thù hằn hê, mê muội;... của đám đông dân chúng khốn khổ. Nhà văn thể hiện thái độ đồng cảm sâu sắc, đau cùng nỗi đau nhân vật, nhưng không đồng tình hoàn toàn với Vũ Như Tô vì chân lí chỉ thuộc về ông một nửa, một nửa kia lại thuộc về quần chúng nhân dân.

* Phiếu học tập số 5

Mục 2 chính là suy luận, cắt nghĩa về hành động của nhân vật. Nói chung, nếu Vũ Như Tô mơ mộng thì Đan Thiềm là người thực tế, nhận ra tình thế vô cùng nguy hiểm cho sinh mạng của nghệ thuật cũng như sinh mạng của người sáng tạo ra nghệ thuật. Đan Thiềm cũng là người tận lòng với Vũ Như Tô và giấc mơ Cửu Trùng Đài của ông, là người tri kỉ, thấu hiểu cơn khát nghệ thuật trong lòng họ Vũ. HS dựa vào thông tin trong văn bản để tưởng tượng: dáng điệu, ánh mắt, giọng nói van lơn, thiết tha, giục giã, nỗi đau đớn tuyệt vọng;... của Đan Thiềm khi không thể làm gì khác cho Vũ Như Tô. "Bệnh Đan Thiềm" chính là bệnh say mê cái Tài, cái Đẹp trác tuyệt và tận lòng với điều mình đã say mê.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

* Phiếu học tập số 6

Vở kịch khép lại trong "con say chiến thắng" mê muội của đám đông dân chúng thợ thuyền khi họ hò reo ăn mừng vì giết được "kẻ thù" Vũ Như Tô, đốt được "kẻ thù" mang tên Cửu Trùng Đài. Nhưng khi cơn nóng giận qua đi, rất có thể sẽ có những thức tỉnh đau đớn. Nhiều người có thể khẳng định: "Chúng ta vẫn đúng!". Nhưng chỉ cần một người nào đó thốt lên: "Ta đã sai rồi!" cũng đủ để chúng ta tin có một cái gì đó "vỡ ra" mở đường cho một giác ngộ, dẫu muộn đến đâu vẫn vô cùng cần thiết và có ý nghĩa. Thử hình dung nếu "Chúng ta vẫn đúng!" thì lập luận của "chúng ta" là gì (dựa vào việc phân tích mâu thuẫn thứ hai để đưa ra lí lẽ). Còn nếu nhận ra "Ta đã sai rồi!" thì cần bắt đầu từ việc: Ông Cả là ai? Có phải là kẻ thù của "ta" không? Ông Cả xây Cửu Trùng Đài để làm gì? "Ta" còn lại gì nếu tất cả những người tài có khao khát xây cao đất nước bằng những công trình nghệ thuật như Vũ Như Tô đều bị kéo ra "pháp trường"? "Ta" còn lại gì nếu tất cả những công trình tuyệt mỹ đều không có cơ hội hoài thai và sinh nở chỉ vì "mãi vật lộn quên cả đài cao mộng lớn",... Chấp nhận tất cả các cách viết sáng tạo, miễn là có cơ sở thuyết phục.

TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN (Trích Rô-mê-ô và Giu-li-ét)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: Chia sẻ tự do quan niệm, suy nghĩ của HS về tình yêu.

Mục 2: HS không cần ghi đầy đủ tất cả các thông tin về tác giả, tác phẩm, mà chỉ là những gì mình ấn tượng nhất. Trên cơ sở các từ khoá này, GV có thể gợi dẫn để HS chia sẻ vì sao lại ấn tượng với những điều đó.

* Phiếu học tập số 2

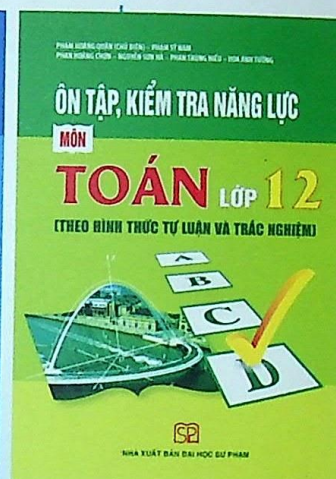
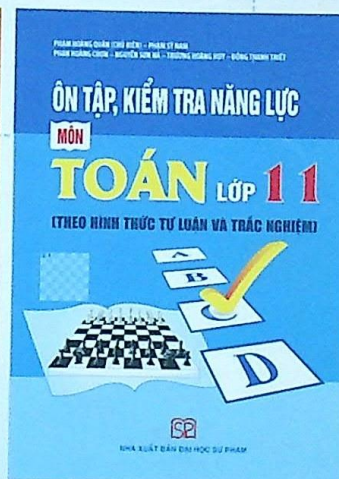
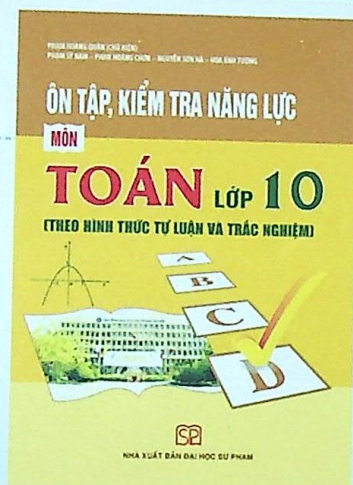
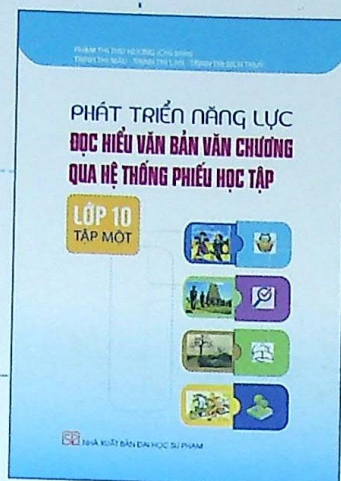
"Đây là phương đông, và nàng Giu-li-ét là mặt trời". Sự so sánh ấy có thể vì những người yêu nhau thường tìm đến nguồn ánh sáng vĩnh hằng của vũ trụ với nhiệt tình tin tưởng tình yêu cũng bất tử và đẹp như vậy. Giu-li-ét lại đột ngột hiện ra ở cửa sổ trên cao trước mặt chàng Rô-mê-ô khi chàng đang khao khát mong chờ, để gợi tới liên tưởng mặt trời loé lên rực rỡ. Rô-mê-ô không so sánh người mình yêu với mặt trăng vì đó là nữ thần sống trinh bạch suốt đời. Mặt trời gọi bình minh thức dậy sau đêm dài, tiếp thêm sức sống cho tạo vật,... Ánh sáng từ mặt trời Giu-li-ét đã khiến Rô-mê-ô ngay lập tức quên đi sự thất bại trong mối tình với Rô-da-lin trước đó, tiếp thêm sức mạnh để chàng vượt lên hoàn cảnh thù địch.

Mục 2, 3: HS tìm thông tin trong văn bản. Hình ảnh ánh sáng trở đi trở lại nhiều lần. Đó là ánh sáng của lí tưởng nhân văn trong thời đại Phục hưng, tôn vinh con người và hạnh phúc của con người. Con người đã vươn lên kích thước vũ trụ và vẻ đẹp của thần thánh. Con người mang ánh sáng của tình yêu vừa trần thế vừa rất đỗi thanh cao. Chú ý đến câu văn mang tính "tuyên ngôn" về tình yêu: Cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm. Tình yêu đã giúp nhân vật vượt qua bức tường đá bảo vệ vườn nhà Ca-piu-lét, bức tường ngăn trở hạnh phúc đến từ mối hận thù truyền kiếp giữa hai dòng họ, bức tường – tình cảm khi trái tim người này chưa biết liệu người kia có rung động với mình, bức tường của lễ giáo phong kiến,...

* Phiếu học tập số 3

Hai tiếng "Ồi chào" có thể là lời thở dài thấp thoáng sự lo lắng vì Giu-li-ét đã biết Rô-mê-ô là con trai nhà Môn-ta-ghiu. Đó còn là mối băn khoăn không biết Rô-mê-ô có yêu mình thật không,... Giu-li-ét vượt qua mối băn khoăn bằng việc lựa chọn theo sự mách bảo của trái tim. Tác giả rất thành công khi sử dụng độc thoại nội tâm để phơi trải tâm hồn Giu-li-ét. Từ câu chuyện về sức mạnh tình yêu trong văn bản, HS liên tưởng đến những "đôi cánh tình yêu" khác ngoài đời sống để hiểu và trân trọng giá trị của tình yêu chân chính.

MỜI BẠN TÌM ĐỌC



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 136 Đường Xuân Thủy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
 Điện thoại: 024.3754.7735 | Fax: 024.3754.7911
 Email: hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | Website: http://nxbdhsp.edu.vn
 Địa chỉ mua sách tại:
 PHÒNG KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
 Điện thoại: 024.3754.9202 | E-mail: kinhdoanh@nxbdhsp.edu.vn
 TRUNG TÂM PHÁT HÀNH SÁCH VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM
 Điện thoại: 024.3754.7708 | E-mail: sachsp@nxbdhsp.edu.vn
 KIOS NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
 Địa chỉ: Phố sách 19 tháng 12, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: 094.66.84.110 | Email: kiosphosach.nxb@hnu.edu.vn



ISBN 978-604-54-3977-7



9 786045 439777



8 935220 566383

Giá: 35.000đ

